

THẠCH LAM

Hà Nội

36 PHỐ PHƯƠNG



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

HÀ NỘI BĂM SÁU PHỐ PHƯỜNG

CHÀO MỪNG 990 NĂM
THĂNG LONG - HÀ NỘI
NXB VH-TT
Tháng 10-2000

THẠCH LAM

HÀ NỘI BĂM SÁU PHỐ PHƯỜNG

Tập truyện ký

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
HÀ NỘI - 2000**

THẠCH LAM (7/7/1910 - 28/6/1942). Tên thật là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi thành Nguyễn Tường Lân. Ông sinh tại Hà Nội trong một gia đình công chức, gốc quan lại; là em ruột Nhất Linh và Hoàng Đạo. Sau khi đỗ Cao đẳng tiểu học, học trường Canh nông một thời gian, rồi học trường Trung học Anbe Xarô. Sau khi đỗ tú tài phần thứ nhất đi làm báo Phong hoá, ngày nay của Tự lực văn đoàn do Nhất Linh chủ trương. Hầu hết các sáng tác của Thạch Lam được đăng báo trước khi in thành sách. Ông mất tại Yên Phụ, Hà Nội vì bệnh lao.

Là thành viên của Tự lực văn đoàn, nhưng khác với Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khái Hưng, ngòi bút trữ tình của ông có khuynh hướng đi gần với cuộc sống của những người dân bình thường nghèo khổ, những phụ nữ có số phận éo le, buồn thảm, những người tiểu tư sản nghèo... Nhiều sáng tác của Thạch Lam rất gần với văn học hiện thực phê phán và phản ánh sự phân hoá theo xu hướng tiến bộ của Văn xuôi lãng mạn trong thời kỳ Mặt trận dân chủ.

Các tác phẩm chính: Gió đầu mùa (tập truyện ngắn, 1937), Nắng trong vườn, (tập truyện ngắn, 1938), Ngày mới (truyện dài, 1939), Theo dòng (bình luận văn học, 1941), Sợi tóc (tập truyện ngắn, 1942), Hà Nội 36 phố phường (bút ký, 1943)

NHÀ ME LÊ

Đoàn Thôn là một cái phố chợ tồi tàn gần ngay một huyện lỵ nhỏ ở Trung Châu. Hai dãy nhà lụp xụp, mái tranh xuống thấp gần đến thêm, che nửa cái gai nửa đã mục nát. Gần đấy là những quán chợ xiêu vẹo đứng bao bọc một căn nhà gạch có gác, bưng bít như một cái tổ chim, nhà của một người giàu trong làng làm ra để bán hàng.

Người ở phố chợ là bảy, tám gia đình nghèo khổ không biết quê quán ở đâu, mà người dân trong huyện vẫn gọi một cách khinh bỉ: những kẻ ngụ cư. Họ ở đâu đến đây để kiếm ăn trong mấy năm trời làm đôi kém, làm những nghề lặt vặt: người thì kéo xe, người thì đánh dấm hay làm

thuê, ở mượn cho những nhà giàu có trong làng. Người ta gọi mỗi gia đình bằng tên người mẹ: nhà mẹ Hiền, nhà mẹ Đồi, nhà mẹ Lê. Những gia đình này đều giống nhau ở chỗ cùng nghèo nàn như nhau cả.

Nhà mẹ Lê là một gia đình một mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà quê, chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay nhăn nheo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa lớn mới có mười bảy tuổi, đứa bé nhất hầy còn phải bế trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, một căn nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chũng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc chiếu giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì trải ổ rơm đây nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn. Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chũng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta

phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng kia đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ; vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hi mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rơm để mong lấy cái hơi ấm của mình ấp ủ cho nó. Thằng con nhớn nhất thì từ sáng đã cùng thằng Ba ra cánh đồng kiếm con cua con ốc, hay sau mùa gặt, đi mòt những bông lúa còn sót lại trong khe ruộng. Thật là sung sướng, nếu chúng mang về được một lượm, trong những ngày may mắn. Vội vàng, bác Lê đẩy con ra vợ lấy bó lúa, đem để xuống dưới chân vò nát, vét hạt thóc, giã lấy gạo. Rồi là một bữa cơm nóng lúc buổi tối giá rét mẹ con ngồi xúm quanh nồi cơm bốc hơi trong khi bên ngoài gió lạnh rít qua mái tranh.

*

* *

Cuộc đời của gia đình bác Lê cứ như thế mà lặng lẽ qua, ngày no rồi lại ngày đói. Tuy vậy, cũng có những ngày vui vẻ. Những ngày nắng ấm trong năm, hay những buổi chiều mùa hạ, mẹ con bác Lê cùng nhau ngồi chơi ở trước cửa nhà. Các người hàng xóm cũng làm như thế. Các bà mẹ ngồi rủ rủ với nhau những câu chuyện kín đáo, các trẻ con nô đùa dưới quán chợ, còn các bà già thì ngồi rũ tóc tìm chấy ngoài bóng nắng. Bác Lê đem thằng Hi, con Phún ra gọt tóc cho chúng nó bằng một cái mảnh chai sắc. Thằng cả ngồi đan lại cái lờ, còn những đứa khác chơi quanh gần đấy. Trong ngày hè nóng nực, con bác Lê đứa nào cũng lở đầu - bác ta bảo là một cái bệnh gia truyền từ đời ông tam đại - nên bác lấy phẩm xanh bôi cho chúng nó. Trông mẹ con bác lại giống một mẹ con đàn gà, mà những con gà con người ta bôi xanh lên đầu cho khỏi lẫn. Người phố chợ vẫn thường nói đùa bác Lê về đàn con đông đúc ấy. Bác Đồi, kéo xe, người vui tính nhất xóm, không lần nào đi qua nhà bác Lê mà không bảo:

- Bác phải nhớ thỉnh thoảng đếm lại con không quên mất.

Bác Lê bao giờ cũng trả lời một câu:

- Mất bớt đi cho nó đỡ tội!

Nhưng mọi người đều biết bác Lê quý con lắm. Tuy bác hết sức công bằng, người ta cũng thấy bác yêu thằng Hi hơn cả, nó là con thứ chín, và ốm yếu xanh xao nhất nhà. Bác thường bế nó lên lòng, hôn hít, rồi khoe với hàng xóm: nội cả nhà chỉ có nó là giống thầy cháu như đúc. Rồi bác ôm con ngồi lặng yên một lát, như để nhớ lại chuyện gì đã lâu lắm.

Những đêm sáng trăng mùa hạ, cả phố bắc chông ngồi ngoài đường, vì trong nhà nào cũng nóng như một cái lò và hàng vạn con muỗi vo ve. Dưới bóng trăng, những đá rải đường trông đen và lấp lánh sáng. Đất hầy còn giữ cái nóng buổi trưa và bốc lên một cái mùi riêng lẫn mùi rác bẩn và mùi cát. Mọi người họp nhau nói chuyện, trẻ con nghịch chạy quanh các bà mẹ. Hình như quên cái cảnh khổ sở, hèn mọn, ai ai cũng vui vẻ chuyện trò, tiếng cười to và dài của người lớn xen lẫn với tiếng khúc khích của các cô gái chụm chụm sát nhau trong bóng tối. Người ta thấy tiếng bác Hiền

nói vang, tiếng bác Đồi thuật lại buổi xe kiếm may mắn. Trong một căn nhà đưa ra tiếng võng và tiếng hát lạnh lạnh của bác Đồi gái, đã đem hết tiền buổi xe kiếm được của chồng vào hiệu khách mua một cân táo tàu rồi nằm võng vừa nhai vừa hát, bài trống quân:

"Ngày xưa, có anh Trương Chi"

*

* *

Mấy năm sau, sự kiếm ăn ngày một thêm khó khăn. Buổi chợ họp không đông đúc như trước và vẫn sớm. Những tiếng nói chuyện trong sương lúc mờ sáng của các người hàng xóm gánh gạo kiêu kịt trên đê để đem xuống huyện bán, người ta không nghe thấy nữa. Cái đói kém đến chen lấn trong phố chợ. Bác Hiền ngày nào cũng gánh hàng đi rồi lại gánh hàng về; còn thường thấy bác Đồi kéo cái xe không lảng vảng trong huyện và vợ bác cũng không hay nằm võng hát trống quân nữa. Bác Lê trong lúc ấy, đi khắp các nhà trong làng xin làm mướn, nhưng các nhà có ruộng không ai mướn; bác có làm không công, người ta cũng chỉ cho có nửa bát gạo, đùm bọc về không đủ cho ba đứa con ăn. Những ngày nhin đói dần dần liên

tiếp nhau luôn. Bác Lê thấy đàn con ngày một gầy còm; buổi chiều, bác mệt nhọc chán nản trở về, hỏi thằng cả xem có đánh được ít cá nào không, thì nó buồn rầu khẽ lắc đầu, trả lời rằng các hồ ao người ta đã cấm không cho nó thả lờ nữa.

Mùa rét năm ấy đến giá lạnh và mưa gió lầy lội. Đàn con bác Lê ôm chặt lấy nhau, rét run trong căn nhà ẩm ướt và tối tăm, vì đèn đóm không có nữa. Mấy gia đình ở phố chợ đều đói rét, khổ sở. Nhưng mỗi nhà đều lặng lẽ, âm thầm mà chịu khổ một mình, không than thở với láng giềng hàng xóm, bởi vì ai nấy đều biết cũng nghèo khốn như nhau.

*

* *

Một buổi chiều, mà đàn con mình đói đã suốt buổi, bác Lê vá lại manh áo rét, gọi đứa con cả đến rồi bảo:

- Ở nhà trông các em, tao vào trong ông Bá xem có xin được ít gạo nào không.

- Ban sáng u đã vào mà người ta có cho đâu; cậu Phúc lại còn bảo hễ u vào nữa thì cậu ấy thả chó ra cắn.

Bác Lê đáp:

- Nhưng biết làm thế nào! Không có thì lấy gạo đâu mà ăn? Thôi, tao cứ liều vào lần nữa xem sao.

Nói xong, bác Lê mở cửa liếp đi ra. Trong lòng bác vẫn có chút hy vọng, tuy buổi sáng, lúc vào xin gạo, ông Bá đã đuổi mắng không cho. Bác nhớ lại cái cảnh sang trọng ấm cúng trong nhà ông Bá: những chậu sứ, câu đối thiếp vàng sáng chói. Không lẽ ông Bá giàu có thế nào không thí cho mẹ con bác được bát gạo hay sao?

Ở nhà, đàn con bác ngồi nhìn nhau, đợi trong ổ rơm. Bác đi đã lâu mà không thấy về. Thằng Hi lắng tai nghe tiếng chó cắn trong làng, rồi bảo chị nó:

- Hình như u về đấy, chị ạ.

Thằng Lê đi lại bên cửa liếp nhìn ra ngoài.

Bỗng có tiếng chân người rầm rập, đến tiếng gọi, rồi lũ trẻ thấy bác Đồi và một người nữa khiêng bác Lê vào trong nhà. Trên bắp chân người mẹ, máu đỏ chảy ròng ròng.

Thằng Lê hiểu ngay mẹ nó bị chó ông Bá cắn. Bác Đồi đặt người bị thương xuống chiếu rồi ra đi, sau khi dặn:

- Bây giờ bác lấy lá lốt mà rịt cho nó cầm máu. Chó Tây cắn thì độc lắm đấy.

Khi bác đi khỏi, lũ trẻ xúm quanh lấy mẹ. Thăng Hi vừa mếu máo vừa hỏi:

- U làm sao thế u?

Bác Lê nén cái đau, giảng cho con biết:

- Thật cậu Phúc ác quá! Đã không cho thì thôi, lại còn thả chó ra đuổi; tao đã chạy mà không kịp, nên nó cắn phải. May gặp bác Đối, chứ không biết bao giờ mới lê được về đến nhà.

Bác ngừng lại nhìn đàn con ốm yếu, rồi thở dài:

- Thế là mẹ con biết lấy gì mà ăn cho đỡ đói bây giờ?

Thăng Hi oà lên khóc, con Tý cũng khóc theo. Bác Lê giơ tay ra ôm chúng nó vào lòng, rồi nghĩ thương thân phận mình, bác cũng ứa nước mắt.

Đêm ấy, bác Lê lên con sốt. Những cái rùng mình lạnh lẽo nổi nhau lướt trên da thịt bác, manh chiếu rách không đủ đắp ấm thân. Trong lúc mê sảng, bác Lê tưởng nhớ lại cuộc đời mình, từ lúc còn bé đến bây giờ, chỉ toàn những ngày khổ sở, nhọc nhằn. Cái nghèo nàn không biết từ bao giờ đã vào nhà bác, lúc sinh ra bác đã thấy

nó rồi; và từ đây, nó cứ theo liền bác mãi. Nhưng giá cứ có người mượn làm thì cũng không đến nỗi. Bác nhớ lại những buổi đi làm khó nhọc, những lúc vui vẻ được lĩnh gạo về cho con, những bữa cơm nóng mùa rét, những lúc thằng Hi và con Tý vui đùa giằng co chiếc bánh bác mua cho chúng.

Rồi đến những ngày đi mót lúa mỗi lưng trên cánh đồng, nhặt những bông lúa thơm, những lúc vò lúa dưới chân... Bác Lê nhớ lại cái cảm giác vui mừng khi thấy ngày no đủ. Rồi đến những buổi chợ vắng, những ngày nhin đói như hôm nay. Bác mơ màng thấy vàng son chói lọi trong nhà ông Bá, thấy nét mặt gian ác và tinh nghịch của cậu Phúc, con chó Tây nhe nanh chồm lên...

- Trời ơi! Sao tôi khổ thế này...

Tiếng kêu thất thanh của bác làm giật mình lũ trẻ, chúng nó ngồi dậy đưa mắt sợ hãi nhìn người mẹ.

Hai hôm sau, bác Lê lại lên cơn mê sáng rồi chết.

Người trong phố chợ gom góp nhau mua cho bác một cỗ ván mộc, rồi đưa giúp bác ra cánh đồng, chôn vào bãi tha ma nhỏ ở đầu làng.

Khi trở về, qua căn nhà lạnh lẽo âm u, họ thấy

mấy đứa con nhỏ bác Lê ngồi ở vỉ hè, con Tý đang dỗ cho thành Hi nín khóc, nói dối rằng mẹ nó đi một lát sẽ về. Nhưng họ biết rằng bác Lê không trở về nữa. Và họ thấy một cảm giác lo sợ đè nén lấy tâm can họ, những người ở lại, những người còn sống mà cái nghèo khổ cứ theo đuổi mãi không biết bao giờ dứt.

ĐÔI

Một cơn gió lọt vào làm Sinh tỉnh giấc. Anh ta thấy cái hơi lạnh của mùa đông thấm qua lằn chăn mỏng, và thấy người mệt mỏi vì suốt đêm co quắp trên chiếc phản gỗ cứng.

Sinh cuộn chăn gói dậy. Thế là, cũng như những buổi sáng khác một cái buồn rầu chán nản, nặng nề ở đâu đến đè nén lấy tâm hồn.

Những đồ vật quanh mình ẩn hiện trong bóng tối lờ mờ khiến Sinh lại nghĩ đến cái cảnh nghèo nàn khốn khó của chàng. Một cái bàn con xiêu vẹo bên góc tường, một cái chõng tre đã gãy dăm ba nan, một cái ấm tích mất bông và mấy cái chén mẻ, nước cái vàng... Trong cùng, một cái hòm da, dấu vết còn lại của cái đời phong lưu độ trước...

Tất cả đồ đạc trong căn phòng chỉ có thể. Mà đã lâu lắm, quanh mình Sinh vẫn chỉ có những thứ đồ tồi tàn ấy, đã lâu lắm, chàng đến ở cái căn phòng tồi tằm, ẩm thấp này... Những ngày đói rét không thể đếm được nữa. Tiếng gió vi vút qua khe cửa đêm tối chàng nghe đã quen, cả đến cái mệt mỏi lả đi vì đói, chàng cũng đã chịu qua nhiều lần rồi.

Sinh thở dài. Chàng nhớ lại cái ngày bị thải ở sở chàng làm, cái giọng nói quả quyết và lạnh lùng của ông chủ, cái nét mặt chán nản thất vọng của mấy người anh em cùng một cảnh ngộ với chàng... Từ lúc đó, bắt đầu những sự thiếu thốn, khổ sở, cho đến giờ...

Tiếng guốc ngoài hè làm Sinh ngừng lên trông ra phía cửa: vợ chàng về. Nàng vén cái màn đỏ treo ở cửa bước vào. Sinh thoáng trông thấy cái thân hình của vợ in rõ lên nền sáng, một cái thân thể mảnh dẻ, gầy gò trong chiếc áo the mỏng phong phanh. Cảnh tượng ấy làm cho chàng xót thương...

Vợ chàng đi lại cạnh giường, yên lặng nhìn Sinh, không nói gì.

Sinh với lấy tay nàng kéo xuống bên mình âu yếm hỏi:

- Em đi đâu mà sớm thế?
- Em lại đăng bà Ba ở cuối phố vay tiền.
- Thế có được không?

Vợ Sinh nhìn chồng, thở dài lắc đầu:

- Ai cho chúng mình vay bây giờ? Bà ấy còn nhớ đâu đến khi trước vẫn nhờ vả mình.

Sinh buồn rầu, nói một cách chán nản:

- Thôi đời vẫn thế, trách làm gì. Nhưng bây giờ làm thế nào?

Chàng nghĩ đến cái thạp gạo đã hết, mà trong túi không còn được một đồng xu nhỏ... Đã hai hôm nay, chàng và vợ chàng thôi ăn bữa gạo cuối cùng, cái đói làm chàng khốn khổ...

- Làm thế nào?

Vợ chàng nhắc lại câu hỏi ấy, rồi cúi mặt khóc. Một tình thương tràn ngập vào trái tim chàng như một làn sóng mạnh. Sinh nắm chặt lấy tay vợ ôm vào lòng, đăm đuối, thiết tha. Chàng chỉ muốn chết ngay lúc bây giờ để tránh khỏi cái nghèo khốn khó nặng nề quá, đè ở trên vai...

Buổi chiều đến đem theo những cơn gió lạnh

lòng. Sinh bắc ghế ra cái hiên nhỏ trước cửa phòng, tựa vào bao lơn nhìn xuống dưới nhà... Chỗ chàng thuê ở là một căn phòng hẹp và dài, chia làm nhiều phòng. Mỗi gian phòng là một gia đình chen chúc ở, toàn là những người nghèo buôn bán nhỏ ở các nơi.

Giờ này là giờ họ làm cơm. Trông thấy họ tấp nập làm lung, Sinh lại nghĩ đến cái bếp nhà mình bây giờ vẫn còn tro lạnh; chàng lại lo không biết vợ đi từ sáng đến giờ sao mãi không thấy về, mà về không biết có đem cái gì không, hay lại chỉ một môi thất vọng như nhiều lần...

Nghĩ đến, Sinh lại đem lòng thương, thương người đàn bà xưa nay vẫn quen thói dài điếm phong lưu, mà bây giờ chịu khổ vì chàng... Hai bên gặp gỡ nhau trong một tiệc rượu dưới xóm cô dâu. Hồi ấy, chàng còn là một người có việc làm, còn là một người có tiền. Quen biết nhau, rồi yêu mến nhau, chàng đã chẳng quản sự ngăn trở của nhà lấy nàng về. Đôi vợ chồng đã cùng nhau sống những ngày sung sướng, ái ân, những ngày còn để lại trong trí chàng một cái kỷ niệm êm đềm, mà mỗi khi nghĩ tới, chàng không khỏi bồi

hồi. Rồi sự nghèo nàn đến, đem theo những cái nhục nhằn, khổ sở, đem theo những ngày đói rét.

Tuy vậy, sự khổ sở chàng nhận thấy không làm cho vợ chàng bớt tình yêu đối với chàng. Cũng vẫn nồng nàn, đầm thắm như xưa, cái ái tình của đôi bên chỉ có thêm màu cay đắng vì xót thương nhau.

Hình ảnh một thân thể yếu đuối, mảnh dẻ in lên nền trời buổi sớm mai lại thoáng hiện ra trước mắt Sinh. Chàng nhớ lại cái thất vọng không vay được tiền, đôi con mắt buồn rầu, đăm đăm nhìn chàng như ngụ biết bao nhiêu âu yếm, bao nhiêu hy sinh.

Một cơn gió đến làm cho Sinh thấy lạnh buốt tới xương. Chàng thấy đói, một sự đói vô cùng như trong đời chàng chưa thấy bao giờ. Đói như cào ruột, làm người chàng mệt lả đi, mắt hoa lên, trông vật gì cũng lơ mờ như lay động.

Khi có đủ ăn, đủ mặc, chàng không hề để ý đến cái đói, không bao giờ nghĩ đến. Bây giờ chàng mới được hiểu biết cái đói như thế nào. Chàng rung mình khi nghĩ đến cái mãnh liệt của sự đói, chàng cảm thấy sự cần dùng của thân thể trấn áp được hết cả những lệ luật của tinh thần. Mùi

xào nấu đồ ăn ở dưới sàn nhà đưa lên làm cho chàng khó chịu vô cùng. Sinh cúi đầu trên bao lơn nhìn xuống xem họ làm bữa cơm chiều. Các thức ăn tuy tầm thường, nhưng Sinh lấy là lạ rằng chàng chưa bao giờ thèm muốn những cái đó như chàng thèm muốn bây giờ. Mấy miếng đậu vàng trong chảo mỡ phồng dần trên ngọn lửa, mấy con cá rán bắt đầu cong lại làm cho chàng ao ước đến rung động cả người...

Không bao giờ chàng thèm muốn như bây giờ cái miếng ăn kia.

Trước kia, khi nghe chuyện người ta tranh giành nhau vì miếng ăn, chàng vẫn mỉm cười khinh bỉ. Chàng cho rằng miếng ăn là một sự không đáng kể, chỉ có cái thanh cao trong sạch của linh hồn mới là cần. Nhưng bây giờ, trong cái phút đói này, chàng mới thấy rõ cái cần mạnh mẽ của miếng ăn là thế nào.

Và chàng, trước khi phong lưu trưởng giả, trước kia khi đi qua đám bình dân bần thiú và nghèo nàn này, chàng vẫn khinh bỉ và tự hỏi không biết họ sống để làm gì, sống để mà khổ sở, để mà đói rét, không biết sống đối với họ có ý nghĩa gì mà còn ham mê quyến luyến. Bây giờ chàng lại ao

ước được một miếng ăn như họ để sống qua cái ngày rét mướt bây giờ...

*

* *

Một cái bàn tay nhẹ nhàng để lên trên vai. Sinh quay lại; vợ chàng tươi cười giơ ra trước mặt mấy cái gói giấy bóng gọn gàng sạch sẽ, mà thoáng trông, Sinh cũng nhận biết ngay là những thức ăn được, mà rất ngon, ở các hiệu tây mới có. Mùi thịt ướp và mùi giò thoang thoang đưa qua. Sinh rung động cả tay khi lần giở những dây buộc chung quanh. Chàng sung sướng hỏi:

- Ô! ở đâu thế này? Em Mai lấy tiền đâu mà mua thế?

Mai nghe Sinh hỏi, cúi đầu đáp:

- Anh cứ ăn đi đã! Ăn cho đỡ đói rồi em kể chuyện cho anh nghe. Thật là may quá, mà cái bà ấy thực phúc đức quá, anh ạ.

- Ai thế? Kể đi cho anh nghe.

Mai âu yếm nhìn chồng:

- Không, anh cứ ăn đi đã kia. Vừa ăn, em sẽ vừa nói chuyện.

· Rồi nàng nhanh nhẹn đặt mấy gói giấy lên bàn

mở những tờ giấy bóng bọc ngoài, Sinh nhìn thấy mấy miếng thịt ướp hồng hào, mỡ trắng và trong như thuỷ tinh, mấy khoanh giò nạc mịn màng, mấy cái bánh tây vàng đỏ.

Mai cất tiếng vui vẻ:

- Thế này nhé, em ở nhà đi cũng là đi liều chứ thật không biết đến nhờ vả ai được. Anh còn lạ gì các bạn hữu bây giờ; họ thấy mình nghèo khổ, thì ai người ta giúp, vì có mong gì mình trả lại người ta được. Vì thế em cứ lang thang ngoài phố, nghĩ lúc bấy giờ cực thân quá anh ạ, chỉ muốn đâm đầu xuống sông cho rảnh... Nhưng nghĩ đến anh, em lại không đành lòng... May quá, vừa lúc ấy lại gặp ngay bà Hiếu, một người quen biết từ trước. Bà trông thấy em vốn vã hỏi han như người bắt được của.

Mai nói nhanh liên thoảng:

- Bà ta tử tế quá. Cho em vay tiền, lại còn hứa giúp vốn để em buôn bán nữa. Rồi nay mai, em đi buôn cau, anh nhớ. Thật không ngờ có bà biết thương hại đến như thế.

Sinh sung sướng nói:

- Nếu không thì chúng ta đành nhịn đói ngày hôm nay. Nhưng sao em mua hoang đến thế này?

Mai cúi đầu cười, hai má đỏ hồng, mấy sợi tóc rối tung trên trán càng tăng thêm vẻ kiều mị của nàng.

- Anh không lo. Em còn nhiều tiền. Đây anh xem.

Nàng thò tay vào trong túi áo, rút ra một tập giấy bạc, vớt ra trước mặt Sinh, rồi nhanh nhẹn vui vẻ bước vào trong nhà.

- Anh đợi một lát, em đi lấy dao cắt bánh.

Nàng quay lưng đi, Sinh chợt trông thấy trên mặt đất một mảnh giấy gấp rơi xuống đất. Chàng vô tình cúi xuống nhặt lên mở ra đọc:

" Em Mai.

Đây, anh đưa số tiền anh đã hẹn. Em muốn lấy nữa anh sẽ cho em nốt; nhưng thế nào tối nay em cũng phải đúng hẹn đến đây, anh đợi".

Tờ giấy trên tay Sinh rơi lúc nào chàng cũng không biết. Một cái sức nặng nề như đè nén lấy quả tim làm cho chàng ngừng thở. Hình như trong một giây phút, bao nhiêu cái hy vọng sung sướng của đời chàng tan đi mất.

Sinh tưởng có thể chết ngay trong lúc ấy. Cái

đau đớn chàng cảm thấy thấm thía, và sâu xa quá.

Còn mong gì đó là một sự không thật, một giấc mộng nữa. Không còn phải ngờ vực gì cái số tiền kia chính là cái số tiền biên trong thư này. Ai cho vay mới được chứ! Sinh nhớ lại những ngày đi hỏi tiền, những buổi trở về thất vọng và buồn rầu, những lời tha thiết và oán hờn của vợ chàng kể lại về cái lãnh đạm, hững hờ của những người nàg quen biết. Bà Hiếu là bà nào? Chẳng qua là một sự bịa đặt ra để che mắt chàng.

Sinh thấy cơn giận dữ nổi lên mãnh liệt trong lòng; đôi môi chàng tự nhiên nhách lên một cách khinh bỉ, chàng run người lên, khẽ dần từng tiếng:

- Đồ khốn nạn!

Quả tim buốt như có kim đâm. Sinh nắm chặt lấy thành ghế, nhìn cuốn bạc giấy để trên bàn, nhìn gói đồ ăn đang mở giở rồi cúi nhìn xuống nhặt tờ giấy gấp lên.

Một lát, yên lặng. Rồi Sinh nghe rõ tiếng tấm màn vải ở cửa vất lên trước gió, tiếng dép đi nhẹ nhàng gần đến, bên chàng. Sinh cố hết sức cắn môi để nén cơn giận dữ đang sôi nổi trong lòng.

nắm chặt tay hơn nữa cho khỏi rung động cả người.

Tay vuốt nhẹ nhàng trên tóc Sinh, vợ chàng đứng sát hẳn ngay bên người. Nàng giở giấy ra, lấy dao cắt bánh vui vẻ:

- Anh xem bánh này có ngon không? Em mua ở Hàng Trống kia đấy. Miếng thịt ướp này là hạng ngon nhất, em phải trả đến năm hào đấy anh ạ. Để em cắt cho anh ăn nhé. Hình như anh đói lắm thì phải. Em cũng thế. Thôi chúng ta hãy ăn cho no đã rồi sẽ liệu sau.

Nàng cắt xong miếng thịt ướp, xếp lên đĩa, tươi cười nói tiếp:

- Kia, anh ăn đi chứ! Thật là may cho chúng mình quá. Nếu hôm nay em không gặp bà Hiếu thì không biết chúng ta làm thế nào nhỉ?

Nàng vỗ vào vai Sinh, lay chồng:

- Làm thế nào? Lại nhìn được như mọi hôm, chứ còn làm thế nào nữa, anh Sinh nhỉ! Anh nên cảm ơn bà ta đi. Bà ta thật là một người tốt, hiền hậu biết thương người. Em vừa mở miệng hỏi, thì bà đã lần ruột tượng đưa ngay cho mười lăm đồng tất cả đấy, anh ạ... Cuốn giấy bạc anh chưa đếm à? Em không nói dối anh đâu...

Cái giận của Sinh lên đến cực điểm: chàng không nên nổi được nữa. Cái tên là bà Hiếu làm chàng uất ức, vì chàng rõ những lời giả dối của vợ chàng, giả dối một cách khôn khéo, tự nhiên như thật vậy... Mai lại đến nổi thế ư? Đôi mắt trong, cái khuôn mặt hiền hậu như thế kia không ngờ lại có thể giấu được những sự tối tăm như bây giờ...

Vùng mạnh cánh tay, Sinh hát Mai ra xa như người ta hát một con vật đáng ghê sợ. Mai lão đảo lúi lại sau ngả dúi vào tường, vành khăn tung, tóc xõ, nàng gương to con mắt ngạc nhiên nhìn chồng:

- Ô hay, anh làm sao thế?

Sinh cất tiếng cười, hai hàm răng rít lên, cái tiếng cười ghê gớm như tiếng cười của một người điên:

- Làm sao à? Cô lại còn hỏi tôi tại làm sao nữa...
Thôi đừng vờ đi, đừng giả dối nữa...

Sinh mở bàn tay giơ ra tờ giấy gấp đã nát nhàu:

- Thế cái giấy gì đây mới được chứ?

Mai trông thấy mặt xám đi, hai tay ôm lấy đầu,

người run lấy bầy. Giọng nói của Sinh càng tăng thêm vẻ chế giễu, mỉa mai, chua chát:

- Bà Hiếu tử tể đấy! Ủi chà? Nào là bà ấy tử tể, nào là thương người, nào là hiền hậu... Sao không nói, bà ấy hẹn đến đêm nay lại đến nữa...

Mai cúi đầu ồm mặt khóc nức nở. Cái tiếng khóc ấy không làm cho Sinh bớt giận, lại chỉ làm tăng thêm lên, như ngọn lửa đổ thêm dầu. Càng nói Sinh lại càng thấy cái giận như sôi nổi, bông bột trong lòng. Mai sợ hãi nép vào tường, thốn thức, ngấp ngừng, khe gọi:

- Anh Sinh... anh...

Sinh như không nghe tiếng, nói luôn:

- Cô còn khóc làm gì nữa.. Cô đi ngay đi, đi ra khỏi cái nhà này, tôi không muốn trông thấy mặt cô một phút nào nữa. Cô cầm lấy cái này...

Sinh giơ tay vợ cuốn giấy bạc trên bàn, ném mạnh vào người Mai; giấy bạc tung ra, rơi lả tả trên thêm. Chàng hất cả mấy gói đồ ăn xuống đất, những mẩu bánh, miếng thịt tung toé dưới bàn...

- Không ai thèm ăn những thứ khốn nạn này!

Rồi chàng mệt nhọc ngã người trên ghế, hai tay

giây mỡ ôm lấy trán, không để ý đến Mai đang sợ hãi giờ hai tay về phía chàng cầu khẩn, van xin. Rồi nàng nấc lên khóc, kéo vạt áo che mặt, đi ra phía ngoài.

Sinh cúi đầu ngẫm nghĩ: cái giận dữ đã tan đi, để lại một nỗi buồn rầu chán nản vô cùng. Sinh thấy trong lòng nguội lạnh, một cảm giác lạnh lùng như thắt lấy ruột gan. Nghĩ đến những ngày đói rét, khổ sở đã qua, đến mấy năm nay sống trong cảnh nghèo nàn. Sinh uất ức, căm giận cho cái số phận của mình. Nhưng tại sao lại có thêm một sự đau đớn nữa? Tại sao Mai trước kia đã từng bao phen khổ sở cùng chàng, đến bây giờ đem thân bán đi lấy một vài đồng bạc, tại sao Mai lại làm sự khốn nạn ấy như giờ...

Bao nhiêu đau đớn trong tâm can làm Sinh thổn thức, ghen ngào. Quả tim không đủ chứa nổi nỗi đau thương; Sinh gục xuống bàn.

Một cơn gió hắt hiu thổi đến làm cho chàng rùng mình. Bỗng nhiên tất cả người chàng chuyển động: chàng vừa thoáng nghĩ thấy cái mùi thơm và béo của những miếng thịt ướp mỡ còn dính ở tay.

Cơn đói lại nổi dậy như cào ruột, xé gan, mãnh liệt, át hẳn cả nỗi buồn. Chàng muốn chống cự lại, muốn quên đi, nhưng không được, cái cảm giác đói đã lấn khắp cả người như nước triều tràn lên bãi cát. Mỗi lần cơn gió, mỗi lần chàng thấy mùi ngậy béo của miếng thịt ướp, mùi thơm của chiếc bánh vàng. Mũi Sinh tự nhiên nở ra, hít mạnh vào, cái mùi thơm thấu tận ruột, gan, như thấm nhuần vào xương tủy.

Sinh cúi xuống nhìn gói đồ ăn tung toé dưới bàn; chàng lăm lét đưa mắt nhìn quanh không thấy Mai đứng đấy nữa. Khẽ đưa tay ngáp ngừng sợ hãi. Sinh vớ lấy miếng thịt hồng hào.

Sinh ăn vội vàng; không kịp nhai, kịp nuốt. Chàng nắm chặt miếng thịt trong tay, nhây nhóp mỡ, không nghĩ ngợi gì, luôn luôn đưa vào miệng...

Trong gói giấy, đồ ăn đã hết, chỉ còn những cái vụn nhỏ dính trên mặt giấy bóng mỡ. Sinh thấy nóng ran ở trong bụng. Chàng vươn người ra đằng sau, khoan khoái thở dài. Nhưng chàng nhớ lại bức thư, cuốn giấy bạc, nhớ lại tiếng khóc thổn thức của Mai nép bên tường, nhớ lại những lời

khinh bỉ, mỉa mai chua xót. Chàng nhớ lại nỗi uất ức, đau đớn của mình...

Một cái chán nản mệnh mông tràn ngập cả người. Sinh lấy hai tay ôm mặt, cúi đầu khóc nước nỡ.

HAI LẦN CHẾT

Dung là con thứ bốn. Vì vậy khi nàng ra đời, không được cha mẹ hoan nghênh lắm. Thực ra, không phải cha mẹ nàng hắt hủi con, vẫn coi người con như một cái phúc trời ban cho, nhưng lúc bấy giờ cha mẹ nàng đã nghèo rồi. Với ba người con trước, hai trai, một gái, cha mẹ Dung đã thấy khó nhọc, vất vả làm lụng mới lo cho đàn con đủ ăn, và hai con trai được đi học. Sau Dung lại còn con bé út nữa, nên cảnh nhà càng thêm túng bấn.

Khi sinh ra Dung, mẹ nàng vì bận buôn bán, giao phó nàng cho người u già trông nom. Người u già này ở nhà Dung đã lâu lắm, đã nuôi và săn sóc tất cả anh chị Dung từ lúc bé. Nhưng, không

biết vì có phải thấy Dung ra đời trong sự lãnh đạm, mà u già đem bụng thương yêu Dung lắm. U săn sóc, bế ẵm nàng, và chăm chú nàng quí như con đẻ vậy, tuy Dung lúc bé ốm yếu khó nuôi và lại ghẻ lở bẩn thỉu nữa.

Cha Dung chẳng làm gì cả. Từ xưa đến nay vẫn thế. Hình như ông ta sinh ra đời là chỉ để ngồi ở nhà cho lúc nào cũng có người và để những ngày giỗ tết trong họ, khăn áo chỉnh tề đi ăn cỗ mà thôi. Không ai thấy ông ta làm một việc gì, mà cũng không ai nghĩ đến sự ông ta phải làm một việc gì.

Ông lúc nào cũng ngồi rung đùi bên cạnh cái điều ống mà sữa chữa rất kêu, thỉnh thoảng hút một điếu rồi ngồi trầm ngâm như đang nghĩ ngợi một sự gì quan trọng. Những lúc ấy u già biết là ông chẳng nghĩ sự gì quan trọng cả, bèn đem Dung đến cho ông bế. Ông giơ tay ẵm Dung vào lòng hôn hít, rồi xốc Dung lên đùi, ngoái bụng cho nó cười, rồi lại trịnh trọng đưa trả u già. Xong ông lại ngồi nghĩ ngợi.

Có lẽ ông nghĩ tình cảnh nhà ông, hồi còn ông cụ đi làm việc quan, rất giàu có và hách dịch suốt một vùng này. Từ khi cụ cố mất đi, cơ nghiệp ăn

tiêu dần, cảnh nhà thành ra sa sút, chỉ còn cái danh không.

*

* *

Cha mẹ Dung cũng không nghĩ đến sự bắt nạt đi học như anh chị nàng, có lẽ vì nghĩ rằng lo cho hai người cũng đã đủ.

Dung càng lớn, càng gầy gò đi. Suốt ngày nàng chỉ chạy đánh khăng đánh đáo với lũ trẻ con nhà "hạ lưu" - cha nàng gọi thế, những người nghèo khổ trú ngụ ở chung quanh xóm chợ. Nhiều khi đi đâu về trông thấy, cha nàng gọi về, đánh cho mấy roi và cấm từ đây không được chơi với lũ trẻ ấy. Nhưng trận đòn xong, Dung lại mon men chơi với lũ trẻ, và thấy hình như cha nàng chỉ cấm lấy lệ chứ không thiết gì đến, nàng lại vững tâm nhập vào bọn "hạ lưu" suốt ngày đông dài ở ngoài chợ.

Một đôi khi, mẹ nàng có dịp về đến nhà, trông thấy nàng quần áo lôi thôi lếch thếch và chân tay lấm bùn, chỉ chép miệng thờ dãi nói:

- Con này rồi sau đến hỏng mất thôi.

Rồi bà lại quay đi buôn bán như thường, sau khi đã để lại cho chồng một món tiền tiêu pha

trong nhà, và sau khi anh chị Dung mỗi người đã núng nịu đòi được một hào để ăn quà.

Dung thấy thế cũng chẳng ganh tị, vì nàng xưa nay đối với các anh chị cũng không thân thiết lắm. Những khi đang chơi thấy đói, nàng lại chạy về xin u già bát cơm nguội hay thức ăn gì khác - thế nào u già cũng đã để phần - rồi lại chạy như một con vật non không biết lo nghĩ gì.

Những sự ấy đã làm cho Dung có một cái tính an phận và nhẫn nại lạ lùng. Ngày trong nhà có tết nhất, các anh chị em nàng được mặc quần áo mới vui chơi, còn nàng vẫn cứ phải áo cũ làm lụng dưới bếp. Dung cũng không kêu ca gì. Mà nàng biết kêu ca cũng không được. Nhiều lần nàng đã nghe thấy u già nói với mẹ nàng may cho cái áo, thì mẹ nàng trả lời:

- May cho con nặc nô ấy làm gì. Để nó làm rách nát ra à?

Còn nói với cha thì Dung biết là vô công hiệu, vì cha nàng không dám tự ý cái gì bao giờ cả.

*

* *

Cuộc đời cứ đi như thế trong cái xó chợ cỏn con

ấy. Thấm thoát Dung đã mười bốn tuổi, nhưng ai cũng tưởng là hãy còn trẻ con, mà tính nết như đứa trẻ con thật. U già đã có khi phải gắt lên với nàng:

- Bây giờ cô phải đứng đắn lên một tí chứ. Nhiều tuổi rồi còn gì nữa.

Dung ngây thơ hỏi:

- Đứng đắn là thế nào cơ, u?

- Đứng đắn là đứng đắn chứ còn là thế nào nữa, cô hỏi lẩn thẩn lắm. Cô không có vẻ người lớn một tí nào cả.

-Ừ thì tôi không người lớn. Nhưng không người lớn thì làm sao hở u?

U già vác quạt đánh; Dung chạy lại ôm lấy, rồi âu yếm ghé tai u già nói khẽ:

- Tôi có người lớn, cậu, mẹ cũng không yêu hơn cơ mà.

Thế là hai u cháu lại lặng yên không nói gì nữa.

Một hôm mẹ Dung đưa một bà ở trên tỉnh về chơi. Thấy người lạ, nhất là cách ăn mặc thị thành của bà khách, Dung cứ đứng dấn mắt lên nhìn. Mà lạ thay, lần này Dung không thấy mẹ quạt

mắng bảo lui đi như mọi bận có khách khác. Mà bà khách lạ cũng chăm chú nhìn Dung từ đầu đến chân, lại hỏi han Dung nữa.

Sau hai bà thì thăm với nhau mãi. Mẹ Dung mời bà khách ở lại ăn cơm, rồi thân hành tiễn bà ra ga.

Bẵng được ít lâu, một hôm mẹ Dung đổ hàng về, gọi Dung lại gần, lấy ra một gói bọc giấy mà bảo:

- Đây, áo mới của cô đây. Lấy ra mà thay, chứ ai lại ăn mặc rách rưới như thế kia bao giờ.

Dung se sẽ cầm gói giấy mở ra, thấy hoa cả mắt: nào áo nhiễu trắng, bom bay hồng, áo lụa màu hoa lý. Lại còn mấy chiếc quần lụa cạp đỏ, mấy cái áo cánh vải phin, mấy cái cổ yếm máy và mấy chục thước vải. Dung cất tiếng run run hỏi:

- Của những ai đấy, mẹ?

- Không, riêng của con đấy thôi.

Dung sung sướng mân mê các cúc áo. U già cũng lại gần xuýt xoa khen.

Từ hôm ấy, mẹ Dung chiều chuộng Dung lắm, không ghét bỏ như trước. Bà bắt Dung ăn mặc chỉnh tề, tập đi giày - (nhưng vắng mặt mẹ, Dung

lại vứt giày đi chơi, vì nàng không quen đi) - bắt vắn tóc, và nhuộm răng.

Cuối tháng tám năm ấy, bà khách lại xuống chơi ở lại ăn cơm. Mẹ Dung gọi Dung vào buồng, đóng cửa rồi thì thảo với con đến hơn một tiếng đồng hồ.

Sau cửa mở, thấy Dung bước ra mặt đỏ hoe như mới khóc, và bẽn lẽn không dám trông bà khách. Nhưng u già dõ đành ít lâu, Dung lại vui vẻ và cười đùa như cũ. Hễ trẻ lảng giềng có chế nhạo, Dung chỉ mỉm cười.

*

* *

Thế là Dung đi lấy chồng.

Nàng đi lấy chồng cũng ngỡ và lạ lòng như người nhà quê lên tỉnh. Dung coi đi lấy chồng như một dịp đi chơi xa, một dịp rời bỏ được cái gia đình lạnh lẽo và cái xóm chợ quen mắt quá của nàng. Đi lấy chồng đối với nàng là hưởng một sự mới.

Vì thế, khi bước chân lên ô tô về nhà chồng, Dung không buồn bã, khóc lóc gì cả. Nàng còn chú ý đến những sự lạ mắt, lạ tai của nhà trai, không

nghe thấy những lời chúc tụng hơi mát mẻ và ganh tị của hai chị và em bé nàng nữa.

Về đến nhà chồng, Dung mới biết chồng là một anh học trò lớp nhì, vừa lẩn thẩn vừa ngu dốt. Nàng đã bé mà chồng nàng lại choắt hơn. Nhưng bà mẹ chồng với các em chồng nàng thì to lớn, ác nghiệt lắm.

Qua ngày nhị hí, Dung phải tháo bỏ đôi vòng trâm mẹ chồng, ăn mặc nâu sồng như khi còn ở nhà rồi theo các em chồng ra đồng làm ruộng. Nhà chồng nàng giàu, nhưng bà mẹ rất kiệt, không chịu nuôi người làm và bắt con dâu làm.

Khốn nạn cho Dung từ bé đến nay không phải làm công việc nặng nhọc, bây giờ tát nước, nhổ cỏ, làm lụng đầu tắt mặt tối suốt ngày. Đã thế lại không có người an ủi! Chồng nàng thì cả ngày thả diều, chả biết cái gì mà cũng không dám cãi lại bà cụ. Còn hai em chồng nàng thì ghê gớm lắm, thị nhau làm cho nàng bị mắng thêm.

Những lúc Dung cực nhọc quá ngồi khóc thì bà mẹ chồng lại day nghiến:

- Làm đi chứ, đừng ngồi đây mà sụt sịt đi cô. Nhà tôi không có người ăn chơi, không có người cả ngày ôm lấy chồng đâu.

Rồi bà kể thêm:

- Bây giờ là người nhà tao rồi thì phải làm. Mấy trăm bạc dẫn cưới, chứ tao có lấy không đâu.

Dung chỉ khóc, không dám nói gì. Nàng đã viết ba bốn lá giấy về kể nỗi khổ sở của nàng nhưng không thấy cha mẹ ở nhà trả lời.

Một hôm tình cờ ở nhà đi vắng, Dung vội ăn cắp mấy đồng bạc trình lên ra ga lấy vé tàu về quê. Đến nơi, mẹ nàng ngạc nhiên hỏi:

- Kia, con về bao giờ thế? Đi có một mình thôi à?

Dung sợ hãi không dám nói rằng trốn về, phải tìm cơ nói dối. Nhưng đến chiều tối, nàng lo sợ quá, biết rằng thế nào ngày mai mẹ chồng nàng cũng xuống tìm. Nàng đánh bạo kể hết tình đầu đuôi cho cha mẹ nghe, những nỗi hành hạ nàng phải chịu, và xin phép cho nàng ở lại nhà.

Cha nàng hút một điếu thuốc trong cái ống điếu khảm bạc rồi trầm ngâm như nghĩ ngợi. Còn mẹ nàng thì dùng dùng nổi giận mắng lấy mắng để:

- Lấy chồng mà còn đòi ở nhà sao! Sao cô ngu thế? Cô phải biết cô làm ăn thế đã thấm vào đâu mà phải kể. Ngày trước tôi về nhà này còn khó

nhọc bằng mười, chứ chả được như cô bây giờ đâu, cô ạ.

Sớm mai, bà mẹ chồng Dung xuống. Vừa thấy thông gia, bà đã nói mát:

- Nhà tôi không có phúc nuôi nổi dâu ấy. Thôi thì con bà tôi xin trả bà chứ không dám giữ.

Mẹ Dung cãi lại:

- Ô hay, sao bà ăn nói lạ vậy! Bây giờ nó đã là con dâu bà, tôi không biết đến. Mặc bà muốn xử thế nào thì xử. Chỉ biết nó không phải là con của tôi nữa mà thôi.

Bà nọ nhường bà kia, rút cục Dung được lệnh của mẹ phải sửa soạn để đi với mẹ chồng.

Bị khổ quá, nàng không được khóc nữa. Nàng không còn hy vọng gì ở nhà cha mẹ nữa. Nghĩ đến những lời day nghiền, những nỗi hành hạ nàng sẽ phải chịu, Dung thấy lạnh người như bị sốt. Nàng hoa mắt lên đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nợ.

Nàng không nhớ rõ gì cả. Ra đến sông lúc nào nàng cũng không biết. Như trong một giấc mơ Dung lơ mơ thấy cái thành cầu, thấy dòng nước chảy. Trí nàng sắc lại khi nước lạnh đập vào mặt,

nàng uất ức lịm đi, thấy máu đỏ trào lên, rồi một cái màng đen tối đến che lấp cả.

*

* *

Bỗng nàng mơ màng nghe tiếng nhiều người, tiếng gọi tên nàng, một làn nước nóng đi vào cổ. Dung ú ở cửa mình muốn trả lời.

- Tỉnh rồi, tỉnh rồi, không lo sợ gì nữa. Bây giờ chỉ đắp chăn cho ấm rồi sắc nước gừng đặc cho uống là khỏi.

Dung dần dần nhớ lại. Khi nàng mở mắt nhìn, thấy mình nằm trong buồng, người u già cầm cây đèn con đứng đầu giường, nhìn nàng mỉm cười một cách buồn rầu:

- Cô đã tỉnh hẳn chưa?

Dung gật: "Tỉnh rồi". Một lát, nàng lại hỏi: "Tôi làm sao thế nhỉ... Bà cả đâu u? Bà ấy về chưa?"

U già để tay lên trán Dung không trả lời câu hỏi:

- Con hãy còn mệt. Ngủ đi.

Hai hôm sau, Dung mạnh khỏe hẳn. Bà mẹ chồng vẫn chờ nàng hỏi có vẻ gay gắt thêm:

- Cô định tự tử để đeo cái tiếng xấu cho tôi à? Nhưng đời nào! Trời có mắt chứ! Đã dễ mà chết được. Thế bây giờ cô định thế nào? Định ở hay định về?

Dung buồn bã trả lời:

- Con xin về.

Khi theo bà cả ra ga, Dung thấy người hai bên đường nhìn nàng bàn tán thì thảo. Nàng biết người ta tò mò chú ý đến nàng.

Trông thấy dòng sông chảy xa xa, Dung ngậm ngùi nghĩ đến cái chết của mình. Lần này về nhà chồng, nàng mới hẳn là chết đuối, chết không bầu vùi vào đâu được, chết còn không mong có ai cứu vớt nàng ra nữa.

Dung thấy một cảm giác chán nản và lạnh lẽo. Khi bà cả lần ruột tượng, gọi nàng lại đưa tiền lấy vé, Dung phải vội quay đi để giấu mấy giọt nước mắt.

*

* *

HAI ĐÚA TRẺ

Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.

Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị; Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.

- Em thắp đèn lên chị Liên nhé?

Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời:

- Hăng thông thả một lát nữa cũng được. Em ra ngồi đây với chị kéo ở trong ấy muỗi.

An bỏ diêm xuống bàn cùng chị ra ngoài chõng ngồi; chiếc chõng nan lún xuống và kêu cọt két.

- Cái chõng này sắp gãy rồi chị nhỉ?

- Ừ ế rồi chị bảo mẹ mua cái khác thay vào.

Hai chị em gương nhẹ ngồi yên nhìn ra phố. Các nhà đã lên đèn cả rồi, đèn treo trong nhà bác phở Mỹ, đèn Hoa kỳ leo lét trong nhà ông Gửu, và đèn dây sáng xanh trong hiệu khách... Những nguồn ánh sáng ấy đều chiếu ra ngoài phố khiến cát lấp lánh từng chỗ và đường mấp mô thêm vì những hòn đá nhỏ một bên sáng một bên tối.

Chợ họp giữa phố vẫn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này. Một vài người bán hàng về muộn đang thu xếp hàng hoá,

đòn gánh đã xỏ sẵn vào quang rồi, họ còn đứng nói chuyện với nhau ít câu nữa.

Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm tòi. Chúng nhặt nhanh thanh nứa, thanh tre, hay bất cứ cái gì có thể dùng được của các người bán hàng để lại. Liên trông thấy động lòng thương nhưng chính chị cũng không có tiền để mà cho chúng nó.

Trời nhá nhem tối, bây giờ chị em Liên mới thấy thằng cu bé xách giỏ đi ra; chị Tý, mẹ nó, theo sau, đội cái chõng trên đầu và tay mang không biết bao nhiêu là đồ đạc: tất cả cái cửa hàng của chị.

- Sao hôm nay chị dọn hàng muộn thế?

Chị Tý để chõng xuống đất, bày biện các bát uống nước mãi rồi mới chép miệng trả lời Liên:

- Ôi chao sớm với muộn mà có ăn thua gì.

Ngày, chị đi mò cua bắt tép; tối đến chị mới dọn cái hàng nước này dưới gốc cây bàng, bên cạnh cái mộc gạch. Để bán cho ai? mấy người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng mấy chủ linh lễ trong huyện hay người nhà thầy thừa đi gọi chân tổ tôm cao hứng vào hàng chị uống nước chè tươi

và hút điều thuốc lão. Chị Tý chả kiếm được bao nhiêu, nhưng chiều nào chị cũng dọn hàng, từ chập tối cho đến đêm.

Chi kê xong chõng, ghế, dịch ngọn đèn Hoa kỳ lại ngồi tằm trấu, còn thằng cu thì loay hoay nhóm lửa để nấu nước chè. Lúc bấy giờ chị mới ngẩng lên nói chuyện với Liên:

- Còn cô chưa dọn hàng à?

Liên giật mình, kêu khê: chết chữa! rồi đứng dậy giục em:

- Vào đóng cửa hàng thôi, không mẹ ra mắng chết.

An đáp:

- Hôm nay chưa chắc mẹ có ra không, chị ạ. Mẹ còn bận làm gạo cơ mà.

Ngày nào, cứ chập tối, mẹ Liên tạt ra thăm hàng một lần, và bà dặn hễ cứ trông thu không phải đóng cửa hàng lại. Thế mà Liên mãi ngồi nhìn phố quên mất! Bấy giờ Liên vội vàng vào thắp đèn, xếp những quả sơn đen lại, trong lúc An đi tìm then để cài cửa cho chắc chắn. Cài cửa hàng hai chị em trông coi là một cửa hàng tạp hoá nhỏ xiu, mẹ Liên dọn ngay từ khi cả nhà bỏ

Hà Nội về quê ở, vì thấy Liên mất việc. Một gian hàng bé thuê lại của bà lão móm, ngăn ra bằng một tấm phen nửa dán giấy nhật trình. Mẹ Liên giao cho Liên trông coi - bà còn bận làm hàng sáo - và buổi tối thì hai chị em cùng ngủ đây để trông hàng.

Liên đếm lại những phong thuốc lão, xếp vào hòm các bánh xà phòng còn lại, vừa lẩm bẩm nhẩm tính tiền hàng. Hôm nay ngày phiên mà bán cũng chẳng ăn thua gì.

- Có phải buổi trưa em bán cho bà Lục hai bánh xà phòng không?

An ngẫm nghĩ rồi đáp:

- Vâng, bà ta mua hai bánh còn cụ Chi lấy chịu nửa bánh nữa.

Liên với cái bàn tính để cộng số tiền. Nhưng trong hàng nóng và muỗi quá, chị ngần ngại, rồi xếp hết cả tiền vào tráp, không tính nữa.

- Thôi, để mai tính một thế.

An nhìn chị chỉ đợi lúc ấy. Hai chị em cùng vội muồn đóng cửa hàng để lại ra ngoài kia, ngồi trên chõng ngẫm nhìn phong cảnh ngoài phố. Liên khoá vội tráp tiền với một chiếc chìa khoá chị đeo

vào cái dây xà tích bạc ở thắt lưng, chiếc xà tích và cái khoá chị quý mến và hãnh diện, vì nó tỏ ra chị là người con gái lớn và đảm đang.

- A, cô bé làm gì thế?

Nghe câu nói tiếp theo một tiếng cười khanh khách, chị em Liên không cần ngoảnh mặt ra cũng biết là ai đã vào hàng. Đó là cụ Thi, một bà già hơi điên. Vẫn mua rượu ở hàng Liên. Liên đã biết tính bà, chị lẳng lẳng rót một cút rượu ty đầy đưa cho cụ; chị không dám nhìn mặt cụ, và trong lòng hơi run sợ, chị mong cho cụ chóng đi. Cụ cầm cút rượu soi lên rồi cười giòn giã nói:

- A, em Liên thảo nhỉ. Hôm nay lại rót đầy cho chị đây.

Cụ ngửa cổ ra đằng sau, uống một hơi cạn sạch, rồi vừa chép miệng vừa lẩn ruột tượng trả tiền - Cụ để ba đồng xu vào tay Liên, xoa đầu chị một cái rồi lão đảo bước ra ngoài. Hai chị em Liên đứng sững nhìn theo cụ đi lẫn vào bóng tối, tiếng cười khanh khách nhỏ dần về phía làng.

*

* *

Trời đã bắt đầu đêm, một đêm mùa hạ êm như

nhưng và thoáng qua gió mát. Đường phố và các ngõ con dần dần chừa đầy bóng tối. Các nhà đã đóng im im, trừ một vài cửa hàng còn thức, nhưng cửa chỉ để hé ra một khe ánh sáng. Trẻ con tụ họp nhau ở thêm hè, tiếng cười nói vui vẻ, khiến An thêm muốn nhập bọn với chúng để nô đùa, nhưng sợ trái lời mẹ dặn phải coi hàng, nên hai chị em đành ngồi yên trên chõng, đưa mắt theo đôi bong người về muộn, từ từ đi trong đêm.

Vòm trời hàng ngàn ngôi sao ganh nhau lấp lánh, lẩn với vệt sáng của những con đom đóm bay là trên mặt đất hay len vào cành cây. An và Liên lặng ngược mắt lên nhìn các vì sao để tìm sông Ngân Hà và con vịt theo sau ông Thần Nông. Vũ trụ thăm thẳm bao la đối với tâm hồn hai đứa trẻ như đầy bí mật, xa lạ và làm mòn trí nghĩ, nên chỉ một lát hai chị em lại cúi nhìn về mặt đất, về quang sáng thân mật chung quanh ngọn đèn lay động trên chõng hàng của chị Tý. Về phía huyện, một chấm lửa khác nhỏ và vàng lơ lửng đi trong đêm tối, mất đi, rồi lại hiện ra.. An trở tay bảo chị:

- Kia, hàng phố của bác Siêu đã đến kia rồi.

Tiếng đồn gánh kiu kịt nghe rõ rệt, khói theo

gió tạt lại chỗ hai chị em; bác Siêu đã tới gần, đặt gánh phở xuống đường. Bác cúi xuống nhóm lại lửa, thổi vào cái nứa con. Bỗng bác mệnh mang ngải xuống đất một vùng và kéo dài đến tận hàng rào hai bên ngõ. An và Liên ngồi thấy mùi phở thơm, nhưng ở cái huyện nhỏ này, quả bác Siêu bán là một thứ quả xa xỉ, nhiều tiền, hai chị em không bao giờ mua được. Liên nhớ lại khi ở Hà Nội chị được hưởng những thức quả ngon, lạ - bấy giờ mẹ Liên nhiều tiền, - được đi chơi bờ hồ uống những cốc nước lạnh xanh đỏ. Ngoài ra, kỷ niệm còn nhớ lại không rõ rệt gì, chỉ là một vùng sáng rực và lấp lánh, Hà Nội nhiều đèn quá! Từ khi nhà Liên dọn về đây, từ khi có cái cửa hàng này, đêm nào Liên và em cũng phải ngồi trên chiếc chõng tre dưới gốc bàng với cái tối của quang cảnh phố chung quanh.

Đêm tối đối với Liên quen lắm, chị không sợ nó nữa. Tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại sẫm đen hơn nữa. Giờ chỉ còn ngọn đèn con của chị Tý, và cái bếp lửa của bác Siêu; chiếu sáng một vùng đất cát, trong cửa hàng, ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vặn nhỏ, thưa thớt từng hột sáng

lọt qua phen nửa. Tất cả phố xá trong huyện bây giờ đều thu nhỏ lại nơi hàng nước của chị Tý. Thêm được một gia đình bác Xẩm ngồi trên manh chiếu, cái thau sắt trắng để trước mặt, nhưng bác chưa hát vì chưa có khách nghe.

Chị Tý phe phẩy cánh chuôi khô đuổi ruồi bò trên mấy thức hàng, chậm rãi nói:

Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?

Chị muốn nói mấy chú lính trong huyện, mấy người nhà cụ Thừa, cụ lục là những khách hàng quen của chị. Bác Siêu đáp vắn vơ:

- Hôm nay trong ông Giáo cũng có tổ tôm. Để họ không phải đi đâu gọi.

Vợ chồng bác Xẩm góp chuyện bằng mấy tiếng đàn bầu, bần bật trong yên lặng. Thằng con bò ra đất, ngoài manh chiếu, nghịch nhặt những rác bần vùi trong cát bên đường. Chừng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hàng ngày của họ.

An và Liên đã buồn ngủ riu cả mắt. Tuy vậy hai chị em vẫn cố gượng để thức khuya chút nữa, trước khi vào hàng đóng cửa đi ngủ. Mẹ vẫn dặn phải thức đến khi tàu xuống - để bán hàng, may ra còn có một vài người mua. Nhưng cũng như

mọi đêm Liên không trông mong còn ai đến mua nữa. Với lại, đêm họ chỉ mua bao diêm hay thuốc là cùng. Liên và em cố thức là vì có khác, vì muốn được nhìn chuyến tàu đó là sự hoạt động cuối cùng của đêm khuya.

An đã nằm xuống gôi đầu lên đùi chị, mí mắt sắp sửa rơi xuống, còn dặn với:

- Tàu đến chị đánh thức em dậy nhé.

- Ừ, em cứ ngủ đi.

Liên khẽ quạt cho An, vuốt lại mái tóc tơ. Đầu em bé nặng dần trên người Liên; chị ngồi yên không động đậy. Qua khe lá cửa cảnh bàng ngàn sao vẫn lấp lánh; một con đom đóm bám vào dưới mặt lá, vùng sáng nhỏ xanh nhấp nháy rồi hoa rụng xuống vai Liên khe khẽ, thỉnh thoảng từng loạt một. Tâm hồn Liên yên tĩnh hẳn, có những cảm giác mơ hồ không hiểu.

Trống cầm canh ở huyện đánh rung lên một tiếng ngắn, khô khan, không vang động ra xa, rồi chìm ngay vào bóng tối. Người vắng mãi; trên hàng ghế chị Tý mới có hai, ba bác phu ngồi uống nước và hút thuốc lão. Nhưng một lát từ phố huyện đi ra, hai ba người cầm đèn lồng lung lay các bóng dài; mấy người làm công ở hiệu khách

đi đón bà chủ ở tỉnh về. Bác Siêu ngẩn cổ nhìn ra phía ga, lên tiếng:

- Đèn ghi đã ra kia rồi.

Liên cũng trông thấy ngọn lửa xanh biếc, sát mặt đất như ma trôi. Rồi tiếng còi xe lửa ở đầu vang lại, trong đêm khuya kéo dài ra theo gió xa xôi. Liên đánh thức em:

- Dậy đi, An. Tàu đến rồi.

An nhôm dậy, lấy tay dụi mắt cho tỉnh hẳn. Hai chị em nghe tiếng đôn dập, tiếng xe rít mạnh vào ghi. Một làn khói bùng sáng trắng lên đằng xa, tiếp đến tiếng hành khách ồn ào khe khẽ. Máy nam nay buôn bán kém nên người lên xuống ít, có khi hai chị em đợi chờ chẳng thấy ai - Trước kia, ở sân ga, có mấy hàng cơm mở đón khách, đèn sáng cho đến nửa đêm. Nhưng bây giờ họ đóng cửa cả rồi, cũng im lặng tối đen như ngoài phố.

Hai chị em chờ không lâu. Tiếng còi đã rít lên, và tàu rầm rộ đi tới. Liên dắt em đứng dậy để nhìn đoàn xe vụt qua, các toa đều sáng trưng, chiếu ánh cả xuống đường. Liên chỉ thoáng trông thấy những toa hàng trên sang trọng lố nhố những người, đồng và kền lấp lánh, và các cửa kính sáng.

Rồi chiếc tàu đi vào đêm tối, để lại những đóm than đỏ bay tung trên đường sắt. Hai chị em còn nhìn theo cái chấm nhỏ của chiếc đèn xanh treo trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre.

- Tàu hôm nay không đông nhỉ, chị nhỉ.

Liên cầm tay em không đáp. Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sang hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về! Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn, đối với Liên, khác hẳn các vầng sáng ngọn đèn của chị Tý và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng.

- Thôi đi ngủ đi chị.

Liên vỗ vai em ngồi xuống chông. An cũng ngồi xuống và ngả đầu vào vai Liên. Tiếng vang động của xe hoả đã nhỏ rồi, và mất dần trong bóng tối, lắng tai cũng không nghe thấy nữa. Sao trên trời vẫn lấp lánh. Cả phố huyện bây giờ mới thật hết náo động; Chỉ còn đêm khuya, tiếng trống cầm canh và tiếng chó cắn. Từ phía ga, bóng đèn lồng

với bóng người đi về: chị Tý đương sửa soạn đồ đạc, và bác Siêu đã gánh hàng đi vào trong làng, còn vợ chồng bác Xẩm ngủ gục trên manh chiếu tự bao giờ.

Liên quay lại nhìn em thấy An cũng đã ngủ say, tay nắm chặt tà áo chị và đầu vẫn dựa vào vai chị. Liên nhìn quanh đêm tối, gió đã thoáng lạnh và đom đóm không còn nữa. Chị cúi xuống vực em vào trong hàng, mắt cũng đã riu lại. Chị gài cửa cẩn thận và vặn nhỏ ngọn đèn đặt lên trên cái quả thuốc sơn đen. Rồi Liên đến bên em nằm xuống. Chị gõ đầu lên tay nhắm mắt lại. Những cảm giác ban ngày lắng đi trong tâm hồn Liên và hình ảnh của thế giới quanh mình, mờ mờ đi trong mắt chị. Liên thấy mình sống giữa bao nhiêu sự xa xôi không biết như chiếc đèn con của chị Tý chỉ chiếu sáng một vùng đất nhỏ. Nhưng Liên không nghĩ được lâu; mắt chị nặng dần, rồi sau Liên ngáp vào giấc ngủ yên tĩnh, cũng yên tĩnh như đêm ở trong phố, tịch mịch và đầy bóng tối.

*

* *

DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN

Thanh lách cách cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người; trên con đường gạch bát tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí. Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán - bên ngoài trời nắng gắt - rồi thông thả đi bên bức tường hoa thắp chạy thẳng đến đầu nhà. Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong thửa vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bậc cửa.

Thanh bước lên thêm, đặt vali trên chiếc trường kỷ, rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà: bóng tối dịu và man mát loáng qua những màu sắc rực rỡ

chàng đem ở ngoài trời vào; Thanh chưa nhìn rõ thấy gì cả; một lát, quen bóng tối, chàng mới nhận thấy cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày xưa chàng đi. Sự yên lặng trầm tịch đến nỗi Thanh trở nên ghen hờn; mãi mãi chàng mới cất được tiếng lên gọi khẽ:

- Bà ơi!

Một cái bóng lẹ làng từ trong vụt ra, rơi xuống mặt bàn; Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. Con vật nép chân vào mình khẽ phe phẩy cái đuôi, rồi hai con mắt ngọc thạch xanh dương lên nhìn người. Thanh mỉm cười lại gần vuốt ve con mẫn:

- Bà mày đâu?

Thanh bước xuống giàn thiên lý. Có tiếng người đi, rồi bà chàng, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc, ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

- Cháu đã về đấy ư?

Bà cụ thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng đưa lên nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

- Đi vào trong nhà không nắng cháu.

Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.

- Nhà không có ai ư bà?

- Vẫn có thằng Nhân, hôm nay nó đi đóng thóc bên kia xóm. Dề chốc nó về. Con đã ăn cơm chưa?

Dạ chưa. Con ở tàu về đây ngay. Nhưng con không thấy đói.

Bà nhìn cháu, giục:

- Con rửa mặt đi, rồi đi nghỉ không mệt. Trời nắng thế này mà con không đi xe ư?

Thanh cười:

- Có một tý đường đất, cần gì phải xe. Con đi bộ hàng ngày cũng được.

Nhưng Thanh cũng vẫn theo lời bà. Chàng đến bên cạnh bể múc nước vào thau rửa mặt. Nước mát rơi và Thanh cúi nhìn bóng chàng lay động trong lòng bể với những mảnh trời xanh tan tác.

Tất cả những ngày thuở nhỏ trở lại với chàng. Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay, vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ.

Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ.

Trên trường kỷ, ngọn đèn con và cái điều cũ kỹ. Con mèo già tròn mình nằm bên cạnh, mắt lim dim trong sự bình yên và nhàn nhã. Thanh trông thấy cảnh ấy đã nhiều lần. Lần nào trở về với bà chàng, Thanh cũng thấy bình yên và thông thả như thế. Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đây bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để men yêu chàng.

- Ấy, bà làm gì thế? Bà để mặc cháu.

Bà cụ vẫn không thôi phẩy chiếc phát trần lên đầu giường:

- Đã lâu không có ai nằm nên bụi bám đầy hết cả.

Thanh phải để mặc cho bà sửa chiếu và xếp lại gối. Chàng thấy mình bé quá.

- Cháu đi nghỉ chẳng mệt. Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát.

Bà cụ đi ra. Thanh bỗng thấy mệt mỏi. Chàng lạng nằm xuống giường, duỗi chân tay, khoan khoái. Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngát ánh

chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ.

Trên trường kỷ, ngọn đèn con và cái điều cũ kỹ. Con mèo già tròn mình nằm bên cạnh, mắt lim dim trong sự bình yên và nhàn nhã. Thanh trông thấy cảnh ấy đã nhiều lần. Lần nào trở về với bà chàng, Thanh cũng thấy bình yên và thông thả như thế. Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đây bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu chàng.

- Ấy, bà làm gì thế? Bà để mặc cháu.

Bà cụ vẫn không thôi phẩy chiếc phát trần lên đầu giường:

- Đã lâu không có ai nằm nên bụi bám đầy hết cả.

Thanh phải để mặc cho bà sửa chiếu và xếp lại gối. Chàng thấy mình bé quá.

- Cháu đi nghỉ chẳng mệt. Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát.

Bà cụ đi ra. Thanh bỗng thấy mệt mỏi. Chàng lặng nằm xuống giường, duỗi chân tay, khoan

khoái. Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động trước làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẫn bầm: "cây hoàng lan!", mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng thường hay chơi dưới gốc nhật hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quăn quít nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn. Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Nghe tiếng bà đi vào. Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần sờ sờ buông mần, nhìn cháu vừa xua đuôi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên, nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động đây, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẩm. Tiếng dèp nhỏ dần.

Chàng cảm động gần ứa nước mắt. Bà yêu thương cháu quá, giờ chỉ có mình cháu, với mình

bà. Mà bà làm bếp có một mình thôi ư? Không hình như có tiếng người khác nữa, tiếng trong và mau hơn. Thanh lắng nghe: một tiếng cười sẽ đưa lên. Tiếng ai? Nghe quen quá mà Thanh không nhớ được.

Chàng lẳng lẳng ngồi đây, tỳ trên cửa sổ, cúi mình nhìn ra phía ao. Bóng cây hoàng lan lay động cả một vùng. Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui vẻ:

- Cô Nga...

Người thiếu nữ đương nhặt rau nghe tiếng gọi vội ngừng đầu: một nụ cười, đôi mắt trong sáng lên; rồi tiếng nhẹ nhàng:

- Anh Thanh! Anh đã về đây à?

Thanh đứng tựa bên cột, chưa tra lời. Chàng nhìn cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh buông trên cổ nhỏ, bên cạnh mái tóc bạc trắng của bà chàng. Cô Nga, cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật.

Một lát cô nga nói:

- Anh Thanh độ này khác hẳn trước. Anh chóng lớn quá.

- Tôi vẫn thế đấy chứ.

Bà cụ cúi trên rổ rau, không nhìn cháu đáp:

- Cô trông em có phải gầy đi không? Không bằng độ còn ở nhà.

Nga ngừng nhìn Thanh, cười:

- Đấy em nói có sai đâu. Anh trông lại đen đi nữa.

Lá rau tươi xanh ngắt bên bàn tay trắng hồng nhỏ nhắn. Thanh cũng ngồi ghé xuống. Thế là lại như lúc còn ở nhà, ngày ngày chàng cũng vẫn với Nga xuống bếp xem bà làm cơm. Câu chuyện vẫn vui vẻ và vẫn đậm, có lúc chàng lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình.

*

* *

Lúc Nhân bung cơm đặt lên bàn, bà cụ bảo cô thiếu nữ:

- Ở đây ăn cơm một thể, cháu ạ.

Thanh nhìn lên:

- Ăn cho vui, cô Nga.

- Xin phép cụ và anh thôi, em vừa mới ăn cơm xong ở nhà. Em đứng đây cũng được chứ gì.

Thanh ra vẻ không bằng lòng:

- Không, cô phải ngồi ăn cơm. Cô làm khách mãi.

Nga sợ, vén áo ngồi bên cạnh bà cụ, nhưng nàng chỉ ăn nhỏ nhẹ, cầm chừng, và buông dưa luôn để xới cơm cho Thanh. Bữa cơm vui quá. Thanh ăn rất ngon miệng, lòng thư thái và sung sướng. Thịnh thoảng chàng nhìn đôi môi thắm của Nga, hai má hồng. Và nụ cười tươi nở, nàng nhìn lại Thanh, một chút thôi, nhưng bao nhiêu âu yếm.

Ngoài vườn, trời vẫn nắng. Giàn thiên lý pha xanh một bên tà áo trắng của Nga. Những búp hoa lý non và thơm rủ liềm trong giàn, lẫn vào đám lá. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. Hai bàn chân nhỏ, lấm tấm cát, để dấu từ ngoài ao trở về... Chàng đột nhiên mỉm cười, rồi hỏi:

- Cô Nga có còn hay đi nhặt hoàng lan rơi nữa không?

Nga cũng cười hơi thẹn:

- Vẫn nhặt đấy. Nhưng không có ai tranh nữa.

Nàng nhìn Thanh, mắt như tụ lại những hình

ảnh tự bao giờ, và sẽ vuốt mấy sợi tóc mai ra một bên. Thanh thấy quả tim đập nhẹ nhàng.

Bà cụ chỉ mãi nhìn cháu. Bác Nhân khoanh tay đứng dựa bên cột nghe; bác cũng vui mừng vì thấy cậu về, vẫn khoẻ mạnh và xinh trai như ngày trước. Còn cô Nga vẫn tươi đẹp và vui vẻ như thế. Có cô nhà cũng đỡ vắng, và bà cậu cũng đỡ buồn; hàng ngày cô chạy sang chơi giúp đỡ bà cụ già côi trầu và nói chuyện đến người đi vắng ở trên tỉnh đã lâu không về thăm nhà.

Bữa ăn xong. Thanh với Nga trở lại thân mật như khi còn nhỏ. Thanh dắt nàng đi thăm vườn; cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoảng thơm như có giát hoàng lan. Nhưng hoa lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành. Nga bảo Thanh:

- Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá.

Thanh chẳng biết nói gì; chàng vít một cành lan xuống giữ ở trong tay để Nga tìm hoa, rồi nhẹ nhàng buông ra cho cành lại cong lên. Nắng soi vào vai hai người, nhưng dưới chân đất vẫn mát như xưa.

- Bao giờ anh lên tỉnh?

- Ngày mai thôi. Kỳ này được nghỉ ít. Nhưng mai kia, tôi sẽ về đây ở lâu hơn.

Lòng Thanh dịu lại. Nga đến bên bể nước rửa hoa, rồi xếp bày trên quả trầu. Bà cụ nhìn cô, âu yếm:

- Hoa hãy còn non lắm, sao hái sớm thế, con?

Nga thưa:

- "Anh con hái đấy ạ".

Và nàng nhìn Thanh mỉm cười.

Đêm ấy, một bà, một cháu với một cô láng giềng chuyện trò dưới bóng đèn mãi tới khuya, khi trăng lên. Qua vườn, Thanh tiễn Nga ra đến cổng, đi qua hai bên bờ lá ướt sương. Mùi hoàng lan thoang thoang bay trong gió ngát. Không lường lự, Thanh cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình. Nga cũng đứng yên lặng. Lâu lâu, Nga rút tay sẽ nói:

- Thôi em về.

Thanh đi trở vào rất thoang thả. Có cái gì dịu ngọt chẳng tơ ở đâu đây, khiến chàng vương phải. Chàng đến trường kỷ ngồi ở bên đèn.

*

* *

Sáng hôm sau, Thanh đã phải lên tỉnh. Chiếc vali chàng nặng những thức quà bà chàng đã ban cho. Thanh cầm mũ đứng nghe lời khuyên bảo ân cần của bà dưới giàn hoa lý. Chàng vẫn bé quá và lại đi xa.

Tối công, Thanh còn đứng lại nhìn cây hoàng lan và các cây khác trong vườn. Bác Nhân nhanh nhẩu cầm đỡ vali cho chàng, Thanh dặn khê:

- Bảo tôi có lời chào cô Nga nhé.

Rồi chàng bước ra đi nửa buồn mà lại nửa vui. Thanh nghĩ đến căn nhà như một nơi mát mẻ và sung sướng để chàng thường về nghỉ sau việc làm. Và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước. Mỗi mùa cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.

TỐI BA MƯƠI

Đến cửa buồng số 12, Liên chuyển những đồ lễ sang bên trái, cúi cầm xuống giữ cho chặt, còn tay phải vịn quả nầm. Những gói giấy chỉ chực tròng trành rơi. Liên cất tiếng khàn khàn gọi:

- Huệ ơi! Huệ!

Nàng tưởng sẽ thấy nét mặt vui vẻ của Huệ thò ra đón, vớ lấy các thứ mua và hỏi "Sao mày về chậm thế?". Nhưng trong phòng vẫn yên lặng. Liên mở cửa bước vào: Huệ đang cuộn chăn nằm ngủ trên giường, tóc xoã ra cả trên gối trắng. Vẻ lạnh lẽo của căn phòng đến ngay bao bọc lấy Liên, khiến cái vui trong lòng nàng mong manh sắp tắt,

Liên để các gói xuống bàn, giữ bụi mưa trên áo rồi vội vàng đánh thức bạn:

- Dậy đi, Huệ!

Huệ âm ự mở mắt lơ lơ nhìn, rồi lại định quay mặt vào trong ngủ. Bực mình Liên tung chăn ra bên, vừa xốc Huệ lên vừa nói:

- Gớm, ngủ cả ngày không biết chán.

Huệ đã tỉnh hẳn, vươn vai ngáp rồi ngồi dậy, kéo chăn trùm lên vai:

- Mày bảo chả ngủ thì làm gì?

Rồi nàng rùng mình:

- Lạnh quá! Kia cô ả, vào không khép cửa lại; mà sao đi lâu thế?

Liên ra đóng cửa phòng quay trở vào:

- Tao phải chạy vội khắp các phố đấy. Các hiệu đã sắp đóng cửa cả. Giá cứ nghe mày thì chả kịp mua bán gì, đành phải nhịn đói ăn Tết.

- Thì đã chết chưa. Không ăn, ngủ cũng được.

Liên nhận thấy nét mặt mỗi mặt của bạn. Nàng nhìn quanh căn phòng bẩn thỉu. Dưới ánh ngọn đèn mờ, lổng chổng các đồ đạc quen thuộc: cái giường Hồng Kông cũ, đồng hồ và gị sạm, cái bàn gỗ ẩm ướt ở góc tường, hai cái ghế long chân.

Liên nghĩ đến sự trợ trợ của đời mình. Tết đến nơi rồi. Tết đến thăm nàng ở đây, trong cái buồng nhà "săm" này cũng như đến những nơi thơm tho đầm ấm.

Nàng không muốn nghĩ vợ vắn nữa. Cái buồn ghê gớm chỉ chực kéo đến giày vò nàng, Liên vội cười lên. Nàng đến cạnh bàn gỡ các gói bọc giấy nhật trình buộc bằng dây cỏi: những thức ăn rẻ tiền mua hấp tấp ở các hiệu khách trước giờ đóng cửa đêm ba mươi.

- Nào, xem này mua những gì nào.

Huệ cũng trở dậy đến bên giúp Liên gỡ các gói và để thức ăn ra ngoài.

- Lạp xưởng này, bánh chưng này, giò lụa, lại cả gan khô nữa cơ à? Oai nhỉ! Còn gói gì thế này? À... cam. Tuyệt! Cam này thì phải biết!

Mấy quả cam đỏ lặn ra bàn. Huệ cầm một quả toan bóc. Liên giăng lấy:

- Con khi! Ăn trước à? Còn để cúng đã chứ.

- Ừ thì để mà cúng! Nhưng vàng hương đâu?

Liên đáp:

- Chỉ có hương thôi. Còn vàng không cần. Tiềm tiềm thôi cũng được.

Huệ lặng im, tự dưng thoáng nghĩ đến thân thể lưu lạc của hai chị em và lòng se lại. Huệ nhìn bạn âu yếm. Giờ chỉ còn Liên là người thân thiết với nàng.

Xếp các giấy gói sang một bên, Liên quay lại bảo Huệ:

- Chúng mình bày cỗ cúng đi chứ?
- Bày làm quái gì vội. Bây giờ mấy giờ rồi?
- Không biết. Dễ gần mười một giờ rồi đấy. Sửa soạn đi thì vừa.

Huệ không đáp, đi đến cửa sổ, tì trán vào cửa kính nhìn xuống đường. Mưa bụi vẫn bay tới tả, hình như ở bóng tối khắp nơi dồn lại quăng phổ hẹp này. Trên hè ướt át và nhộp nhộp bùn, không một bóng người qua lại. Cái vắng lạnh như mênh mông ra tận đâu đâu ở khắp cả các phố Hà Nội đêm nay. Huệ tưởng đến những căn nhà ấm cúng và sáng đèn, then cửa cài chặt, mọi người trong nhà đang tấp nập sửa soạn đón năm mới trong sự thân mật của gia đình. Chỉ có hai chị em nàng xa cửa, xa nhà. Nhưng nàng còn nhà đâu nữa mà về? Mẹ chết rồi, cha đi lấy vợ khác không biết ở đâu. Đã bảy, tám năm nay, nàng không về đến làng. Những người quen thuộc còn ai không? Huệ

nghe đến lại thương hại cho Liên, em họ nàng. Liên còn cha mẹ, nhưng Liên không dám về. Hai người sống cái đời truy lạc ở Hà Nội từ lúc bỏ nhà ra đi. Hôm nay, ngày cuối năm sum họp hai người ở căn buồng này, trong một cảnh ăn tết lạnh lẽo.

Huệ nhắm mắt lại. Vì trông mưa bụi hay vì nàng khóc thật? Hình như có chút nước mắt vừa rơm rớm ở mi nàng. Huệ chớp khê rồi nhớ đến cuộc đời mình, lúc trẻ thơ, lúc còn con gái, ở nhà quê. Một buổi sáng mồng một tết, - nàng không nhớ rõ là tết năm nào, nhưng đã lâu lắm rồi thì phải - nàng mặc áo mới đứng trên thềm nhìn mấy bông hoa đào nở trước vườn. Tại sao nàng lại chỉ nhớ có cái cảnh ấy? Huệ không biết; nàng chỉ mang máng cảm giác một sự gì trong mát, tươi non... Khác hẳn bây giờ. Tâm hồn Huệ u ám và nặng trĩu xuống.

Bỗng Huệ giật mình quay lại; Liên vỗ vai nàng, cười:

- Nghĩ gì mà thần người ra thế? Phải vui vẻ lên một tí chứ! Sắp giao thừa rồi đây này.

Huệ theo Liên đi vào và gật đầu.

- Thôi, cút đi. Chị sửa soạn xong chưa?

Trên chiếc bàn rửa mặt đầy vết bẩn, Liên đã

đặt đĩa cam quýt, cái bánh chưng và thếp vàng. Máy gói lạp xường và giò cũng để ngay bên. Các đồ cúng nghèo nàn bỗng bày lộ ra trước mắt hai người. Huệ tìm lấy thẻ hương. Nàng quay lại hỏi Liên:

- Chị có mua gạo không?

- Có gạo đây. Nhưng đổ vào cái gì bây giờ?

Hai chị em nhìn quanh gian buồng, nghi ngại. Liên bỗng reo lên:

- Đổ vào cái cốc này này. Phải đấy, rất là...

Nàng im bật dừng lại. Hình ảnh ô uế vừa đến trong trí nàng. Cái cốc bẩn ở góc tường, mà cả đến những khách làng chơi cũng không thềm dùng đến, nàng định dùng làm bát hương cúng tổ tiên! Liên cúi mặt xuống, rồi đưa mắt lên trông Huệ; hai người thoáng nhìn nhau. Liên biết rằng những ý nghĩ ấy cũng vừa mới đến trong trí bạn.

Huệ cất tiếng nói trước, thản nhiên như không có gì:

- Hay cắm trên cái chai này... Không! Cắm trên tường này cũng được, mà y nhỉ.

Liên không dám trả lời, sẽ gật đầu.

Nàng đến cạnh giường lật đệm lên lấy bao diêm.

Nhưng giật mình nàng quay lại: có tiếng người gõ cửa buồng.

- Ai đấy?

- Tôi. Cô mở cửa cho tôi với.

Hai chị em luống cuống nhìn các đồ cúng trên bàn. Hai người muốn cất dọn hết, nhưng chắc không kịp. Nhanh trí, Huệ đứng dựa bên bàn che khuất đi, trong lúc Liên ra mở cửa. Người bồi "săm" ngó đầu vào.

- À, bác Tâm. Hỏi gì thế?

- Tôi gửi cô giữ hộ chiếc chìa khoá.

- Bác về đằng nhà bây giờ à?

Anh bồi "săm" tươi cười:

- Vâng, phải về ăn tết chứ. Thôi, cô làm ơn trông hộ nhà nhé. Giờ này cũng chẳng ai đến nữa mà sợ.

Liên thấy đằng sau, tiếng Huệ đáp:

- Đêm nay thì còn ma nào đến. Bác cứ về.

Người bồi sắp bước đi, lại quay lại:

- À, chút nữa quên, tôi xin chúc mừng trước hai cô nhé! Chúc hai cô sang năm mới được... được...

Người bồi ấp úng, không biết nói thêm gì. Liên vội đỡ lời cảm ơn, rồi đóng cửa buồng lại. Một lát, tiếng cánh cổng sắt dưới nhà rít lên trong yên lặng lạnh lùng.

Giờ chỉ còn hai chị em trong căn nhà. Gian buồng bỗng trở nên rộng rãi quá chừng: một cái lạnh thấm thía đến tâm hồn. Ngoài đường trời hẳn còn mưa, mưa buồn rầu và âm thầm trong tối. Trong gian buồng, ẩm ướt tăng thêm. Liên và Huệ đưa mắt nhìn mọi vật xung quanh. Cái giường sắt lạnh, đệm và gối hoen bẩn, cái thau gỉ, cái xô, và cái bàn rửa mặt gỗ đã mọt... Đó là khung cảnh của cuộc đời truy lạc đã từ lâu...

Huệ đứng dậy hỏi bạn để cho tan sự yên lặng:

- Chị đã thắp hương chưa?

Liên cũng tự nhiên gọi Huệ là chị:

- Chưa. Chị thắp đi. Bao diêm ở bên cạnh đĩa ấy.

Khói hương lên thẳng rồi toả ra mùi thơm ngát đem lại cho hai nàng kỉ niệm những ngày cúng

giỗ ở nhà, khi hai chị em còn là những con gái trong sạch và ngây thơ.

- Sắp đến mười hai giờ rồi đấy, Liên nhỉ?

- Có lẽ đến rồi. Năm mới!

Huệ đặt lại cái đĩa trên bàn, xếp vàng cho ngay ngắn. Nàng quay lại bảo Liên:

- Chị ra khẩn đi.

Liên tiến đến trước bàn thờ, đứng yên.

- Em biết khẩn làm sao bây giờ?

Nàng bỗng nấc lên, rung động cả vai rồi gục xuống ghế, tay áp mặt. Những giọt nước mắt nóng chảy tràn mi mắt, nàng không giữ được; Liên cảm thấy một nỗi tủi cực mệnh mang tràn ngập cả người, một nỗi thương tiếc vô hạn; tất cả thân thể nàng lướt hiện qua trước mắt với những ước mong tuổi trẻ, những thất vọng chán chường.

Huệ nhìn Liên rồi nhẹ nhàng đến gần, buồn rầu vỗ vai bạn:

- Liên, khóc làm gì nữa, buồn lắm.

Tiếng nàng cũng cảm động nghẹn ngào. Dưới bàn tay thân mật của bạn, Liên càng nức nở. Hai chị em giờ này cảm thấy tro trọi quá. Liên ngừng

mặt lên nhìn huệ, cố gắng nở một nụ cười héo hắt!

- Chị cũng khóc đấy ư?

Huệ gục xuống vai bạn, không trả lời. Nước mắt cũng ứ lên rồi lặng lẽ trào ra má. Nàng quàng tay ôm hết sức chặt lấy Liên.

Tiếng pháo giao thừa bỗng nổi vang gần đây rồi từ nhà nọ sang nhà kia lan rộng mãi vào đêm tối. Liên nói sẽ như thi thoảng:

- Giao thừa.

Huệ không trả lời. Hai chị em nép vào nhau, yên lặng.

CÔ HÀNG XÉN

*Chợ huyện một tháng sáu phiên
Gặp cô hàng xén kết duyên Châu, Trần.*

(Ca dao)

Cô Tâm bót mệt hẳn đi khi nhìn thấy cây đa và cái quán gạch lộ ra trong sương mù. Cùng một lúc, dây tre đầu làng gần hẳn lại, cành tre nghiêng nhả dưới gió thổi và cô nghe thấy tiếng lá rào rào và tiếng thân tre cọt két. Cô sắp về đến nhà rồi, gánh hàng trên vai nhẹ đi, và những cái uốn cong của đòn gánh bây giờ dịp với chân cô bước mau. Cô thấy chắc dạ và ấm cúng trong lòng, bỏ hẳn nỗi lo sợ từ nãy vẫn quanh quẩn trong trí khi cô qua những quảng đồng ruộng, trơ gốc rạ dưới gió bắc vi vút từng cơn.

Qua cái cổng gạch cũ, cô vào hẻm trong làng. Ngõ tối hơn, đất mấp mô vì trâu bước, nhưng cô thuộc đường lối lắm. Chân cô dẫm lên lá tre khô và tai nghe tiếng xao xác đã quen; mùi bèo ở dưới ao và mùi rạ ướt đưa lên ẩm ướt. Đi ngang qua các nhà quen, cô thấy ánh sáng đèn chiếu qua rào, và tiếng những người quen thuộc ở trong đưa ra: "A, bác sả Sĩ đã về rồi". Lần nào hàng bác cũng bán hết sớm, bác cũng ra về trước vì nhà có con mọn. Còn cô, cô cũng có thể về sớm được, vì chợ chiều cũng vắng người mua. Nhưng cô còn cứ vui chị vui em, lần khăn ở lại. Chỉ tại con Liên nó giữ mình để về một thể. Bây giờ nó đã về đến nhà chưa? Cô Tâm lại nghĩ đến mình, mẹ già đang mong đợi và các em đang nóng ruột vì quà. Gói kẹo bông cô đã gói cẩn thận để dưới thúng, mỗi đứa sẽ được hai cái. Chắc hẻm chúng sẽ vui mừng lắm...

Tâm vội vã bước mau. Trước đình, sân gạch rộng đầy bóng tối và yên lặng; con sáu đã vẫn phục yên trên bệ ở ngoài, hình dáng quen thuộc quá. Bỗng cô dừng lại, cô xuýt va phải một người ở ngõ rẽ ra. Người kia cũng tránh sang bên, sát vào hàng rào. Nhưng Tâm nhận ra ngay:

- Bác Vy đây ư? Đi đâu mà tôi thế?

Người kia tiến một bước, nhìn tận mặt:

- Ai? À, cô Tâm, cô đi chợ về.

Tâm đã bước xa rồi, tre vi vút thêm, trời lại lâm lâm mưa lạnh rơi xuống mặt. Cô đi qua nhà bà cụ Nhiêu rồi về đến ngõ. Cánh cửa gỗ chưa đóng. Cô xoay đòn gánh đẩy cửa, rồi bước vào. Tất cả cái tối tăm rét mướt, và cánh đồng hoang vắng cô để lại ở ngoài. Đây là nhà rồi. Mùi phân trâu nồng ấm sặc ngay vào cổ; thoảng qua cô nghe tiếng chân trâu đập trong chuồng. Con Vá thấy động sữa lên, rồi chạy lại vấp vào chân, quẩn quít. Trong nhà, mấy đứa em reo:

- A, a! Chị Tâm đã về!

Tâm đặt gánh ở trên thêm. Ánh đèn chiếu ra, cô thấy quần áo lâm lâm ướt vì mưa bụi. Thăng Lân chạy ra trước nhất, suýt nữa vấp vào cửa bức bàn. Rồi thằng Ái con Bé cũng theo ra.

- Quà của chúng em đâu, chị?

Nó cúi xuống định lục vào gánh hàng. Tâm vội bảo em:

- Ấy chớ, để chị lấy cho, không khéo vỡ cả kính.

Cô nhìn xuống ô hàng: mưa chỉ hơi phớt trên kính, chưa việc gì. Hàng không có cái gì ướt.

- Keo đây, mỗi đĩa hai chiếc.

Chúng nó xúm cả chung quanh chị. Em bé ngoan ngoan quá, đây phần riêng chị dành em đây này. Bỗng tiếng dịu dàng của bà Tú ở dưới nhà đưa lên:

- Tâm con đã về đấy ư?

- Thưa u, vâng ạ.

Bà Tú đến dắt lũ con, khẽ bảo:

- Chúng mày háu ăn quá, không để cho chị vào đến nhà nữa, - rồi quay lại Tâm - Con rửa chân tay rồi đi ăn cơm kẻo đói. Sao về muộn thế, con?

- Thưa u, hôm nay con ngồi chợ Sơn ạ.

Con ở gái từ nãy ở dưới bếp lên, cứ đứng mãi góp chuyện ở trên thêm. Bà Tú quay ra bảo:

- Kìa, không cất hàng vào cho cô, còn đứng làm gì ở đấy?

Trong nhà ấm cúng, khác hẳn ở ngoài. Ngọn đèn thân mật chiếu trên án thư, những nét vàng đã cũ của câu đối hoành phi lơ mờ ánh trong bóng tối. Mâm cơm đầy lông bàn còn để ở giữa phần.

- Con ngồi đây rồi ăn cơm. Trời rét thế này thì mai nghỉ chợ thôi con ạ. Đi làm gì cho nó khổ.

Em bé nói theo:

- Chị ở nhà với chúng em chị ạ. Mai chủ nhật chúng em được nghỉ.

Tâm mỉm cười xoa đầu em. Cô sung sướng vì thấy mẹ săn sóc, các em mềm yếu. Bao nhiêu nỗi mệt nhọc cô thấy tiêu tan cả. Những lúc này khiến cô quên hết cả bao nhiêu nỗi e ngại khó khăn. Cô thấy vui vẻ và nẩy nở trong tâm tâm những ý muốn tốt đẹp cho gia đình. Bà Tú lại âu yếm giục:

- Con ăn cơm đi, không đói. Thôi, hãy để đây rồi bảo con sen nó cất cho có được không.

Tâm đáp "vâng" nhưng cô vẫn chưa lại ngồi ăn ngay. Cô còn xếp hàng đũa: hai cái hộp gỗ vuông đựng các thức hàng, và những gói buộc kỹ trong thùng. Tất cả vốn liếng quý báu, bởi nó, cô kiếm lời nuôi các em, giúp đỡ cha mẹ từ ngày trong nhà sa sút đi và ông Tú ở trên tỉnh dọn về. Đã ba bốn năm nay rồi. Ruộng nương này, là nhà thờ chung cả họ. Ông Tú từ độ mất kém cũng thôi không dạy học nữa. Tâm hỏi mẹ:

- Thấy con chưa về cơ, u?

Bà Tú chậm rãi đáp lời con, an phận:

- Thấy sang chơi bên ông Chánh từ hôm qua, để thường còn ở vài ngày mới về.

Hai mẹ con biết rằng có về nhà ông Tú cũng buồn chả biết làm gì, rồi lại đến đi chơi quanh quần các người trong làng.

*

* *

Bữa cơm ngon lành quá. Tâm ngồi ăn dưới con mắt hiền từ và thương mến của mẹ. Các em cô quây quần cả chung quanh, hỏi chuyện chợ búa của chị. Tâm ngắm nghía các nét mặt xinh xẻo, những con mắt ngây thơ lóng lánh dưới mái tóc tơ của các em: cô thấy lòng đầm ấm và tự kiêu, lòng người chị chịu khó nhọc để kiếm tiền nuôi các em ăn học. Cô hỏi han sách vở của thằng Lân và thằng Ái, học lớp ba ở trường làng. Ngày trước, thời còn sung túc, cô cũng đã cấp sách đi học, và về nhà lại được ông Tú dạy thêm chữ nho. Nhưng đã lâu, cô rời bỏ quyển sách, để bước chân vào cuộc đời rộng rãi hơn, khó khăn và chật chội. Buôn bán bấy giờ mỗi ngày một chật vật, bởi cô ít vốn. Tất cả gánh hàng của Tâm chỉ đáng giá hai chục

bạc. Giá nàng có nhiều tiền để buôn vải các chợ như Liên.

- Thôi, các em đi ngủ đi, mai còn dậy sớm mà đi học chứ.

Lâm cười, trả lời chị:

- Mai chủ nhật cơ mà, chị quên rồi à? Tối nay em thức rõ khuya để nói chuyện với chị.

Nhưng một lát sau, trong căn nhà yên tĩnh, chỉ còn Tâm và bà Tú ngồi trên phản: cô kiểm điểm và xếp đặt lại các thứ hàng để mai đi phiên chợ Bằng Chính. Những thứ hàng nho nhỏ, khác nhau và xinh xắn: cuộn chỉ, bao kim, hộp bút, cúc áo, giấy lơ, một trăm thứ lật vạt qua lại trên ngón tay nhỏ bé của thiếu nữ, vừa quý báu lại vừa ít ỏi. Mỗi thứ đối với Tâm có một linh hồn riêng, và cô hàng lơ mờ đoán hiểu trong thâm tâm những khó nhọc và công của đã làm thành chúng. Tâm đã thêm vào vài thứ hàng mới, bắt đầu bán được ở chợ: phấn xoa mặt, dầu bôi tóc, và son thoa môi. Cô ngắm nghía trên tay cái ống sáp con bằng đồng - hào rươi một cái - đựng một chất đỏ thom làm thắm tươi môi các thiếu nữ ở trên tỉnh. Đôi khi trong buổi chợ Tâm đã được thấy một vài cô gái tỉnh về quê, da trắng, môi đỏ, lịch sự và sang

trọng. Có lần, một đêm khuya, Tâm đã lấy sáp bôi lên môi mình và ngấm trộm bóng trong chiếc gương tròn nhỏ Cô Ba. Cô hơi then thấy bóng mình trong đó, với đôi môi đỏ như sẫm máu...

- Độ này, hàng có bán được không, con?

- Thưa u cũng khá ạ.

Chị Liên bán vải cũng chẳng đẹp bằng. Tâm biết mình xinh nhất chợ. Bọn con trai cứ hay quanh quẩn chỗ cô ngồi và buông lời chòng ghẹo. Nhưng cô không để ý: Tâm thấy vững vàng ở giá trị và lòng cao quý của mình. Nàng đã đảm đang nuôi cả một nhà, với lại, trừ phi là cô gái hư không kể, còn ai ở địa vị nàng cũng phải tảo tần buôn bán như thế. Làm việc, đối với Tâm, là cái lẽ chung của người ta. Cô thấy chung quanh toàn những đàn bà chịu khó làm ăn vất vả để nuôi chồng, nuôi con. Không bao giờ Tâm có nghĩ cho mình, cho cuộc đời riêng của cô.

Nhưng Tâm cũng không khỏi thắc mắc vấn vợ cho thân thể; Tâm ngừng lên nhìn nét mặt hiền từ của bà Tú, rồi lại quay đi, hơi e then. Vì nàng có tâm sự kín riêng. Hình ảnh người con trai lạnh lợi, miệng tươi như hoa, ăn nói mềm mỏng dễ nghe. Những ngày phiên chợ Bằng, Tâm thường

thấy người ấy ra hàng Tâm mua kim chỉ. Nàng cúi mặt xuống hàng, thấy cái nhìn âu yếm của người con trai ấy đè nặng trên người. Má Tâm phơn phớt đỏ. Câu chuyện ngượng nghịu và giống một, nhưng nàng thấy tâm hồn say sưa như nhấp rượu.

Người ta bảo đó là cậu giáo trường làng. Về người đứng đắn, có tư cách, chứ không chót nhả như những anh trai làng khác. Nhìn cái áo lương cũ, Tâm cũng đoán là cậu giáo nghèo thì phải. Cũng như nàng.

Lúc lên giường nằm, dưới tấm chăn mỏng và lạnh, Tâm còn tơ tưởng mãi đến con người xinh trai ấy. Trong nhà đã ngủ yên tĩnh cả rồi. Trên án thư, bên cạnh ngọn đèn hoa kỳ, chồng sách và cái ống bút của Lân, Ái che khuất ánh sáng. Các em nàng! những đứa em thông minh và ngoan ngoãn quá. Không biết nàng có táo tợn mãi được để kiếm tiền mua giấy bút cho chúng ăn học không? Tâm mơ màng nghĩ đến sự thành công của các em sau này: đỗ đạt rồi đi làm trên tỉnh giúp thầy mẹ. Nhà nàng lại sung túc và mát mẻ như xưa.

Tất cả những nỗi lo lắng lui đi và tâm hồn giản dị của thiếu nữ được nghỉ ngơi yên tĩnh.

*

* *

Sáng sớm hôm sau, trong gió bắc lạnh, Tâm đã mở cổng gánh hàng lên chợ. Sương trắng còn đầy ở các ngõ trong làng; mùi rơm rác và cỏ ướt thoang thoang bốc lên, mùi quen thuộc của quê hương và của đất màu khiến Tâm thấy dễ chịu và thêm can đảm. Nàng rảo bước mau chóng đến chợ.

Cái đòn gánh cong xuống vì hàng nặng, kịu kẹt trên mảnh vai nhỏ bé theo nhịp điệu của bước đi. Chịu khó, chịu khó, từng tí một, hết bước nọ sang bước kia, cứ thế mà đi không nghỉ ngơi. Tâm thấy ngày nay cũng như mọi ngày, ngày mai cũng thế nữa; tất cả cuộc đời nàng lúc nào cũng chịu khó và hết sức, như tấm vải thô dệt đều nhau. Có phải đâu chỉ một mình cô: trong những lũy tre xanh kia, bao nhiêu người cũng như cô, cũng phải chịu khó, và nhọc nhằn, để kiếm tiền nuôi chồng, nuôi con, nuôi các em. Tâm không chán nản cũng không tự kiêu, chỉ thấy yên tâm chắc chắn trong nhiều người khác cũng làm việc, cũng sống như nàng. Tâm cứ bước đều chân và đến chợ hãy còn

sớm. Nàng bày hàng trên khoảng đất nàng vẫn ngồi xưa nay. Ánh sáng đầu tiên của mặt trời lấp lánh trên mặt kính các ô hàng. Các màu đua nhau thắm tươi dưới ngón tay xinh xắn của Tâm: những cuộn chỉ mượt, những cái cúc xà cừ, những gương lược sáng loáng. Cái gì cũng sạch sẽ, ngăn nắp, nhỏ nhắn như công việc, như ý nghĩ của cô hàng xén.

Không khí giá và trong buổi sáng làm hồng da dẻ và khiến máu chảy mạnh. Tâm thấy vui vẻ nhanh nhẹn trong người. Chị Liên với thằng nhỏ gánh vải cũng đã đến rồi. Hai chị em cười nói chuyện trò như đôi chim sẻ:

- Hôm qua mày bán được bao nhiêu? Tao ngồi mãi chỉ bán cho bà Ký có một tấm lụa.

Tâm đáp:

- Thế còn gì nữa; bằng cả ngày lãi của tao kiếm.

Chợ mỗi lúc một ồn ào. Người đến họp đã đông. Cái đông đúc và ồn ào khiến cho Tâm như lịm đi. Tiếng cười nói, tiếng cười đùa, chửi rủa tràn đầy cả mấy gian hàng. Sự hoạt động rục rờ và nhiều màu. Các hàng quà bánh, các thức hàng rẻ tiền và vụn vặt ở thôn quê, những hoa quả chua chát

hái xanh trong vườn nhà - và bên kia đường, mùi thơm nổi cháo nóng của chị Tư bay ra ngào ngạt.

Tâm không nghĩ ngợi, lo lắng gì nữa. Sự buôn bán, mặc cả bao bọc lấy nàng như một hơi gió nóng.

Tất cả hàng tổng trong buổi phiên này. Từ những người đàn bà nghèo ăn mặc rách rưới, cho đến các bà Tổng, bà Lý, váy sồi, thắt lưng đũi và áo bông mền, túi nặng những tiền. Một, hai cô trên tỉnh, chừng con gái ông Thừa hay ông chủ ty ở huyện, vui đùa đi lại trong chợ, răng trắng và môi đỏ. Tâm thấy họ hình như vô tâm và sung sướng lắm thì phải: các cô bá vai nhau mua hết thức này thức nọ, không tiếc tiền, ngây thơ như con trẻ. Tâm và Liên nhìn nhau mỉm cười.

Gần trưa, cậu Giáo ra. Vẫn con người mảnh dẻ và nho nhã trong chiếc áo lương cũ. Bốn mắt nhìn nhau: Tâm má đỏ bừng, tay không biết làm gì. Cậu Giáo ngượng ngịu, nửa muốn ngồi xuống bên hàng, nửa không dám. Chỉ có Liên là tỉnh nghịch, sống sượng lại hay nói đùa;

- Kia ông giáo, mời ông mua hàng của em nó đi.

Rồi cô ngả đầu ra sau cười ngặt nghèo, trong lúc Tâm đưa mắt trách và cậu Giáo sẽ mỉm cười.

*

* *

Vụ gặt hái xong, cậu giáo Bài nhờ người mới lái đến hỏi Tâm. Bà mới là người trong họ nhà bà Tú. Sau khi khen ngợi cậu Giáo là người chí thú nết na, bà mới bảo:

- Tôi cũng vì tình chị em nói giúp cho cháu nó nên vợ nên chồng. Cậu giáo tuy nghèo nhưng là con nhà thế gia, ông cụ trước cũng có đi dạy học. Cháu Tâm nó mà về làm dâu nhà ấy thì không còn phải quản ngại điều gì nữa.

Bà Tú cảm ơn và đáp:

- Vâng, bà để cho rồi tôi hỏi cháu xem thế nào đã.

Bà mới cười, vừa đứng dậy vừa trả lời:

- Được nơi xứng đáng, mình bằng lòng thì gả, chứ còn cần gì phải hỏi nó nữa.

Sau khi bà mới về, bà Tú đem câu chuyện hỏi ông Tú, ông bảo:

- Bà xem chỗ nào nên gả thì gả, không phải hỏi tôi làm gì.

Rồi ông lại xách ô đi chơi sang làng khác. Bà nhìn theo ông thở dài. Từ ngày trong nhà kém sút đến giờ, ông Tú như người mất hồn, chẳng còn để ý đến công việc gì nữa. Việc trong nhà ông để bà trông nom. Bà nghĩ đến Tâm, áu yếm. Nếu không có nó sớm hôm buôn bán thì bà cũng không biết xoay xở vào đâu. Nhà năm, sáu miệng ăn, lại hai con đi học, hơn mẫu ruộng cấy chỉ đủ thóc dùng. Bà lại chột nghĩ: nếu Tâm đi lấy chồng thì làm thế nào?

Tuy vậy, buổi chiều hôm ấy, bà gọi Tâm vào buồng và nói cho Tâm biết. Tâm yên lặng nghe, rồi thưa:

- Con mà đi lấy chồng thì ai kiếm tiền cho các em ăn học? Thôi u cứ để con ở nhà buôn bán và trông nom nhà cửa cho thầy u.

Bà Tú nhìn con, thương mến;

- Không được, con gái đến tuổi phải đi lấy chồng, chứ con ở nhà mãi hay sao? U sẽ làm hàng xáo để kiếm thêm chi tiêu trong nhà. Con cứ nghe u đi.

Bà thêm:

- Với lại, không dám nào hơn đám này nữa. Bà cụ đảng ấy cũng hiền lành và cậu Bài là người

nét hạnh phúc dần. Con về nhà ấy thì u mừng lắm.

Tâm cúi mặt thẹn đỏ hai gò má; nàng tưởng đến cậu Giáo, con người xinh trai và nhã nhặn, mà mới buổi gặp lần đầu, nàng đã mến yêu ngay. Nhưng bỏ nhà đi lấy chồng? Thằng Lân và thằng Ái lấy tiền đâu mà mua sách vở học? Nghĩ đến mẹ già phải làm lụng vất vả, lòng Tâm lại không nỡ. Nàng khóc nói:

- Thôi, u cứ để con ở nhà hầu hạ thầy u và săn sóc các em. Chúng nó còn bé dại cả, nếu con đi thì ai là người trông nom nhà cửa.

Nhưng thương con, bà Tú không ngăn ngại chút nào. Bà bằng lòng cho Tâm và nhắn tin cho bà mối biết. Bên nhà trai xin cưới ngay trước tết.

Ngày về nhà chồng, Tâm buồn rầu không thiết gì trang điểm. Nàng gọi các em vào trong buồng để từ biệt: Lân và Ái níu lấy cổ Tâm quăn quít, không muốn rời ra. Nàng âu yếm dặn dò:

- Các em ở nhà chịu khó ăn học nhé, đừng để cho thầy u phải phiền lòng. Rồi tháng tháng chị sẽ gửi tiền về cho các em tiêu.

Tâm ngừng lại ứa nước mắt không nói được nữa. Nàng xúc em bé lên hôn rồi ra ngoài lễ tạ

cha mẹ. Dám rước dâu theo con đường nhỏ trong làng đi ra cánh đồng. Hai bên ngõ, người trong làng đứng xem cô dâu chú rể mới.

Buổi chiều hôm ấy, trong nhà bà Tú trở nên lạnh lẽo và vắng không. Bữa cơm chỉ có mấy mẹ con ngồi ăn. Lúc thắp đèn, bà Tú gọi con sen lên nói chuyện về Tâm cho đỡ buồn. Thằng Lân và thằng Ái cũng ngẩn ngơ nhớ chị. Không còn những buổi tối chờ đợi chị Tâm gánh hàng về, nghe tiếng cười nói vui vẻ của chị và mong đợi chia quà nữa. Chúng ngồi nghe chuyện bà Tú mãi tới khuya rồi gục trên sách ngủ.

*

* *

Về nhà chồng được vài hôm, Tâm lại phải đi bán hàng ngay để khỏi mất mấy phiên chợ tết. Nhà chồng nàng cũng nghèo, nhà cửa không có gì. Cậu Bài dạy học trong làng được dăm bảy đồng bạc lương. Bao nhiêu việc chi tiêu trong nhà lại trông cả vào mình nàng.

Bây giờ gánh hàng trở nên nặng quá trên đôi vai nhỏ bé. Chiếc đòn gánh càng cong xuống và rên rĩ. Ngoài giang sơn nhà chồng phải gánh vác,

Tâm lại càng lo sao kiếm được đủ tiền để gửi thêm cho các em ăn học. Trong sương muối sớm, xốt và giá lạnh, nắng đã phải bước ra ngõ để đi chợ rồi. Trên con đường mấp mô và đất rắn, Tâm bước những bước nhỏ và mau. Đời nàng lại đi như trước, chẳng khác gì. Những ngày khó nhọc và cố sức lại kế tiếp nhau. Có khi Tâm tưởng nàng vẫn còn ở nhà, vẫn còn con gái và buổi chiều nàng sẽ gánh hàng về nhà cũ, thấy các em ra đón và nghe tiếng mẹ nàng dịu dàng sẵn hỏi. Nhưng không, bây giờ nàng không được về nhà mẹ luôn nữa. Gia đình của chồng là gia đình của nàng; nàng phải lo tiền cho chồng vụ thuế, những lúc giỗ tết, phải may vá cho Bài: chiếc áo lương mới chàng sắm ngày cưới bây giờ đã bắt đầu bạc và rách rồi.

Ngày phiên chợ đối với nàng cũng kém vui. Má nàng hồng hơn, môi nàng thắm thêm, người ta bảo nàng bây giờ đẹp ra hơn trước. Nhưng nàng cần gì những cái đó nữa. Bọn con trai làng không còn chòng ghẹo nàng, và trong lòng nàng cũng không còn cái vui tươi như trước. Với nàng cái thời con gái duyên thắm và chờ mong đã hết rồi. Nàng chỉ còn là một người đàn bà tảo tần hôm sớm để nuôi chồng.

Buổi phiên chợ Bằng, Liên ngồi cạnh nàng nhí nhảnh khoe:

- Nay Tâm xem tôi mới sắm được cái này đẹp lắm.

Liên đưa ra một đôi khuyên vàng cô mới gửi đánh ở trên tỉnh. Tâm cầm lấy ngắm nghía trên tay. Mắt nàng sáng lên, Tâm nghĩ đến những buổi nói chuyện với Liên khi nàng chưa lấy chồng. Hai chị em bàn về những đồ trang sức, và đôi khuyên là cái ước vọng tuyệt đỉnh của hai cô gái quê. Hai người buổi nào cũng nhắc đến, và cùng hẹn nhau dành dụm để sắm một đôi đeo tết.

- Đẹp quá nhỉ. Chị mua hết bao nhiêu?

Nàng ngẩn ngơ đưa trả lại Liên, yên lặng nhìn bạn mắc vào tai. Tâm nghĩ không bao giờ nàng có thứ ấy nữa. Làm sao dành dụm được chừng ấy tiền, mà nếu có số tiền ấy nữa, nàng cũng còn phải để tiêu việc nhà, hay gửi cho các em. Em Lân đã lên học trường tỉnh, sự tốn kém lại tăng thêm. Dạo hè năm ngoái, nó đã lấy của nàng hơn chục bạc. Hôm qua, bà Tú lại nhắn người báo gửi thêm cho nó để nộp giấy đi thi. Nàng lo quá. Những số tiền nàng cho em là tiền dành dụm riêng của nàng, Tâm phải đưa giấu, sợ mẹ chồng

và chồng nàng biết. Nhiều lần Bà đã gắt với nàng vì Tâm không còn tiền đưa. Và những lời của mẹ chồng nàng đã bắt đầu có vẻ day nghiêng và nghi ngờ.

*

* *

Hai năm sau, Tâm để đưa con gái. Ở cũ được nửa tháng nàng phải để con cho mẹ chồng trông nom, rồi lại gánh hàng đi chợ. Mấy năm khó nhọc đã đổi thay hẳn người nàng. Tâm bây giờ không còn là cô gái xinh xắn hồi trước. Nàng già đi nhiều lắm. Đã lâu nàng không còn chú ý đến sắc đẹp của mình và cũng không biết nó tàn lúc nào. Sắc đẹp cũng vô ích cho nàng khi đã có chồng rồi. Tâm thấy mình già và yên tâm trong sự đứng tuổi. Những ngày phiên chợ nàng nhìn các cô gái với ý nghĩ an phận của người đã qua tuổi trẻ rồi. Bây giờ nàng còn thì giờ đâu trang điểm nữa. Cái cô hàng xén xinh đẹp trước kia nổi tiếng cả một vùng, bây giờ không còn ai nhớ đến nữa. Đã có những cô con gái khác mới lớn lên, rực rỡ và tươi tắn, cười nói có duyên với những cậu con trai khác. Nhiều khi nhìn vẻ hân hoan sung sướng của họ, Tâm lại nghĩ đến ngày trước kia, hình như đã lâu

lắm, nàng còn là cô hàng xén má hồng môi đỏ, e lệ cúi mặt dưới cái nhìn âu yếm của cậu giáo Bài nho nhã đứng đắn trong tấm áo lương. Thời ấy bây giờ đâu? Chị Liên may mắn đã lấy được chồng giàu, lên buôn bán trên tỉnh; chị ấy vẫn trẻ đẹp như xưa. Tâm khẽ thở dài: bây giờ các chị em bạn cũ không còn ai ở lại để cùng chia sẻ những nỗi khó nhọc với nàng

*

* *

Tâm rảo bước đi qua cánh đồng, nghỉ ngơi. Đã lâu, nàng không có dịp sang thăm nhà vì bận con mọn và buôn bán. Chiều nay, Lân ở trên tỉnh về, nên nàng đến để gặp em và hỏi thăm ông Tú một đã mấy tháng nay.

Cây đa cổ và cái quán gạch vẫn đứng đợi nàng ở đầu làng. Đường ngõ vẫn lồi lõm vì trâu đi, hai bên vệ vẫn mùi bèo và mùi rạ ướt. Trong làng chẳng có gì thay đổi. Khi nghe thấy tiếng bà Tú âu yếm đón hỏi trên thềm, tiếng thằng Ái và em bé reo mừng chị, lòng Tâm dịu lại như ngày nàng còn gánh hàng về. Tâm bước vào ngồi trên phản cạnh mẹ; căn nhà đối với nàng hình như rộng rãi và lặng lẽ hơn trước nhiều.

- Em Lân đâu, u?

- Nó vừa mới chạy đâu sang hàng xóm. Chả biết cần gì mà nó còn đợi con để xin tiền.

Tâm thở dài:

- Con chả có đồng nào để ra cả.

Bà Tú nhìn con gái ái ngại:

- Cậu Giáo lại thôi dạy học, thì nhà con túng thiếu thật.

Hai mẹ con yên lặng không nói nữa. Tâm thấy mẹ già đi quá, hai mái tóc đã bạc phơ. Bỗng nhiên, nàng thấy đau xót trong lòng, thương mẹ và buồn cho cảnh nhà nghèo. .

- Kia, chị đã đến. Em chờ chị mãi từ sáng đến giờ.

Lân ở ngoài bước vào, nhanh nhẹn. Cậu lớn hẳn lên, dáng điệu mạnh mẽ và hơi xác lắc, rõ ra một cậu học trò lanh lợi trên trường tỉnh. Tâm nhìn em mừng rỡ. Mắt nàng sáng lên vì kiêu hãnh có người em như thế:

- Em chơi đâu về? Bao giờ lại lên tỉnh học?

Nàng ân cần săn sóc, hỏi em. Lân trả lời chị qua loa, hơi bực mình về những câu hỏi lẩn thẩn của chị. Cậu nói ngay đến câu chuyện cần:

- Em xin chị chục bạc để mua sách học.

Tâm hoảng sợ:

- Sao nhiều thế, chị lấy đâu ra. Độ này buôn bán khó khăn lắm, một ngày vài hào chỉ lãi, em bảo chị làm thế nào được.

Thấy Lân có vẻ không bằng lòng, Tâm vội đáp:

- Hay để thông thả chị lo rồi gửi chị Liên cho em.

- Thế thì lấy tiền đâu mà nộp đơn và mua sách bây giờ? Không có thà rằng ở nhà xong.

Lân vùng vằng đứng dậy bước ra ngoài thêm. Bà Tú ngược mắt trông theo, rồi lại buồn rầu cúi xuống. Tâm nhìn mẹ rồi vội vã bước ra gọi em lại. Nàng dịu giọng, ngọt ngào:

- Gớm, chưa chi em đã giận. Có phải chị tiếc em đâu, vì chị chưa có thật.

Lân yên lặng rồi không nói gì, quay mặt đi chỗ khác. Lòng chị lại không nở thấy em buồn.

Thì đây, chị có chục bạc này là tiền lấy họ cho anh ấy đây. Em cầm lấy rồi chị liệu vay sau cũng được.

Tâm lần ruột tượng lấy ra gói bạc giấy cuộn tròn. Số tiền nàng vừa lấy về định trang trải các

công nợ và lo sưu thuế cho Bài. Nhưng thấy vẻ mặt vui mừng của em, nàng quên mất cả những nỗi lo sợ đang chờ nàng.

Lúc Tâm ra về, trời đã tối. Nàng vội vã bước mau để về cho con bú. Sương mù xuống phủ cả cánh đồng, và gió lạnh nổi lên: Tâm thu vạt áo lại cho đỡ rét, lần theo bờ cỏ đi. Lòng nàng mệt nhọc và e ngại: lấy đâu mà bù vào chỗ tiền đưa cho em? Tâm nhớ lại những lời dằn vặt của mẹ chồng và những câu giận dữ của Bài mỗi khi hỏi nàng không có tiền. Nàng nghĩ đến những ngày buôn bán kém gần đây, hàng họ chẳng ra gì, ngày bán được, ngày không. Tâm dần bước. Cái vòng đen của răng tre làng Bằng bỗng vụt hiện lên trước mặt, tối tăm và dày đặc; Tâm buồn rầu nhìn thấy cả cuộc đời nàng, cuộc đời cô hàng xén từ tuổi trẻ đến tuổi già, toàn khó nhọc và lo sợ, ngày nọ dột ngày kia như tấm vải thô sơ. Nàng cúi đầu đi mau vào trong ngõ tối.

HÀ NỘI 36 PHỐ PHƯỜNG

Người Pháp có Paris, người Anh có London, người Tàu có Thượng Hải... Trong các sách vở, trên các báo chí, họ nói đến thành phố của họ một cách tha thiết, mến yêu... Ta phải nghe người Pháp nói đến Paris, người ở Paris, mới hiểu được sự yêu quý ấy được bọc nào.

Chúng ta cũng có Hà Nội, một thành phố có nhiều vẻ đẹp, vì Hà Nội đẹp thật (chúng ta chỉ còn tìm những vẻ đẹp ấy ra), và cũng vì chúng ta yêu mến. Yêu mến Hà Nội với tâm hồn người Hà Nội, cũng như người Parisien chính hiệu yêu mến Paris... Trong những cuộc phiếm du, - phiếm du ngoài các phố Hà Nội là một cái thú vô song chỉ người Hà Nội có - ta nên chú ý đến những nét đối

thay của thành phố, nên nhận xét những vẻ đẹp cũng như vẻ xấu của phố phường, thân mật với những thú vui chơi hay những cảnh lâm than, với những người Hà Nội cũng như ta.

Hà Nội có một sức quyến rũ đối với các người ở nơi khác... Ở những hang cùng ngõ hẻm của làng xa, hay ở những nương mật thẳm trong rừng núi, ban chiều vẫn có nhiều người ngóng về một phương trời để cố trông cái ánh sáng mờ của Hà Nội chiếu lên nền mây. Để cho những người mong ước kinh kỳ ấy, và để cho những người ở Hà Nội, chúng ta khuyến khích yêu mến Hà Nội hơn, chúng ta nói đến tất cả những vẻ đẹp của Hà Nội, khiến mọi sự đổi thay trong ba mươi sáu phố phường đều có tiếng vang ra khắp mọi nơi.

THẠCH LAM

NHỮNG BIỂN HÀNG

Đã có nhiều người nhận ra rằng phố Hàng Đào là của loài vật. Ở đây, có đủ để làm một gánh xiếc. Trước hết có hiệu trâu vàng, đi với hiệu chuông cũng vàng, hản thế. Ấy là câu chuyện

huyền thoại của ông Khổng Minh Không đã được hình tượng ra bằng hai cái biển. Rồi đến hiệu bò vàng, cá chép vàng (cá chép hoá long thì đúng hơn và con cá này đã trái tất chạy lên Hàng Ngang rồi), con lạc đà không biết đến đây để làm gì?, con gà sống - kim kê hản thôi -, con hươu sao, con kỳ lân, con phượng (lai hoàng), con rùa rùa (kim quy), con rùa rùa này về núi rồi, con vịt che ô, con voi (con này cũng về rừng), và con tê giác. Các nhà hàng còn lâu mới dùng hết được tên các loài vật. Và chúng ta nên nhận rằng trong các con vật đã dùng, không có con nào dữ cả. Con tê giác thì kể là vật dữ, nhưng con tê giác ở Hàng Đào thì lành lắm: nó không cắn ai bao giờ. Không có hổ vàng hay sư tử vàng, chẳng hạn. Vì những con vật trên kia là những con vật thần linh chẳng, hay là vì những con vật chỉ lành, có thể gọi lòng tin của khách mua? Con trâu, con hươu, con bò... những con vật này có làm hại được ai bao giờ đâu? Vào nhà con trâu, con hươu mua vải, lụa, chắc không bị hớ, chắc sẽ được nhà hàng tiếp đãi niềm nở và tử tế (như các bà bán hàng Việt Nam biết tiếp khi khách chỉ mặc cả mà không mua, hay muốn mua mà trả rẻ), và nếu có bị họ đại như

một con bò thì cũng được an ủi rằng ít ra cũng là một con bò vàng.

Tôi chỉ không hiểu tại sao bỗng dưng lại có con lạc đà. Con vật này hình như lạc loài vào đám ấy, giữa những con vật mà nó không quen bao giờ. Người phương Tây khinh ai thường gọi: cái anh lạc đà ấy... Theo nghĩa đó thì con lạc đà ám chỉ nhà hàng hay khách mua hàng?

Chúng ta còn phải hỏi tại sao con vật khác không được dùng, và tại sao địa phận chúng chỉ có phố Hàng Đào thôi. Lên đến Hàng Ngang, xuống đến Bồ Hồ, là đã không có loài vật rồi (con cá hoá long lên Hàng Ngang là trái với lẽ trời).

Có một người kể chuyện với tôi rằng đó là tại nhà hàng gánh tị nhau. Nguyên hồi bấy giờ phố Hàng Đào còn hẹp, nhà hai bên phố không cách nhau xa mấy. Có hai ông chủ hiệu to, ngẫu nhiên một hôm cùng có một ý, là lấy con hươu làm biển hiệu. Hai con hươu cùng treo một lúc. Có nhiều sự nhầm lẫn xảy ra về sau, nhưng hai ông cùng ganh, không ông nào chịu đổi con khác. Như thế được một năm. Rồi bỗng nhiên, một ông lấy ngay con báo làm biển hiệu, và phao ngôn lên rằng chỉ ít lâu nữa là báo sẽ cắn hươu chết. Ông chủ hiệu

kia tức khí lấy biểu hiện con hổ và phao ngôn ngược lại. Ông chủ hiệu này chẳng chịu kém đổi ngay con báo ra con sư tử. Ông kia cũng lập tức đổi ra con voi.

Đến con voi thì ông này tức quá: vì không có con nào khoẻ hơn voi nữa. Voi đứng đầu trong giống vật rồi. Chỉ có cách là làm con voi to hơn. Thế rồi ông làm con voi to hơn. Ông kia cũng chẳng chịu kém, lại làm con voi to hơn nữa. Hai con voi cứ thi nhau mà to mãi ra. Phở thì hẹp, cho nên một ngày kia hai con voi đụng vò nhau, lấp cả lối đi.

Việc đến cửa quan. Ông quan phân xử, bắt voi hai bên đều bé lại, và ra lệnh từ đây chỉ được dùng những con vật hiền (như voi chẳng hạn) làm biển hàng mà thôi. Những con vật dữ như báo, hổ, gấu, mèo v.v.... đều cấm tiệt.

Ấy người ta kể cho tôi nghe câu chuyện như thế. Chuyện chẳng biết có thật hay bịa, nhưng giảng tại sao người ta không dùng các thú vật dữ thì có (tuy vậy, con tê giác?), còn tại sao các vật chỉ có trong phạm vi phố Hàng Đào, không lên Hàng Ngang, không xuống Bồ Hồ, thì tuyệt nhiên không.

NGƯỜI TA VIẾT CHỮ TÂY

Cái biển hàng nào viết bằng chữ Pháp đầu tiên treo ở phố Hà Nội? Thật khó mà biết được. Nó là một điều thuộc về lịch sử cần phải tìm ra, để đánh dấu cái ngày mà một người Việt Nam bắt đầu dùng thứ chữ phong phú nhất của Phương Tây.

Từ bấy đến nay, ít ra cũng ngoài sáu chục năm. Sáu chục năm người mình học chữ Pháp, tưởng đã đến lúc thâu thái được hoàn toàn. Bây giờ các biển hàng viết chữ Pháp chiếm đến chín phần mười trong các biển hàng. Nhiều hàng, tuy chỉ giao thiệp với khách hàng Việt Nam thôi, cũng để toàn chữ Pháp, cũng như ngày xưa họ đã dùng toàn chữ nho.

Ngày tôi còn nhỏ, ông thầy dạy vẽ của tôi bỏ nghề ra mở một xưởng vẽ ở phố Bờ Hồ. Ngoài cửa hàng treo một cái biển vẽ một cô gái rất xinh chỉ tay vào mấy dòng chữ. Vì cô gái, tôi đi học về lần nào cũng đứng lại nhìn, và vì vậy mới thuộc mấy dòng chữ đó đến bây giờ. Mấy dòng chữ như thế này: "*Ici, il existe un dessinateur portraitiste, aquarelliste et architecture*".

Đã hơn mười năm rồi, mà mỗi lần nhớ đến câu chữ Pháp ấy tôi vẫn không khỏi cười. Nhân thế hôm nay tôi nảy ra cái ý muốn dạo qua tất cả 36 phố của chốn "nghìn năm văn vật" này để đọc các biển hàng chữ Pháp, và xem người mình dùng chữ Pháp đã tiến bộ đến bậc nào.

Thì quả thực đã tiến bộ rất nhiều:

Này đây những biển: *Salon de coiffeur, X... bon coiffure, T. D. Coiffeur de Beauté*, hay; *M. librairie, mercerie, relieur, M.S. Prothèse dentaire, Beauté hygiénique dela bouche, M.S. d'orure et d'argenture, T.T. fabricant de pousse-pousse, T.O. vente et réparateur de machine de tout sorte, D.T. Ferronnerie, quinconnerie, H. Vanerie, O. Serée, Filets de*

sports. Chữ *Élégant* hình như được nhiều người yêu chuộng nhất: vì tỏ ra *élégant* có phải không?

"P.T. Coiffeur *élégant* (Bách Mai), *Boulangerie élégante* (Hàng Bông), *A la coupe de Paris* - D.M. *tailleur élégant* (Hàng Quạt), - *Aux paradis des élégants* (Hàng Trống), - *Aux trousseaux des élégants...* (Lê Quý Đôn), hiệu này đâu trước là: *Au gout des élégants...* P.T. *Tailleur des élégants* (Hàng Quạt)...

Toàn những *Élégancel à Élégance*, thật xứng đáng với (Hà thành hoa lệ).

Và tôi nhận thấy, nội trong các hiệu dùng nhiều chữ tây nhất, và dùng một cách đáng yêu nhất là hiệu thợ may. Có lẽ vì các ông chủ hiệu đó may quần áo cho thiên hạ nên họ tự nghĩ như bắt buộc phải dùng chữ tây mới hợp thời.

Một hiệu khoe các hàng; "*Dernieres nouveautés de Paris: laine Elboeuf, laine Red Star, laine Dormeuse...*" (qui fait bien dormir - hẳn thế).

Hiệu kia: "*laine pieds de poule Prince de gales*".

Một hiệu khác tham bác cả tây lẫn ta, và tạo nên được cái tiếng thần tình này: Satin súp.

Nhưng đến tên các hiệu thì sự văn hoá và cầu

kỳ thực đã đến cực điểm: "*Au parfait tailleur*" (Hàng Bông), "*Maitre tailleur*", "*Paris tailleur*" (Hàng Quạt). Chữ *luxe*, chắc hẳn trong trí các ông chủ hiệu thợ may, là biểu hiện của cái tuyệt đích trong sự sang trọng, nên có đến ba ông dùng: *La Mode, tailleur de luxe, D.P.T tailleur de luxe* (Hàng Gai), *Tr. tailleur de luxe* (Lê Quý Đôn), (ông này là viết *luxe* không có *e*, ý chừng tỏ ra *luxe* một bậc nữa). Nhiều ông khác ưa tỏ ra biết tiếng ngoại quốc hơn. *Modern tailor* (chợ Hôm), *Gentlemen's modern tailor* (hiệu chỉ có một cái máy khâu cũ và tấm vải xanh che bên ngoài) và *CH.R Gent's (?) tailor* (Hàng Trống)...

Thế tưởng cũng đủ rồi. *Ca và, tailleur!* (Hàng Trống), *De la tenue, tailleur et de la fantaisie, tailleur* (Hàng Trống).

Rồi lại còn: *D.T. Spécialist des chemises et des pyjamas; T.L. Coupe incroyable aux pyjamas dirigée par S...*

Nếu một ngày kia chúng ta thấy đề: *X. Tailleur, prix, soigne, travail impecceable, coupe modérée*, thì cũng chẳng nên ngạc nhiên tý nào.

Những hòn ngọc đẹp nhất có lẽ là phải dành

riêng cho hiệu này ở phố Hàng Buồm: *L.S. photographe, marchade Chinoiserie*.

*

* *

Ấy là mới dạo quá một vài phố đông đúc, chúng ta đã được đọc nhiều câu chữ Pháp lạ lùng như thế rồi. Ở các hang cùng ngõ hẻm, đối với người tò mò, hẳn còn tìm thấy nhiều cách áp dụng chữ Pháp một cách thần tình hơn nữa.

Nhưng ngẫm kỹ ra thì cũng chẳng nên lấy làm lạ, vì ở một xứ có tờ báo (nghĩa là do hàng trí thức viết), dịch *Hôtel de ville là khách sạn* của thành phố và *Stars à Hollywood* là dân tộc Star ở Mỹ châu, thì các ông chủ hiệu trên kia kể còn là giỏi nhiều.

Mà, có phải không, tờ báo Phụ nữ tân văn ở trong Nam đã treo biển "*Le Journal des Dames*", và tờ Phụ nữ thời đàm ở ngoài Bắc, "*La première organe de la femme Annamite*"?

Hà Nội ba mươi sáu phố phường

Hàng Mút, Hàng Đường, Hàng Muối trắng tinh.

Hà Nội đã thay đổi nhiều lắm. Những phố cũ, hẹp và khuất khúc, với những nhà thò ra thụt

vào, những mái tường đi xuống từng bậc như cầu thang, những cửa sổ gác nhỏ bé và kín đáo, đã nhường chỗ cho những phố gạch thẳng và rộng rãi, với từng dãy nhà giống nhau đứng xếp hàng. Thẳng và đứng hàng, đó là biểu hiện của văn minh. Khi ông cầm lái chiếc ô tô thì ông lấy làm dễ chịu vì đường rộng, vì phố thẳng lắm. Nhưng đối với người tản bộ đi chơi, lòng thư thả và mãi tìm sự đẹp, thì phố xá mới không có thú vị gì. không có những cái khuất khúc dành cho ta nhiều cái bất ngờ, không có một ngọn cây hoa nhô sau bức tường thấp, khiến chúng ta đoán được cả một thửa vườn nhỏ bên trong, ở đấy biết đâu lại không thốt tha một vài thiếu nữ khuê các như xưa.

Chỉ còn một vài cái ngõ con... ngõ Phất Lộc, ngõ Trung Yên... mấy ngọn cỏ trên mảnh tường cổng ô Quan Chưởng, là gọi dấu vết của Hà Nội cũ. Ngày ấy, đường hẹp, chắc hàng xóm láng giềng ăn ở với nhau thân mật hơn. Người cùng hàng phố tự coi như có một liên lạc cùng nhau. Bên này một cửa hàng tạp hoá có đầy đủ quả sơn đen, có chồng giấy bản và ống hút nho, có cô hàng thuy mị mà hàng phố vẫn khen là gái đảm đang. Bên kia, nhà một ông cụ Tú, có tiếng trẻ học vang, có

cậu học trò xinh trai đứng hầu chè thầy bên tràng kỷ.

Những nhà cũ của ta có một lối kiến trúc riêng. Ở các phố Hà Nội hiện giờ, thỉnh thoảng cũng có được một vài nhà. Giữa nhà, mảnh sân vuông lộ thiên, có bể non bộ và cá vàng, có dây châu lan, có bể đựng nước, và trên tường có câu đối chữ nho. Đôi khi đi qua, một cánh cửa hé mở, chúng ta được thoáng nhìn vào: bóng một thiếu nữ nhẹ qua sân, hình dáng một ông cụ già cúi mình trên cây cảnh. Tất cả cuộc đời của những kẻ bên trong, cuộc đời xưa, những ý nghĩ cũ, những hy vọng và mong ước khác bây giờ.

Không còn gì của Hà Nội ngoài năm sáu mươi năm trở về trước. Thăng Long của vua Lê, của chúa Trịnh không còn dấu vết nào: đâu còn những cung điện ngày xưa, những phụ đế của các bậc công hầu khanh tướng? Thỉnh thoảng một vài tên gọi còn nhắc lại, một vài đồng đất còn ghi dấu, thế thôi. Chúng ta không biết được mấy về di vãng, về cảnh phố xá kinh kỳ hồi cụ Lân Ông, một túi thơ, một bồ thuốc, đi từ Bát Tràng đến Hồ Tây để chữa cho hoàng tử.

Trong một số trước, tôi đã nói (Hà Nội XVII è

siècle) rằng cái "nghệ thuật biển hàng" ở Hà Nội đã mất. Ngày xưa, cái biển hàng còn là một cái gì hơn chỉ là một cái biển hàng mà thôi. Đó là một bộ phận gì liền với cơ nghiệp và số vận của người buôn, cái biển hiệu thực hiện của những cố công nhằn nại và những đức tính ngay thật của chủ hàng. Đề biển phải chọn ngày tốt, phải xin chữ của những người viết giỏi có tiếng, và người ta thận trọng giữ gìn như một thứ của gia bảo ở những cái biển cũ đã tróc sơn, mà gió mưa bao nhiêu năm đã làm lạt cả vàng sơn, những nét chữ mạnh mẽ và rắn rỏi vẫn còn như nguyên mới. Tôi không khỏi bao giờ đi qua không dừng bước lại ngắm nghía ba chữ đại "Vạn Thảo Đường" trên cái biển cũ kỹ của hiệu thuốc ấy ở đầu phố Hàng Đường.

Ba chữ "Đông Hưng Viên" cũng sắc nét và còn mới hơn. Ngày trước còn mấy chữ "Cộng Hòa Đường" viết bằng sơn đỏ tươi, lối nửa chân nửa lẹ, chữ bay bướm, trông đến thích.

Nhưng bây giờ người ta đã xoá đi để thay vào bằng lối chữ "vuông tân thời" trong các quảng cáo ở báo tàu hay bằng những chữ điện tím hoa cà, xanh lá mạ đêm đêm sáng ngời một góc trời. Tất

cả cái gì cũng thay mới: người ta không những thấy có biển hàng, người ta thấy cả bề mặt cái cửa hàng nữa. Và sự thay đổi bề ngoài ấy đem đến cho phố xá Hà Nội một vẻ mới riêng, hơi lạ lùng và đột ngột.

Trong đêm khuya, chúng ta thử dạo chơi các phố, lúc đó không bị những ánh sáng và thức hàng làm lóa mắt. Lúc đó những cửa hàng mới mẻ đã đóng cửa, và cái phố với căn nhà đều phô bày vẻ thật. Các nhà chỉ thay đổi có phía dưới: sự thay đổi ít khi lên đến tầng trên. Và bây giờ, nếu người ta có phép gì cất bỏ các tầng dưới và đặt các tầng trên xuống đất, chúng ta sẽ có một hàng phố cũ kỹ với những hình bát quái, mảnh gương và dơi bay: một phố tựa như phố của kinh kỳ xưa, chắc thế.

Có một bạn nào trông coi vẻ đẹp của thành phố Hà Nội không? Hình như có thì phải, tuy rằng bạn đó không thấy làm cho người ta nói đến mình. Nhưng cái đó không hề gì, miễn là bạn đó cứ làm việc là đủ.

Ngày trước, ở trước cửa phủ toàn quyền, còn có một nhóm tường mà người ta đã phá đi rồi, cách đây đâu mười năm gì đó. Nhóm tường đó trông

xa giống như mâm xôi; ở đỉnh có những hình thù gì, tôi không nhớ, nhưng ở phía dưới, có tượng hai người đàn bà nằm choãi ra như bơi, tóc buông xoã và lẩn mình vào thành bể. Hai người đàn bà đó người ta bảo là hình dung hai con sông Nhị Hà và Mêkông.

Nhóm tường ấy, nghe đâu định dựng ở giữa hồ Hoàn Kiếm - chỗ cái tháp - và như vậy tất phải bỏ cái tháp đi.

Chúng ta tưởng tượng phong cảnh hồ Hoàn Kiếm với cái mâm xôi bằng đá lù lù ấy. May thay không biết có ai phản đối, người ta bỏ cái dự định ấy, và đem nhóm tường dựng ở trước cửa phủ Toàn quyền, để rồi sau đó ít lâu phá đi.

Sự phản đối ích lợi ấy có lẽ là công việc của ủy ban coi về vẻ đẹp của thành phố hẳn?

Sau đó ít lâu, một dạo, ngay bên cổng cửa đền Ngọc Sơn, chúng ta được trông thấy đứng sừng sững và thẳng tắp một cái cột dây điện chằng chịt và cả đèn điện với những cái "bình tích" bằng sứ trắng, khiến cho cái cột sắt sơn hắc ín đó như một thứ cây già mọi rợ vụng về. Cái cây đó làm cho vẻ đẹp của cổng đền Ngọc Sơn giảm mất đến chín phần mười.

Nhưng lại may thay, cũng cách sau ít lâu, cái cột đó không còn nữa. Công việc của uỷ ban kia chắc thôi.

Sau đó ít lâu nữa, cảnh đèn Ngọc Sơn lại chịu phải một sự thêm thắt xấu xa khác.

Có lẽ theo lời yêu cầu của những ai trông nom cái đèn đó, người ta đã cho bắc suốt từ ngoài cổng, qua đầu, vào đến trong đền, những vòng sắt nện, có những đường uốn lượn ngoằn ngoèo, cũng sơn hắc ín, và để mắc đèn.

Mắc đèn cho sáng, cho tiện những người đi lễ đền. Một ý tốt, rất tốt. Nhưng sao lại phải trả bằng một cách bôi nhọ vẻ đẹp của đền thờ? Muốn sáng cổng và sáng cầu thì thiếu gì cách: mắc đèn vào những chỗ lờm khuất khúc của cổng và của cầu: đèn để như thế vừa được kín đáo, vừa không làm giảm vẻ đẹp, không kể cái lỗi ánh sáng đập lại ấy dịu dàng và làm tôn cảnh đèn hơn lên.

Đằng này, mắc những vòng sắt với cách hoa hoét rẽ tiên kia voà cái cổng đẹp để có lối kiến trúc riêng, có vẻ cổ sơ ấy, thực là một cách đập phá mỹ thuật tai hại không gì bằng.

Cho cả đèn ba chữ "Ngọc Sơn Tự" bằng sắt dán

trên một tấm lưới cũng sắt, và có hoa lá cũng sắt nốt, cả cái biển ấy cũng chương mắt không kém.

Những thanh sắt ấy ở đó cũng khá lâu rồi thì phải, mà chưa thấy cái uỷ ban nào đó - nếu uỷ ban ấy có - làm việc gì cả. Việc thì rất giản dị: nghĩa là bỏ những cái đó là xong.

*

* *

Đạo này, người ta đã xây nhiều bóp cảnh sát phụ ở các khắp Hà Nội, Yên Phụ, Cửa Nam, Bờ Hồ, Quán Thánh v.v...

Kiểu bóp như là một cái hòm vuông bốn góc thẳng cạnh, có cửa vào (tất nhiên) và cửa sổ.

Việc xây các bóp ấy chắc là ích lợi nhiều cho việc trị an của thành phố. Chúng tôi xin cũng nhận thế. Và chỗ đặt bóp chắc cũng đã lựa chọn rất tiện lợi nữa.

Những bóp khác, chả nói làm gì. Duy chỉ có cái bóp ở Quán Thánh, là làm giảm mất vẻ đẹp của ngôi đền đẹp đẽ ấy.

Tuy rằng người ta đã cẩn thận cho cái bóp ấy - đại để vẫn hình vuông - một hình dáng muốn giống chùa chiền bằng cái mái cong cong, bằng

vài cái trang điểm theo lối cũ. Nhưng mà cái chùa giả ấy - trong đó thấy cảnh sát thay nhà sư - không đánh lừa được ai hết, nhất là người yêu mỹ thuật, yêu Hà Nội, yêu cái vẻ cổ kính của đền chùa.

Chỉ quá một tí nữa, là xa ra một tý nữa ở phía đường bên kia, hay ở ngay vườn hoa đầu đường Quan Thánh, vườn hoa Eckert nếu tôi không nhầm, thì có phải hay biết bao không. Gia chi dĩ, những đường vạch thẳng ngay ngắn của vườn hoa ấy lại hoà hợp với cái hình thù vuông vắn của nhà bóp lăm.

QUÀ HÀ NỘI

Quà Hà Nội xưa nay vẫn có tiếng là ngon lành và lịch sự. Ở các thôn quê, chút "quà Hà Nội" là của mong đợi, và tỏ được lòng quý hoá của người cho. Con cháu ngày giỗ kỵ đưa về dâng cha mẹ, hay các bà mẹ ra tỉnh mua về cho các con, và chồng đi làm Nhà nước ngày nghỉ mua tặng cho cô vợ mới cưới... Bao nhiêu ý tốt tình hay gửi vào trong chút quà nơi đô hội, món quà đem đến cho khắp nơi các vị sành và trang nhã của ba sáu phố phường.

HÀNG QUÀ RONG

Người Hà Nội, ăn thì ngày nào cũng ăn, nhưng

thường không để ý. Nếu chúng ta về ở tỉnh nhỏ ít lâu, hay ở ngay Hải Phòng, Nam Định nữa, chúng ta mới biết quà ở Hà Nội ngon là chừng nào. Cũng là thứ bún chả chẳng hạn, cũng rau ấy, bún ấy, thế mà sao bún chả của Hà Nội ngon và đậm thế, ngon từ cái mùi thơm, từ cái nước chấm ngon đi.

Trong một ngày, không lúc nào là không có hàng quà. Mỗi giờ một thứ khác nhau; ăn quà cũng là một nghệ thuật: ăn đúng cái giờ ấy và chọn người bán ấy, mới là người sành ăn.

Tang tảng sáng, tiếng bánh tây đã rao, lẫn với tiếng chổi quét đường. Đó là quà của những thợ đi làm sớm. Rồi, có từng độ, phố xá vang lên tiếng rao "bánh rán nóng, trình một, xu đôi" của một lũ trẻ con. Cái bánh rán vừa cứng và xấu, thật làm giảm thanh thế của quà Hà Nội, do một cửa hàng nào đó muốn kiếm lời, cứ muốn bắt thiên hạ ăn bánh rán lúc còn ngái ngủ.

Này đây mới là quà chính tông: bánh cuốn, ăn với chả lợn béo, hay với đậu rán nóng. Nhưng là bánh cuốn Thanh Trì mỏng như tờ giấy, và trong như lụa. Vị bánh thơm bột mịn và dẻo. Bánh chay thì thanh đạm, bánh mặn đậm vì chút mỡ hành.

Người bán bánh cuốn Thanh Trì đội mẹt và rổ trên đầu, từng tùm năm, bảy người từ phía Lò Lợn đi vào trong phố, dáng điệu uyển chuyển và nhanh nhẹn.

Rồi mùa nực thì hàng xôi cháo: cháo hoa quánh mùi gạo thơm, xôi nong mùi gạo nếp. Xôi đậu, xôi lạc, xôi vừng mỡ và dừa. Ồ, cái xôi vừng mỡ, năm từng nắm con, ăn vừa ngậy vừa bùi. Mà có đắt gì đâu! Ăn một, hai xu là đủ rồi. Mùa rét thì xôi nóng, hãy còn hơi bốc lên như sương mù, ăn vừa nóng người vừa chắc dạ.

Và có ai ngấm ngấm kỹ cái vị hành khô chưng mỡ ở trong bát ngô nếp bung non; hành giòn và thơm phức, những hạt ngô béo rưới chút nước mỡ trong... Ngô bung (xôi lúa) thì có nhiều hàng ngon, nhưng ngon nhất và đậm vị nhất là ngô bung của một bà già trên Yên Phụ. Cứ mỗi sáng, bà từ ô xuống phố, theo một đường đi nhất định, đã ngoài hai mươi năm nay, để các nhà muốn ăn cứ việc sai người ra đứng chờ. Bà đội thúng ngô, tay拄 vào cái áo cánh bông, và cất lên cái tiếng rao, tựa như không phải tiếng người, một tiếng rao đặc biệt và kỳ lạ: "Eéé... éc", "Eé,, ééc...".

Đối với các bà, các cô đi chợ, cô hàng vải, cô

hàng cau v.v... là những người ưa món quà gì vừa rẻ vừa ngon, lại vừa no lâu - các cô khó tính, sành ăn và hay xét nét lắm - đã có món quà của cô hàng cơm nắm lẳng lơ với hai quang thúng bỏ chùng. Món quà này sạch sẽ và tinh khiết, tự quà cho đến cả quang thúng, cả cô hàng, tóc vẫn gọn, áo nâu mới, quần sồi thâm, cô hàng trông cũng ngon mắt như quà của cô vậy.

Cơm nắm từng nắm dài, to nhỏ có, nằm trên chiếc met phủ tấm vải màu trắng tinh để tre ruồi, muỗi. Con dao cắt, sáng như nước, và lưỡi đưa ngọt như đường phèn. Cơm cắt ra từng khoanh, cô hàng lại cẩn thận gọt bỏ lớp ngoài, rồi lại cắt ra từng miếng nhỏ, vuông cạnh và dài, để bày trên đĩa. Cô muốn xoi với gì? Với chả mới nhé hay giò lụa mịn màng?

Các cô vừa ăn vừa nhai nhè nhẹ và thông thả vừa hỏi han thân mật cô hàng: cùng bạn làm ăn cả, một gánh nuôi chồng nuôi con, đóng góp thì nhiều. Âu cũng là cái phận chứ biết làm thế nào.

Đối với các bà ăn rở và thích của lạ miệng, - và độc nữa - đã có bà hàng tiết canh và lòng lợn. Một mâm đầy những bát tiết canh đỏ ối, ngừng nghèo sợi dưa trắng, điểm xanh mấy lá húng tươi.

Thế mà họ ăn ngon lành, một lúc hai, ba bát. Rồi đánh thêm một đĩa lòng vừa dồi, cổ hũ với tròng giòn. Ăn xong quét miệng đứng dậy, bước đi thành chậm chạp.

*

* *

Sao bằng ra đầu phố ăn một bánh phở bả của anh hàng phở áo cánh trắng, ghilet đen, và tóc rẽ mượt? Nồi nước sôi sùng sục, toả mùi thơm ra khắp phố. Nếu là gánh phở ngon - cả Hà Nội không có đâu làm nhiều, - thì nước dùng trong và ngọt, bánh dẻo mà không nát, thịt mỡ gầu giòn chứ không dai, chanh ớt, và hành tây đủ cả. Chả còn gì ngon hơn bát phở như thế nữa. Ăn xong bát thứ nhất, lại muốn ăn luôn bát thứ hai. Và anh hàng phở chả phải gánh nặng đi đâu cả, chỉ việc đỗ một chỗ nhất định, cũng đủ bán một ngày hai gánh như chơi. Và người hàng phở tìm dấu hiệu để gọi tên anh cho dễ nhớ: anh phở trọc, anh phở Bêrê, anh phở Mũ Dạ, anh phở Cao... và dặn thằng nhỏ chớ mua hàng khác về "ông không ăn mà chết đờn".

Phở là một thứ quà thật đặc biệt của Hà Nội, không phải chỉ riêng ở Hà Nội mới có, nhưng

chính là vì chỉ ở Hà Nội mới ngon. Đó là thứ quà suốt ngày của tất cả các hạng người, nhất là công chức và thợ thuyền. Người ta ăn phở sáng, ăn phở trưa, và ăn phở tối.

Phở bán gánh có một vị riêng, không giống như phở bán ở hiệu. Các gánh phở có tiếng ở Hà Nội đều được người ta đặt tên và tưởng nhớ: phố Ga, phố Hàng Cót, phố Ô Quan Chưởng, phố Cửa Bắc v.v...

Bây giờ nhiều tài năng trẻ trong nghề phở mới nhóm lên và trái lại, những danh vọng cũ trên kia không chắc có còn giữ được "hương vị xứng kỳ danh" nữa. Có người nào thử chịu khó đi khảo nghiệm lại một lượt xem sao? Một vòng quanh Hà Nội bằng vị phở, chắc có lắm điều mặn, chát, chua, cay đấy.

Nhưng có một nơi phở rất ngon mà không có ai nghĩ đến và biết đến; ấy là gánh phở trong nhà thương. Trong nhà thương vốn có một bà bán các thứ quà bánh ở một gian hàng dựng dưới bóng cây. Cái quyền bán hàng đó là quyền riêng của nhà bà, có từ khi nhà thương mới lập. Bà là người ngoan đạo nên tuy ở địa vị đặc biệt đó là cũng không bắt bí mọi người và ăn lãi quá đáng. Thức

gì bán cũng ngon lành, giá cả phải chăng. Nhưng gánh phở của bà thì tuyệt: bát phở đầy đặn và thơm tất, do hai con gái bà làm, trông thực muốn ăn. Nước thì trong và lúc nào cũng nóng bỏng, khói lên nghi ngút. Rau thơm tươi, hồ tiêu bắc, giọt chanh cốm gắt, lại điểm thêm một chút cà cuống, thoảng nhẹ như một nghi ngờ. Mà nhân tâm tùy thích, nhà hàng đã khéo chiêu: ai muốn ăn mỡ gầu, có, muốn ăn nạc, có, muốn ăn nửa mỡ, nửa nạc, cũng có sẵn sàng.

Cứ mỗi buổi sáng, từ sáu giờ cho đến bảy giờ, - chỉ trong quãng ấy thôi, vì ngoài giờ là gánh phở hết -, chung quanh nồi nước phở, ta thấy tùm nập tùm nập, các bệnh nhân đàn ông và đàn bà, các bác gác san, các thầy y tá, và cả đến các học sinh trường Thuốc nữa. Chừng ấy người đều hợp lòng trong sự thưởng thức món quà ngon, nâng cách ăn phở lên đến một nghệ thuật đáng kính.

*

* *

Cùng một thứ quà nước và mặn như phở, Hà Nội còn có hăng mì và mằn thần. Hai món này chắc hẳn là món ăn của người Tàu, cho nên hễ

người Tàu làm thì ngon hơn, cũng như họ làm ngon nhiều món khác.

Cái chí của người Việt ta cũng khác: món quà bán thì cứ muốn bán cho rẻ và nhiều, thích thế để xiêu lòng khách còn cái phẩm có tốt hay không, không quan tâm đến. Cho nên bát mần thần của người mình thì có đủ cả rau thơm, xà xiu, đôi khi mấy miếng dôi, và một phần chia tám quả trứng vịt. Mần thần thì làm rất to bột, nặn xuề xoà để trông càng to hơn, nhưng nhân thì hết sức kín đáo và nhỏ bé, vì được một tí thịt chỗ bạc nhạc, mua rẻ của các hàng thịt lậu ôi ở ngoại ô, lúc trút hàng bán rẻ. Nước cũng rất nhiều nữa, dềnh lên như ao sau trận mưa, nhưng nhạt ví như nước bèo. Ấy thế mà tất cả chỉ bán có năm xu. Tưởng đất hàng là phải.

Thế mà không: người Hà Nội ăn quà sành, nên khó mà lấy nhiều hoa mắt người ta được. Có lẽ người bán nghĩ rằng quà rao là *sực tắc*, hai thanh tre gõ vào với nhau như tiếng guốc đi của một gái về đêm, mà *sực tắc* chính là hai tiếng Tàu *Thực đặc* mà ra. Thực đặc là ăn được, cho nên quà chỉ cốt ăn được, không cốt gì ăn ngon.

Về thức quà này, tôi lại nhớ đến một câu

chuyện nhiều ý nghĩa, và có thể là một bài học hay cho người mình.

Trong lúc mọi người bán hàng Việt Nam mỗi vai lê gánh đi khắp phố mồn đốt tre vì tiếng gọi mà vẫn không bán được mấy, thì bỗng nhiên một hôm ở phố Hà Nội nhỏ hẹp và đông đúc, nẩy ra một chú khách bán hàng rất dỡ người. Chú ta cũng bán mì với mằn thần, cũng với giá năm xu, nhưng mì thì chỉ có mì không và mằn thần chỉ có mằn thần trần, đủ mười lăm cái. Nhưng nước rất trong và rất ngọt, mì thì đậm vị và dẻo, mằn thần thì bột mềm và mỗi cái có nhân một con tôm. Ăn mãi vẫn ngon không thấy chán.

Bác bán không cần gánh đi đâu, và cũng không cần gì bát. Ai muốn ăn đến hàng mà ăn, ai muốn mua đem bát lại mà mua, và người nhà mang về, chứ một bậc thang ngắn bác cũng không chịu bước lên. Bác bán hàng cửa quyền như thế, người ta tuy tức vì cái làm bộ kiêu kỳ của bác, chê vì quà của bác đắt hơn quà của các hàng thường, nhưng người ta vẫn phải mua, vì quà của bác ngon. Người mua ngày dần đông: một gánh bác bán không đủ, phải làm hai gánh, rồi ba, rồi bốn, rồi năm sáu. Mỗi gánh bác lại thuê một người bán,

mỗi tháng công năm đồng. Những người này bèn nghĩ cách ăn bớt: một lượng bát mì bác bán, cứ ba bó mì thì họ lại bớt một; mười lăm cái mần thần thì họ bá có mười hai.

Nhưng mặc lòng, hàng bác vẫn bán chạy. Mỗi gánh ít nhất bác cũng được lãi ba đồng một ngày. Sáu gánh vị chi là mười tám, một tháng lãi năm trăm hơn. Sáu tháng sau khi bác ở Hải Phòng đặt chân lên Hà Nội, bác đã nghiêm nhiên trở nên một người giàu.

Thế mới biết nghề gì là không có lãi, mà cái nghề chúng ta tưởng là hèn mọn ấy lại chóng làm cho người ta giàu hơn chán vạn nghề khác. Miễn là thức hàng bán xứng với đồng tiền, đừng lừa dối người mua: của ngon thì người ta ăn, đắt rẻ không kỳ quẩn. Đó là một sự thực giản dị trong nghề buôn bán, mà tiếc thay, nhiều nhà buôn người mình không biết đến, hoặc người mình làm tội bán rẻ hoặc họ đánh lừa được người mua thì lấy làm sung sướng.

Tôi quên nói nốt rằng chú khách bán mần thần trên kia, giá cứ giữ lối bán gánh như thế thì không sao. Có tiền, chú lại muốn làm ông chủ hiệu: chú mở hàng cao lâu to ở phía Mã Mây. Cái chí này

không có gì là đáng trách. Nhưng chú lại muốn giống các chủ khác ở chỗ đánh bạc: chú đánh phán thán, rồi chú thua. Ba tháng sau, chú vỡ nợ.

Nhưng đây là tại chú, chứ không tại cái cửa hàng của chú, và cái phương pháp bán hàng của chú vẫn giữ quyền giá trị khiến chúng ta nên theo.

Sau khi vỡ nợ, tay trắng trở về, chú lại ghé lưng xuống gánh lấy gánh hàng mần thẩn cũ: tiếng vẫn rao vang, và miệng vẫn tươi cười như trước: Đó là một tấm gương mà chúng ta lại càng nên theo nữa.

VĂN QUÀ HÀ NỘI

Kể về các thứ quà mạn, thì Hà Nội còn nhiều: nào bún riêu, bún chả, thang cuốn, nem chua, nào miến lươn và bún ốc. Mỗi thứ, tất nhiên có một vị riêng, và cả đến mỗi hàng, lại cũng có cái ngon riêng nữa.

Tôi thích nhất cô hàng bún ốc, không phải vì món hàng cô tôi thích ăn - xin thú thật rằng tôi sợ các bác ốc lắm - nhưng tôi thích nhìn người ta ăn, vì nghe thức quà của cô là cái điểm không thể thiếu được của một cảnh bình dân hoạt động trong các ngõ con và trên các bờ hè. Người ta xúm lại ăn quà bún ốc một cách mới ngon lành làm sao! Có ai buổi trưa hay buổi đêm khuya, đi qua các nhà cô đào, và các chị em thanh lâu, thấy họ ăn

cái quả ấy một cách chăm chú và tha thiết đến đâu không? Nước ốc chua làm nhăn các nét mặt tàn phẫn và mệt lả, miếng ớt cay làm xoa xuyết những cặp môi héo hắt, và khiến đôi khi rõ những giọt lệ thật thà hơn cả những giọt lệ tình.

Cô hàng ốc có một cái dụng cụ, một đầu là búa, một đầu là dùi nhọn. Một cái gõ nhẹ, và một cái trở tay, là con ốc nguyên cả ruột đã gọn gàng rơi mình và bát nước. Cô thoăn thoắt rút ốc không kịp, trông thấy người ta ăn ngon lành, chính cô cũng sinh thèm. Ấy cô có thú thực với tôi như thế.

Cùng họ nhà bún, riêu cua và thang cuốn vốn là quà sở trường của các bà. (Mà nghiệm ra cái triết lý sâu sắc nầy: thứ quà nào bán cho các bà bao giờ cũng đắt hàng, vì hai lẽ: một là vì các bà nội trợ bao giờ cũng sẵn tiền, hai là các bà ăn quà đã thành tục ngữ, ca dao). Lại có một điều: nhà mình làm lấy, dù bà vợ khéo tay đến đâu, ăn cũng không thấy ngon bằng mua của các hàng rong, nhất là hai thứ thang riêu. Tại sao vậy? Có ai tìm ra cái lẽ triết lý thứ ba không?

Miến lươn là thức quà ăn bổ âm, nhiều người bảo thế. Đàn ông thì không hay tin, nhưng đàn bà thì dễ tin lắm. Thế cho nên đã thấy nhiều ông

chồng không thích ăn lươn, mà vẫn bị các bà vợ ép cho ăn dù tiền các bà ấy trả lấy. Tình nghĩa đầm thắm của vợ chồng đôi khi có thể lấy nhiều ít miễn lươn mà đo được.

Ấy, suýt nữa đi khỏi các thứ quà cốt bún, mà tôi quên không nói đến thứ quà bún quan trọng và đặc điểm nhất của Hà Nội ba sáu phố phường: đó là thức quà bún chả.

Phải, cái thức quà tầm thường đó, sáu tỉnh đường trong, bốn tỉnh đường ngoài, chẳng có đâu ngon bằng ở kinh đô. Ai cũng phải công nhận như thế, hay ít ra những người sành thưởng thức. Một ông đồ cuồng chữ ở nhà quê, một hôm khăn gói, ô lên Hà Nội, đã phải ứng khẩu đọc hai câu thơ như thế này, khi ngửi thấy mùi khói chả:

Ngàn năm bửu vật đất Thăng Long

Bún chả là đây có phải không?

Mà cảm hứng thế là chí phải. Khi ngồi cuối chiều gió, đói bụng mà đón lấy cái khói chả thơm, thì ngài dễ thành thi sĩ lắm. Khói lam cuộn như sương mờ ở sườn núi, giọt mỡ chả xèo trên than hồng như một tiếng thở dài và tiếng quạt khê đập như cành cây rung động, quà bún chả có nhiều

cái quyển rũ đáng gọi là mê hồn, nếu không là mê bụng.

Những thứ rất là tầm thường, rất là giản dị mà đi gần nhau sao lại sinh ra được mùi vị riêng như thế? Ai là người đầu tiên đã nghĩ ra bún chả? Người đó đáng được chúng ta nhớ ơn và kính trọng ngang, hay hơn với người tạo nên được tác phẩm văn chương... Có lẽ người kia còn làm ích cho nhân loại hơn là người này nữa. Tiếc thay tên người tài tử đó thất truyền, để không liệt kê vào cái sổ vàng của những danh nhân "thực vi đạo".

Thứ bún để ăn bún chả, sợi mảnh và cuộn từng lá mỏng, khác với các thứ bún thường. Chả phải thịt ba chỉ, mà phải dùng cặp tre tươi nướng mới ngon. Quái, sao cái nước chấm của các hàng bún chả ngon thế! Có lẽ họ dùng nước mắm hạng vừa, nghĩa là không quá chua, cho nên thành ngon chẳng? Nước chấm ấy mà điểm thêm mấy giọt chanh vào thì tuyệt: có thể thấm nhuần được cả bún, cả rau, cả chả mà không mặn không gắt như nước chấm của nhà.

Nhưng bún chả Hà Nội đặc biệt có lẽ vì cái rau húng Láng. Vì chỉ có rau húng ở Láng Hạ là có mùi vị húng, đem trồng chỗ đất khác, sớm chậm

cũng đổi ra mùi bạc hà- Viết đến đây tôi lại nhớ đến bác Tú Mỡ thường mời bạn hữu ăn và thường khoe là mình ẩn dật ngay trong rừng húng - Thế cho nên bún chả thì phải là bún chả Hà Nội mới đủ vị cho người thưởng thức và phải là bà bún chả xưa vẫn ngồi trước đền Bạch Mã, Hàng Buồm, mới là bà bán hàng ngon. (Tất nhiên còn nhiều các hàng khác ở phố cũng ngon chẳng kém, nhưng tiếng tăm chưa nổi đó thôi).

PHỤ THÊM VÀO PHỞ

Nói về phở, tôi còn quên không nhắc tới những sự thay đổi mới đây ở cái quà đặc biệt đó. Nghĩ rằng thay đổi là tiến bộ, có người đã bỏ phở cũ làm vị phở gà. Nhưng sự cải cách ấy hình như không được hoan nghênh.

Có người khác rụt rè hơn, chỉ thay đổi một vài thứ gia vị: người thì thêm vị húng lìu (như gánh phở phố Mới hồi năm 1928), kẻ thì thêm dầu vừng và đậu phụ. Họ mệnh danh cái phở như thế là phở cải lương.

Nhưng cái thứ phở thực cũng như bản tuồng, chèo. Để nguyên tuồng chèo cổ thì hay, chứ đã

pha cải lương vào thì hồng hét. Có chăng muốn cải cách thì để nguyên vị, mà cách làm tinh vi hơn lên. Cái nội dung và thể tài vẫn cũ, mà tình thân thì ngày một sắc sảo thêm vào.

Kẻ viết bài này vẫn trung thành với lối phở cổ điển cũng như ưa nghe tuồng chèo giữ đúng điệu xưa.

BỔ KHUYẾT

Tôi đã toan chấm hết cái bài nói về quà bún thì một bà - hẳn cũng là một người sành ăn - đến trách rằng: anh nói đến quà bún mà quên không nói đến quà bún bung thì hẳn là một sự bất công. Vì bún bung là một thứ quà ngon lắm mà lại là một thứ quà rất Việt Nam.

Tôi biểu đồng tình, và vội vàng bổ vào chỗ khuyết điểm ấy, để khỏi phụ lòng những bà sành ăn bún, và khỏi phụ công những cô hàng sớm gánh nồi bún nóng đi rao khắp phố phường. Tôi còn nhớ rõ trên đầu lưới, tề như một lượt rừng minh nhẹ, cái vị đậm ngọt và hơi ngưa ngưa của những miếng dọc sơn hà. Cái thứ rau này, sao mà đi với bún hơn thế! Tựa như trời sinh ra để nấu

bún, và cái hoà hợp dịu dàng không ở đâu là không có, trong một tác phẩm văn chương cũng như trong một nồi bung nấu khéo.

Cây sơn hà (cây mùng) vốn là một giống tựa như cây khoai mà lá to, củ thì nhỏ và tròn như quả trứng, luộc lên ăn cũng ngon. Dọc cây, người ta tước vỏ và chẻ nhỏ, nấu kỹ cho rõ như. Một vài miếng đầu mẩu sườn để lấy nước ngọt, một ít nghệ để nhuộm cái thức ăn ấy một màu vàng đậm ấm như màu vàng của ráng chiều những ngày mùa hạ. Thêm dăm quả cà chua đỏ, một vài miếng đu đủ xắt vuông, màu trong mỡ như ngọc quý. Chùng ấy thứ mà có sợi bún trắng vắt qua, như một cái dây liên lạc những thức thực xa nhau, mà vì sự sành ăn của loài người bỗng chốc lên gần gũi. Thế là bát bún bung không biết bao nhiêu vị điểm lặn cho nhau như các tiếng của một bản đàn. Nếu ngài lại thích ăn cay nữa, thì mấy nhát ớt chỉ thiên, đủ khiến cho vị quả thêm cái nóng rực rỡ và thắm màu của những gia vị lạ nơi Ấn Độ.

BÚN SƯỜN VÀ CANH BÚN

Lại một vị khác hẳn, ấy là hai thứ bún sườn

và canh bún. Bún sườn thì hiền lành thôi, về sắc sảo chắc có gì. Cứ quý hồ nước cho ngọt, bún cho dẻo và được rồi. Người ta ăn bún sườn như đọc những tiểu thuyết ngon ngọt, thích thôi chứ không dám mê. Không có người ghét nhưng cũng không có người tha thiết quá. Cái gì cũng ở nửa chừng.

Canh bún thì cao hơn một bậc: vì có rau cần, sả và ớt, và nhất là có cá rô con, lạng từng miếng một, cũng có nơi nấu với cải, nhưng không ngon bằng. Thịt rô ấy đem lại cho thức ăn một vị đậm ngọt khác thường, không hiền lành, bởi vì chỉ ngon trong một độ nào đó, khiến người ăn có cái cảm tưởng đi gần một vị ghê lợm ở đâu này và ở đâu kia, và bởi thế, càng khiến cho thức quà thêm ngon hơn, có cái ngon của sự chên vênh và lo sợ... Thực vậy; canh bún để nguội thì tanh mà đun già nóng quá thì nồng ruồng. Ấy chỉ lúc nóng vừa đổ miệng, ăn phải là xuyết xoa. Và người ta cho hồ tiêu vào, để thêm cái cay nóng có mục thước.

"MÌN PHÁO" VÀ "GIẤY GIÒ"

Bánh tây chả là một thứ quà rất thường và

cũng chẳng lấy gì làm ngon lắm. Ấy thế mà có một người đã khiến cho nó thành một thức quà rất chạy, nhờ vì nó mà bà ta - người ấy là một người đàn bà - trở nên giàu có, tậu nhà gạch để ở và cho thuê.

Cứ quãng từ chín mười giờ, có khi khuya hơn nữa, trong lúc các sòng bạc, các người đánh đã thua cay: lúc trong các tiệm hút, cái diện tẩu đã có khi nóng xái là giờ bà hàng ấy đội thúng đi rao. Những khách ăn quen đã có ý chờ đợi: họ đói, nghe tiếng rao kỳ lạ của bà, một tiếng rao đặc biệt, nếu không là người tò mò chơi khuya thì không ai hiểu. Câu rao nguyên là một tràng tiếng Tàu (Quảng Đông) bà nói với một cái giọng riêng: "Lầu sường, lầu hạ, dầu sực mìn páo mẩu?" (gác trên gác dưới có ăn bánh tây không?)

Bánh tây của bà cũng chỉ là bánh tây hạng thường, hồi rẻ chỉ có mười hai xu một chục, nhưng bà mới lấy ở lò ra, và ử khéo khiến bao giờ cũng nóng.

Chả có hai thứ: chả lợn và chả bò, thứ sau này điểm thêm cái vị thìa là. Bà cũng bỏ lò cho mỡ chảy, và cũng giữ nóng như bánh tây. Cái nóng nọ cặp lấy cái nóng kia, rắc thêm chút muối tiêu

để sẵn trong một cái lọ, thành một thứ quà vừa rẻ, vừa chắc bụng, vừa ngon. Ba cái lợi mà những người nghiện biết thưởng thức lắm.

Bà hàng đã trở nên giàu. Nhưng mỗi buổi tối, ăn vận vẫn xuềnh xoàng như cũ, và vẫn đội cái thúng quà đi bán, và vẫn cất tiếng rao lạ lòng kia.

*

* *

Đêm khuya nữa... ở các con đường vắng, một bóng người lúi thủi đi, một chấm lửa nhỏ lung lay theo từng bước. Chậm chạp và thông thả, bác hàng quà, đi nhẹ như chân ma, thỉnh thoảng cất lên một tiếng rao nghe khẽ, ngắn và chóng chìm vào quăng tối: "Giấy giò... giấy giò..."

Tiếng rao buồn thảm, yếu ớt và uể oải như hàm một mối thất vọng không cùng. Cái đời tối tăm ấy, ở những đường phố xa, hẻo lánh, như không còn mong mỗi chút gì. Cả cái thức quà của bác ta cũng vậy: mấy khoanh giò nguội, mấy chiếc bánh giò chua, ăn lạnh như sương trên mồ người chết. Cho nên bác cứ đi như thế, lẩn lút ở các ngõ tối đêm khuya, chả mong bán được mà cũng chả

mong ế, lạng lẽ và chán nản như một linh hồn có tội.

CÒN QUÀ HÀ NỘI

Trong một bài trước, tôi đã nói đến thứ bánh cuốn Thanh Trì, là thứ quà Hà Nội. Nhưng đây là thứ bánh cuốn không nhân, tuy cũng gọi là bánh cuốn, mà không cuốn gì hết. Hà Nội còn thứ bánh cuốn khác nữa, mấy lần bánh mỏng bọc lấy nhiều vị làm nhân mà gần đây được người hàng phố hoan nghênh đặc biệt.

Chắc nhiều người còn nhớ hương vị của những chiếc bánh cuốn "hai mươi bốn gian". Thuở ấy, Hai mươi bốn gian còn là một xóm thịnh vượng của cô đầu, mà sự hoạt động vui vẻ còn kéo dài mãi đến đêm khuya. Trước cửa những nhà hát ấy, về phía bên này đường xe điện, có một chiếc nhà lá bé con, ẩn núp dưới bóng cây xoan xanh tốt. Trong cái nhà nghèo nàn ấy từ mười hai giờ đêm cho đến sáng, một bà già và hai cháu nhỏ cúi mình trên một cái nồi con bí mật làm ra những chiếc bánh cuốn nóng sốt và ngon lành. Khách chơi đêm khi lách nhìn qua cửa liếp bước vào, đã

người thấy mùi hành thơm phi mỡ, và trông thấy làn khói trắng bốc lên ở chiếc nồi.

Của đáng tội, bánh cuốn của bà cụ, cứ kể về giá trị riêng thì cũng không lấy gì làm ngon lắm. Nhưng người ta ăn thấy ngon, vì phải tìm tòi đến mà ăn, phải chờ đợi từng chiếc một. Vì đêm khuya, sau những cuộc hành lạc còn để lại dư vị đắng trên đầu lưỡi, người ta thêm được nếm cái vị cay chua của nước chấm, quất mạnh như chiếc roi vào cái chán nản của sự chơi bời.

Sau đó, khi xóm cô đầu dọn đi chỗ khác, thì bà cụ cùng hai đứa cháu cũng không bán hàng nữa, có lẽ không biết bán cho ai. Và cái món bánh cuốn cũng hình như không được ưa chuộng nữa.

Cho đến gần đây, các hiệu bánh cuốn mới lại thi nhau mở. Hiệu bánh cuốn Hàng Đồng, hiệu bán cuốn phố Nhà Thờ, hiệu bánh cuốn phố Mã Mây. (Hồi đó là hồi thang cuốn khởi đầu được hoan nghênh, cùng với hiệu phở Bình Dân). Người ta bán khắp cả: đủ các hạng từ một xu cho đến một hào một chiếc, không kể những hàng bánh cuốn rong, mỗi tối lại làm vang phố phường Hà Nội với các tiếng rao lanh lảnh và kéo dài.

Không kể mấy anh hàng bánh cuốn lập dị và

có vẻ đôi chút thượng lưu, đáng lẽ đội thúng thì họ gánh một gánh như gánh phở: một bên đựng thúng bánh cuốn lúc nào cũng bốc hơi. Rồi họ đặt ra một thứ tiếng rao kỳ lạ: lốc bếu. Nghĩa là gì? Tôi chịu không biết nguồn gốc của hai tiếng ấy ra sao?

Nhưng cái đó không cần lắm: điều cần là thứ hàng của họ ăn ngon. Tiếc thay, lại ít khi được như thế lắm. Bột bánh của họ phần nhiều thô không được mịn, còn nhân cũng không phải là thứ thịt ngon.

Bánh cuốn muốn ngon thì phải nhà làm lấy. Cách làm như thế này, và tôi trình bày ở đây cái phương pháp bí truyền làm bánh cuốn, đã nảy ra trong óc tôi một ngày đáng ghi nhớ ở trên bờ hồ Tây. (Tại sao lại hồ Tây, xin xem qua dưới sẽ biết).

Cốt bánh để bọc thì dùng bánh cuốn Thanh Trì, là thứ mà bột dẻo và thơm hơn hết. Như vậy, đã đỡ được công xay bột và tráng bánh, mà vị tất làm đã ngon bằng. Còn nhân thì một ít thịt vai nửa nạc nửa mỡ thật tốt, mấy cái nấm hương, vài lá mộc nhĩ và một ít tôm tươi hồ Tây, bóc vỏ và thái miếng. Tôm hồ Tây, của những thuyền siết

mang lên bán vào khoảng mười hai, một giờ trưa, là thứ tôm ăn ngay và ngọt vị.

Chùng ấy thứ, thêm mấy nhát hành, chút nước mắm ngon, hồ tiêu bắc, xào qua với mỡ trên chảo nóng. Rồi lấy bánh cuộn nhân vào; công việc này nên để tay mềm mại và khéo léo của các bà làm, để nâng niu cái màng bột mỏng cho khỏi rách. Xong, bỏ vào nồi hấp.

Lúc ăn chấm nước mắm Phú Quốc, canh, ớt và cà cuống nguyên chất hồ Tây; tùy thích có thể kèm thêm đậu rán nóng; một miếng ăn là một sự khoái lạc cho khứu quan và đầu lưỡi, và chúng ta cảm ơn Thượng Đế đã dành riêng cho loài người những thứ vị ngon

*

* *

Tôm là cái nhân cốt cần cho nhiều thứ bánh: bánh cuốn, bún cuốn, chả rán, thang v.v... Cho nên một thứ bánh bột cũng ngon là thứ bánh ít nhân tôm, (nhưng mà nhiều).

Sáng sớm, thường có một vài bà hàng đội cái thúng trên đầu đi bán; họ bán một thứ gọi là bánh tôm và một thứ kêu là bánh ít.

Bánh trên là những cái chén bằng bột trắng nho nhỏ, thứ bột ăn giòn. Khi bán họ múc vào cái thứ chén ấy, một ít tôm khô tơi vụn, tẩm vào một ít mỡ rất trong. Thứ quà trông tựa như một thứ hoa lạp, dài trắng và nhị hồng.

Còn bánh ít thì lăn bột chín trong để cho người ta đoán thấy cái màu đỏ của lưng tôm, và màu đen của mộc nhĩ. Họ trình bày chiếc bánh như những hòn tròn, cứ trượt trơn dưới đũa. Tôi ưa thích hơn cái hình thù bánh bao, bánh bèo của những nhà sang trọng ngày giỗ tết. Trong cách nặn bánh theo một hình thể thanh thanh, người ta cảm thấy cái hoa tay mềm mại của các cô thiếu nữ; cái tìm tòi nghệ thuật ấy giúp cho bánh ngon thêm nhiều lắm. Không cứ phải có của ngon, còn cần phải nâng niu kính trọng nữa.

Hết mặn, lại đến ngọt... Có lẽ một độc giả nào đó không thích cái mục *Hà Nội... phố phường*, sẽ nói thế khi bắt đầu đọc bài này. Nhưng tôi không thể bỏ qua những quà rong Hà Nội, mà lại không nói đến các thứ quà ngọt. Vì quà ngọt, ở Hà Nội, cũng nhiều bằng quà mặn, và nếu người ta ưa ăn mặn lắm, thì người ta ưa ăn ngọt cũng không phải không nhiều.

Nhưng mà tôi cũng chỉ nói sơ qua thôi. Vì các thứ quà ngọt ở Hà Nội cũng không có gì là đặc sắc, nhất là quà nước.

Đêm đêm các phố vẫn vang động tiếng rao của người bán hàng lục tàu xá và người bán chè sen.

Quà trên là một thứ chè đậu xanh, ngọt đậm từ thứ nấu cả vỏ đến thứ bỏ vỏ, từ thứ đặc sệt như bột của phần nhiều người bán Việt Nam, đến thứ loãng hơn và sắc mùi vỏ quýt của chú khách vẫn bán kèm với "chí mã phù" ở các ngõ Quảng Lạc và Hàng Buồm. Còn chè sen thì chỉ người ta bán, mà bao giờ người bán hàng cũng là một bác đàn ông đứng tuổi, mặc áo cách nâu và quần nâu. Nhưng cái thứ chè của bác ta ngọt quá, và đắt nữa. Một xu thường chỉ được bốn, năm nhân hạt sen. Thứ quà của bác người ta không ăn luôn, chỉ để mời mấy ông cụ nhà quê ra chơi tỉnh, hoặc chỉ để cho bà trưởng giả nuông chiều mấy cậu con yếu dạ dày.

Cùng một thứ quà nước ngọt và nóng ấy, thỉnh thoảng ở Hà Nội, tôi còn nghe thấy cái tiếng rao là là "Sa cốc mây". Lần đầu nghe, tôi tưởng là một thứ quà ngon lắm, ít ra cũng có những vị lạ như cái tên gọi nửa Tàu, nửa Mán kia. Tôi gọi

mua ăn. Nhưng hộp được vài hộp, thì miếng quà trở nên khó nuốt và ngán như lúc phải nói hết một câu khôi hài mình thấy là nhạt rồi. Nó có gì đâu: chẳng qua là một thứ bột viên nhỏ và tròn, nấu với nước đường.

Sao bằng mát ruột và lạnh hơn lúc đương nức, ăn một xu chè đậu đen của các cô hàng đòn gánh cong ở sau phố Sinh Từ? Trong buổi đêm mùa hạ, khi các hè phố ngổn ngang những người nằm ngời hóng mát, từ viên công chức cho đến bác thợ thuyền, thì các cô qua lại luôn luôn bật ra cái tiếng rao: "Ai cháo đậu xanh, chè đậu đen ra", lạnh lạnh và kéo dài như một luồng gió mát.

Giờ tôi nói đến mấy thứ quà nước ngọt có lẽ chỉ riêng Hà Nội mới có. Mà cũng không phải là phố nào các hàng quà ấy cũng đi qua. Các thứ ấy chỉ bán quanh quẩn trong mấy đường lồi gần Hàng Buồm và phố Mã Mây, phần nhiều trong các ngõ tối tăm. Bán cho ai? Cho những người hút thuốc phiện - nghiện hay không - là những người vừa thích ăn của ngọt, lại của ngọt mát để nó nhuận tràng, và đủ cầu kỳ để ưa những món quà phiền phức ấy.

Khi ngài say thuốc rồi, muốn ăn thứ quà ngọt

để hâm dư vị của Phù Dung, nóng để khỏi già cái say sưa, và rẻ để đủ no với vài xu nữa, thì xin gọi mua một bát "Súi ỉn" - (hay duẩn, sùi din, hoặc tương tự) - của chủ khách trọc đầu ngồi bán ngoài cửa tiệm. (Tiện đây xin nói rằng chú ưa ngồi đây, một là để bán hàng, mà hai nữa cũng là để hít lấy mùi hương khói). Đó là một thứ bánh trôi nước, bột bọc nhân vừng, dừa và đường, thả lênh bênh trong một thứ nước cũng đường. Thứ quả rất nóng hôi, vô ý cắn vào thì buốt chết ráng. Quả ấy có ngon không? Tôi chịu không biết được. Và theo như lời một đồ đệ lão luyện của Phù Dung Tiên Tử, muốn thưởng thức được hoàn toàn cái hương vị của thứ quả ấy, thì phải ăn lúc bụng đói và sau khi đã say sưa. Nhưng có một điều chắc là thức quả đó hẳn khó tiêu.

Hút thuốc hay ráo cổ. Thì có khó gì. Đã có thứ mía ngọt, nhưng mà hâm nóng, luộc trong một thứ nước riêng, có những vị gì tôi không biết, vì mấy lần hỏi, chủ bán hàng cứ giữ bí mật của nhà nghề. Khẩu mía và chén nước ấy, người ta rao bốn tiếng lạ lùng là: "Mạo cán chè, sủi!".

Nếu ông lại muốn vừa đỡ khát, vừa bổ âm, bổ tì hay bổ vị nữa, thì gọi mua một chén nước nóng

"Bát bảo lương xà". Bát bảo là tám của quý, tám vị thảo mộc trong thuốc bắc, chủ khách bán hàng đã cẩn thận phơi bã ở trên rìa mép cái bình, để tỏ ý muốn hàng chân thật. Cái thứ nước ngon ngọt lờ lợ ấy đã xuýt làm tôi buồn nôn. Nhưng nhiều người uống ngon lành lắm, hứng từng giọt cho đến cạn.

Giờ nếu ông muốn được tiêu và nhuận tràng thì lại xin ăn một bát chè khoai. Khoai và khoai thường, cách nấu cũng rất thường, nhưng người ta gọi bằng ba tiếng nghe rất có vẻ Tàu: "phán si thòng".

Tất cả những tiếng rao Tàu ấy, đêm khuya văng vẳng trong những ngõ tối quanh co hoà với tiếng reo của nhĩ tẩu, với khói thơm của Phù Dung, đã tạo nên một không khí riêng cho Hà Nội, có lẽ không đâu có.

NHỮNG THỨ "CHUYÊN MÔN"

Những thứ quà đặc biệt riêng của từng vùng, ngày trước ta có nhiều: Ninh Giang có bánh gai, Yên Viên có bánh giò, Lim có bánh lam, Ghềnh có bánh dầy dài và chả nướng, Quán Gánh có

bánh giầy tròn, Nam Định có bánh bèo, Hải Dương có bánh đậu v.v... Những thứ quà ấy nơi thì còn giữ được vị ngon như cũ, nơi thì chỉ còn cái tiếng không. Người sành ăn bây giờ mỗi ngày một ít, người ưa chuộng của tốt cũng không còn có nhiều. Người ta bây giờ chỉ ham cái sự rẻ, và chỉ cần có cái mẫu mớ bề ngoài. Sự giả dối, điêu ngoa, và luộm thuộm, thay thế cho sự thật thà, cẩn thận. Không cứ gì trong các thức ăn, cả đến những sản phẩm khác cũng vậy.

Nhà đạo đức thì lấy thế làm lo riêng cho cái tinh thần của nước nhà, nhưng người sành ăn thì lo riêng cho cái vị ngon của những thức quà đáng quý. Cái nọ không phải là không có liên lạc đến cái kia: biết ăn, tức đã là một điều tiến bộ lớn trong các điều tiến bộ, nếu không phải là trong hàng những điều quan trọng nhất.

Những ý nghĩ về thế đạo trên này không khỏi lôi kéo chúng ta đi xa quá.

Vậy thì, nếu nơi nào có thức "chuyên môn" riêng của nơi ấy thì Hà Nội cũng có thức chuyên môn riêng của 36 phố phường.

Một người Hà Nội về thăm quê, muốn đem ít

quà thật là đặc biệt, thì người ấy lựa chọn những thứ gì?

*

* *

Bánh cốm hàng Than... Một thứ bánh ngon mà cũng không đắt, một thứ bánh gọi cho ta những kỷ niệm rất nhiều màu. Bánh cốm chính là thứ bánh cưới, trao đi đổi lại trong những mùa thu, để chứng nhận cho cái sung sướng của cặp vợ chồng mới, và cái vui mừng của họ hàng. Vuông vắn như quyển sách vàng, bọc lá chuối xanh buộc lạt đỏ; cái dây lạt đỏ như sợi dây tơ hồng buộc chặt lấy những cái ái ân.. Nhân đậu xanh giã nhuyễn, vương mấy sợi dừa, và đường thì ngọt đậm. Có lẽ chúng ta có quyền phàn nàn rằng cái thứ bánh ấy - và nhiều thức bánh khác của ta nữa, - phần nhiều ngọt quá, ăn hay chóng chán. Nhưng bánh mừng đám cưới lại nhạt ư? Cho nên họ làm ngọt, hết sức ngọt, để tận hình dung cái đậm thắm của cặp vợ chồng (cũng vì thế mà tình yêu chóng chán).

Bánh cốm thường đi đôi với bánh xu xê. Cái tên kỳ khôi này ở đâu mà ra? Thứ bột vàng và trong như hổ phách ấy, dẻo và quánh dưới hàm

răng, là một thứ bánh rất ngon. Dù sao, cũng là một thứ bột trắng thần, vì nó dễ cho ta đoán thấy trước - để mà thềm thuồng - những cái ngon ngọt hơn ẩn nấu bên trong. Qua các màu vàng óng ánh ấy, màu trắng của sợi dừa và màu xanh nhạt của đậu thêm một sắc nóng âm và thân mật. Tôi bao giờ cũng ưa thức ăn nào có một hình sắc đẹp dễ: cái đẹp lúc trông ngắm giúp nhiều cho cái thưởng thức lúc ăn lắm.

Hai thứ bánh cốm và bánh xu xê của Hàng Than Hà Nội, có thể nói là đã nổi tiếng khắp Bắc Kỳ, từ kẻ chợ cho đến thôn quê. Ở Hàng Than, chỉ còn có hai nhà là chính hiệu. Ngày xưa, tên người làm bánh cũng bắt tử liên theo với thứ bánh họ làm ra. Cái danh tiếng của cả một gia đình ghi trên nền lá chuối và tôi tưởng cô con gái của gia đình ấy chắc hẳn là đất chồng. Bây giờ, cái tên hiệu được ghi nhớ hơn. Nhà bánh cốm "Nguyên Ninh" tôi tưởng là một nhà làm bánh cốm cũng đã lâu đời, cũng với nhiều nhà khác. Họ biết giữ cho cái vị bánh được ngon đều, và điều này cần nhất, biết thay đổi trong cách trình bày và trang điểm cho thứ quà được lịch sự và trang trọng thêm lên.

(Một nồi cơm thắng đường, lúc lấy ra, thế nào cũng còn lại ít nhiều chỗ cháy. Cái thứ cháy cơm ấy, ngọt sắc và dẻo cũng như "mè xừng", người ta bán năm xu một miếng cho những người ít tiền dùng, nhất là những người nghèo mà lại đánh bạn với ả Phù Dung, là những người tìm được cái ngon bất cứ ở thứ quà gì).

Một nhà khác ở phố Hàng Giấy - mà tôi không còn nhớ số nhà hiện giờ làm những bánh mảnh cộng cũng khá ngon. Đó là một thứ bánh vuông và nhỏ, bột xanh thẫm như lá mảnh cộng, tất nhiên, ăn mềm và thơm. Tôi không rõ họ có làm bánh gác nĩa không: hai thứ bánh ấy vốn đi đôi với nhau, một thứ xanh, một thứ đỏ. Người ta vẫn ăn, nhưng chỉ ăn thỉnh thoảng. Vì các thứ bánh bột của ta đều phải một tật là chất bột nặng quá. Nếu tìm cách nào làm cho thứ bột được "nhẹ" hơn, thì những thứ bánh ấy mới có thể bán nhiều được.

BÁNH ĐẬU

Chắc nhiều bạn đọc còn nhớ cái thứ bánh đậu Hải Dương, đã nổi tiếng, mà ngày bé, chúng ta thường nhận được do tay bà mẹ đã đi đâu một

chuyên xa về? Cái thứ bánh đậu khô, bột nhỏ như phấn, đóng hình vuông, có in dấu một hai chữ triện. Thuở nhỏ, chúng ta thích ăn thức quà ấy lắm, nhưng nếu chúng ta mắc bệnh ho, thì đã không khỏi lắm lúc bực mình. Miếng bánh vừa bỏ mồm chưa kịp nuốt, một cơn ho đã làm bật ra ngoài như làn khói... Mất chỉ còn tiếc ngẩn ngơ nhìn.

Bây giờ thứ bánh đậu Hải Dương ấy không còn nữa. Có lẽ người ta thấy cái bất tiện của bột khô cho các trẻ bé và cho các ông cụ già. Ở Hà Nội, người ta làm một thứ bánh đậu ngon hơn, đó là một thứ bánh đậu ướt, thứ bánh đậu có mỡ. Một thứ bánh để ăn trong khi uống chè tàu, cái vị béo ngọt của bánh rất ăn với các vị đắng của nước chè.

Đó là thứ bánh rất hợp dùng trong lúc thưởng thức ẩm chè ngon và tôi lấy làm tiếc rằng sao người ta lại không nghĩ chế ra một vài thứ bánh tương tự như thế nữa; để có đủ bánh mà đặt ra cái lệ "chè bánh" vào quãng năm giờ chiều, như thói tục của người Anh. Một tục lệ đáng quý, khiến một ngày đầy đủ hơn, và sau cùng sự làm bánh trái cũng khéo léo và tinh khiết hơn. Cũng

là một công việc đáng làm, như sự khuyến khích các mỹ thuật khác trong nước. Bánh đậu ướt ngon nhất là bánh đậu của Hàng Bạc và Hàng Gai. Bây giờ hai phố ấy vẫn cạnh tranh nhau để lấy tiếng, và thêm vào cuộc tranh giành, còn có phố Hàng Đào và phố Hàng Đường nữa. Nào hiệu Ích Nguyên Hàng Gai, hiệu Giụ Nguyên và Thanh Quang Hàng Bạc, hiệu Cự Hương và Việt Hương Hàng Đào, hiệu Ngọc Anh và Thanh Hiên Hàng Đường, v.v... mỗi hiệu đều trình bày một thứ bánh với một hương vị riêng. Ai chiếm giải quán quân bánh đậu? Thật là khó giải quyết. Tôi lần lượt dùng hết chừng ấy thứ, đã ngẫm nghĩ và suy xét nhiều về cái vị ngon trước một chén chè tàu bốc khói. Tôi không có cái kiêu vọng bắt buộc người khác phải theo cái quyết định của mình. Nhưng tôi không khỏi có cái sở thích riêng trong việc đó.

Bánh đậu của Ích Nguyên thì thẳng thắn và thực thà, mịn vì đậu ngon nguyên chất. Bánh của Thanh Quang nhiều hương thơm vani, nhưng đường dùng hay loạn soạn, của Giụ Nguyên thì ướt vì nhiều mỡ quá; của Cự Hương thì nhạt vị, của Việt Hương thì dẻo quá; tựa như đậu trắng, của Ngọc Anh thì hơi khô khan, của Thanh Hiên

thì hơi cứng mình... Kể về vị ngon, thì mỗi thứ của một hiệu đều có một đặc sắc riêng, đủ để cho người ta chuộng. Nhưng tôi thì ưa thích thứ bánh đậu của Hàng Gai hơi, vì giản dị và mộc mạc. Đậu thì nguyên chất đậu, và hương thơm cũng chỉ là hương thơm riêng của bột đậu xanh. Cho nên bỏ vào mồm thì tan đều, ăn ngấm ngấm rồi mới thấy béo, suy xét rồi mới thấy thơm. Cái ông cụ già làm bánh ở hiệu đó có nói chuyện rằng: trước kia, vì theo thời, ông cũng cho thêm hương vani vào bánh. Nhưng các khách hàng quen, trong số đó có vài ông khách hàng già ở ngoại ô, đều yêu cầu nên giữ nguyên hương vị đậu như xưa, và nhà hàng từ đó cứ theo như thế. Đây thật là một ý kiến hay.

BÁNH KHẢO, KẸO LẠC

Đi với bánh đậu, còn có các thứ bánh khảo, và các thứ kẹo lạc, kẹo vừng. Về bánh khảo, hoặc nhân hạt sen, đậu đen hay đậu xanh, thì hiệu Cự Hương là nhất. Ngày trước, hiệu Ngọc Anh có tiếng khắp kẻ chợ thôn quê; nhưng từ ngày Cự Hương ở tỉnh Đông đồn lên, thì ngôi bá chủ đã

thay người. Trong khi Cự Hương mỗi ngày một tiến bộ trong cách tìm tòi khiến cho bột bánh được mềm dẻo, nhân đậu được nhuyễn trong, và cách trình bày được sạch sẽ tinh tươm, thì Ngọc Anh nằm ngủ trên cái danh vọng cũ của mình, uể oải bán hàng cho khách. Hiệu đó hình như giàu rồi mà lại... mà người Việt Nam mình phần nhiều giàu có rồi thì không hay cố nữa. (Đó là cái tật chung của người mình, khiến cho không có một công cuộc nào phát đạt được lâu dài, cả từ trong cách buôn bán cho đến những công nghệ khác). Thế mà Ngọc Anh còn thứ kẹo lạc ngon, ngon vì mùi vani cho vừa phải, vì cái rải vừng vừa chín không hăng sống và cũng không khét cháy, và nhất là đường của kẹo không dính răng... Cái ngon đó tôi cho cũng là một sự tình cờ, ngay chính nhà hàng bán có lẽ cũng không biết rằng hàng của mình ngon hơn hàng khác. Vì ta thử vào mua ở hiệu đó mà xem: chẳng có ai sẵn đón mời chào khách, nhà hàng thản nhiên và đứng đưng như không cần bán, mua hay không, đều tỏ ý không cần. Nếu ta giục lắm, bấy giờ mới có hai cậu nhỏ quần vải, áo nâu, quệt tay vào tà áo, rồi thò vào lọ bóc kẹo, gói vào mảnh nhát trình cũ, nếu ta

mua có năm xu hay một hào. Ấy là hồi giấy còn rẻ, chứ bây giờ...).

Thật là đáng tiếc. Ô, sao sự cố gắng ở nước này không được lâu bền nhỉ? Hiệu Cự Hương phát đạt một độ, giờ xem ra hình như cũng đã có những triệu chứng - tuy chưa rõ rệt - của một sự mệt mỏi, chênh mảng rồi.

Mà tài làm bánh của người mình không phải là kém cỏi. Cái thứ bánh dẻo Trung thu của Cự Hương không kém gì bánh của Tàu, và các thứ bánh kem của Việt Hương không thua gì bánh của Tây. Ta chỉ còn thua cái chí, cái cố gắng nữa mà thôi: nghĩa là còn thua nhiều, nhiều lắm.

Cho nên ngày tết Trung thu, thấy người Việt Nam xô nhau đến mua bánh nướng của Đông Hưng Viên, chen đẩy nhau như họp chợ, và chịu khó chờ đợi hàng giờ, nghe những câu vô lễ và cái nhìn cái vẻ không cần của mấy chú bán hàng, chúng ta chớ nên lấy làm lạ vội. Người Việt Nam mình - nghĩa là ông với tôi - nhẫn nhục và kiên nhẫn cũng nhiều lắm.

MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỒM

Cơn gió mùa thu hạ lướt qua vùng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thứ quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn ngủ thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa càng ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.

Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được, người ta gặt mang về. Rồi đến một loạt cách chế biến, những cách thức làm, truyền từ đời này sang đời khác, một sự bí mật trân trọng và khe khắt giữ gìn, cái cô gái Vòng làm ra thứ cốm dẻo và thơm ấy. Tất nhiên là nhiều nơi cũng biết cách thức làm cốm, nhưng không có đâu làm được hạt cốm dẻo, thơm và ngon được bằng ở làng Vòng, gần Hà Nội. Tiếng cốm Vòng đã lan khắp tất cả ba kỳ, và đến mùa cốm,

các người của Hà Nội 36 phố phường vẫn thường ngóng trông cô hàng cốm xinh xinh, áo quần gọn ghẽ, với cái dấu hiệu đặc biệt là cái đòn gánh hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng...

Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ Việt Nam. Ai đã nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà sêu tết? Không có gì hợp hơn với sự vương vít của tư hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi... Và không bao giờ có hai màu lại hoà hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền. (Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần, và những thức quý của đất mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nháng và thô kệch bắt chước người ngoài: những kẻ mới giàu vô học có biết đâu thưởng thức được những vẻ cao quý kín đáo và nhũn nhặn?).

Cốm không phải thức quà của người vội; ăn cốm

phải ăn từng chút ít, thông thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một, còn giữ lại cái ẩm áp của những ngày mùa hạ trên hồ. Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quả thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve... Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố sức tiềm tàng và nhẫn nại của thần lúa. Sự thương thức của các bà sẽ được trang nhã và đẹp đẽ hơn và cái vui cũng sẽ tươi sáng hơn nhiều lắm.

Cốm để nguyên chất ăn bao giờ cũng ngon và nhiều vị. Tất cả những cách thức đem nấu khác chỉ làm cho thức quả ấy bớt mùi thơm và chất dẻo đi thôi. Tuy vậy, nhiều người ưa cái thứ cốm

sào, thẳng đường rất quánh. Thành ra một thứ quà ngọt sắc và dính răng. Như vậy tưởng mua bánh cốm mà ăn lại còn thú vị hơn. Ở Hà Nội, người ta lại còn làm một thứ chả cốm, nhưng cái thanh đậm của vị lúa không dễ ăn với cái béo tục của thịt, mỡ.

Tôi thích hơn thứ chè cốm, nấu vừa đường và không đặc. Ít ra ở đây cốm cũng còn giữ được chút ít vị thơm và chất dẻo, và chè cốm ăn cũng mát và lành. Nhưng cũng chẳng gì hơn là một lá cốm Vòng tươi sạch trong một chiếc lá sen mới hái về.

QUÀ... TỨC LÀ NGƯỜI

Chúng ta đã lần lượt điểm qua các thứ quà rong ở Hà Nội, cả quà ngọt như đường mía lẫn quà mặn như muối Trương Lâm. Tất cả những thứ quà đó chứng tỏ cái thay đổi lăm màu của sự thưởng thức của người Hà Nội, cái phong phú và cái tế nhị vô cùng. Có cả một chút ưa thích cái quá nóng, cái ròn rợn, thế nào nhỉ? cả một chút tà hiếu nữa. Ớt thì thích ớt rất cay, cà cuống thì rất hăng, chanh thì ưa chanh non cốm. - Trong cái chua dấm dứt của nước bún ốc, trong cái béo

ngậy ngọt của thịt lợn, trong cái vị khai nồng của sữa đỗ, biết đón hưởng cái thú mình làm ghê mình, như ăn mơ chua với gừng, khế dầm với nước mắm, chứ không thẳng thắn, không thật thà như quả mọc mọt và giản dị các nơi làm bằng gạo mới, đỗ nành - những món quà lương thiện không đánh lừa vị miệng và dạ dày. Những người của Hà Nội 36 phố phường phức tạp hơn, và đáng yêu hơn cũng vì chỗ ấy.

Ngày trước, ngày tôi còn nhỏ, đã được thưởng thức một thứ quà rong đặc biệt gọi là *bánh bột cười*. Gói quà phong giấy tựa như phong thuốc lá, nhưng phồng hơn. Giá cũng rẻ; có một xu hai phong. Kẻ bán hàng là người đàn bà có tuổi, mặt sạm và miệng tươi, đơn đả mời chào các cậu bé ở trường về hay thơ thẩn chơi ở vệ hè. Ấy hình dung người đàn bà ấy tôi chỉ còn nhớ được có thế, vì không ai được trông thấy người ấy hai lần.

Xin mãi mới được đồng xu mới, tôi vội vàng và hí hửng ra mua thứ bánh lạ lùng ấy. Dem về mở ra khoe với mẹ, thì chỉ thấy bay ra... hai con ruồi. Nó bay đi mất. Tôi ôm mặt khóc, còn cả nhà thì nổi lên cười. Nhưng tưởng mất một xu mua được trận cười (tuy cười mình) tưởng cũng là không đắt

và con mụ kia thật đáng thương tiên vì đã biết đánh trúng vào các lòng ham lạ của trẻ con Hà Nội.

Những cái tục lệ đẹp đẽ ấy nay mất dần đi... Sự sành ăn và cái thưởng thức của người nơi văn vật đã kém sắc sảo, ý nhị rồi chăng? Có thể mới ra đời được những thứ phục linh cầu xanh đỏ và nhây nhót, những thứ kem "Việt Nam" và "Hải Phòng" và "Thượng Hải" và trăm thứ bà dần vừa nhạt vừa tanh, cái thứ ghê gớm "chè trân châu (!) glacé"; còn có thứ kẹo rắn như đá núi Cai Kinh của chú khách đập hai thỏi sắt vào nhau làm hiệu, cái thứ thịt bò khô với củ cải (hay đu đủ?) đậm đậm, chế thêm ít phẩm đỏ, một thứ quà bắn thiu và độc vô cùng mà các học trò Hà Nội hay ưa thích... Tôi còn tha thứ hơn cái thứ "kẹo vừng, kẹo bột" ngày xưa tuy nó không ngon, nhưng ít ra cũng đem lại cho phố phường Hà Nội cái tiếng rao kéo dài và hơi buồn của lũ trẻ bán hàng.

VÀI THỨ CHUYÊN MÔN NỮA

Chút nữa thì tôi đi hết những thứ quà đặc biệt của Hà Nội mà không nói đến cái thứ bánh tôm

nóng, đã là sở ước và thú vị của suốt một đời học sinh. Lúc bấy giờ đương là mùa rét. Gió bắc lạnh thổi vi vu qua khe cửa nhà trường, làm thâm tím môi và cồng tay vài chục cậu học trò trong lớp. Càng sung sướng biết bao khi ra ngoài cổng trường, ngồi xúm quanh cái chảo mỡ nóng của bác hàng bánh tôm bốc hơi trên ngọn lửa... Rồi hồi hộp chờ đợi bác đong cái đĩa bột trắng, để lên trên hai ba con tôm khô, điểm thêm mấy nhát khoai thái nhỏ, và dúng vào mỡ sèo sèo... Ruột hơi se lại trước, chúng tôi nhìn cái bánh bột vàng dần, vàng dần, con tôm co lại, nhát khoai nở ra, và cái bánh hơi cong lên như nóng nảy muốn nằm ra đĩa. Một mùi thơm ngậy toả nhẹ lên không khí, mà chúng tôi hút một cách khoan khoái cùng với cơn gió lạnh phía Bắc về... Chiếc kéo của bác bán hàng thoăn thoắt cắt nhỏ ra từng miếng. Chúng tôi không kịp so đo, đã hỏi bác rót nước chấm có dấm chua và ớt bột thật cay. Và chúng tôi ăn trong lúc bánh còn nóng hôi hổi, bỏng cả miệng, cả môi, cả lưỡi - chảy nước mắt vì ớt xông vào cổ họng, xuýt xoa cho vị bánh đượm lâu. Ngon biết chừng nào!

Cái hăng hái, ngốn ngấu ấy, bây giờ không còn

nữa, và dầu ta có muốn cũng không trở lại nào. Mỗi tuổi có một cái thích khác nhau (và không ích gì lấy ở đây ra những điều triết lý).

Cái vị bánh tôm mạnh mẽ bao nhiêu thì cái thứ bánh sau đây lại dịu dàng bấy nhiêu. Tôi muốn nói thứ "bánh bò chê" trắng như sữa và nhẹ như bông... Không phải là thứ bánh của bất cứ người bán hàng nào, nhất là không phải của các người bán hàng Việt Nam, chỉ đem ra những cái bánh vừa nặng bột vừa chua (Một lần nữa tôi nhận thấy cái kém của người mình). Nhưng là thứ bánh bò của một chú khách người tầm thước, nếu không hơi lùn; chú chỉ quanh quẩn trong mấy phố gần trung tâm Hà Nội: Hàng Bè, Gia Ngư, Hàng Bạc, Hàng Buồm... với một thứ tiếng rao riêng. Bánh chú bán hai xu một chiếc: đó là thứ bánh hình tròn, to bằng cái đĩa chén chè, và phồng hai bên tựa như chiếc bánh đúc nhà quê.

Hình như người khách mới biết cái thuật cho bột được nhẹ, và sốp, bằng cách men. Cho nên chiếc bánh bò chê của chú khách trên kia ăn rất nhẹ nhàng, với một cảm tưởng rất dễ tiêu, vì bánh hơi giòn ngọt, thơm thơm, bột dẻo và bông như sợi tơ. Có thể cắn một miếng to, nhưng rút lại

vẫn vừa miệng, và đủ nóng bốc hơi để tỏa ra cái mùi gạo mới. Kể là một thứ quà điểm tâm buổi sáng thì rất hợp, rất thanh.

Tiền đây, tôi nhắc đến thứ cháo hoa buổi sớm cũng của người khách bán. Thứ cháo tên là "bạc chúc", gạo nhỏ biến và mịn như nhung, thỉnh thoảng điểm cái vị thơm mát của ý dĩ, và cái vị bùi của thảo quả. Hoặc ăn cháo không, hoặc ăn cháo với "dâu chặc quây", một thứ bánh bột mì rán vàng và phồng, mà cái béo ngậy và sự ròn tan ra hoà hợp rất kín đáo và rất mỹ thuật với cháo loãng. Trong thức quà buổi sớm đó, có một cái nhỏ nhắn, tế nhị, và thanh tao; chỉ những người nào sau một đêm mệt nhọc, đương hao hức, mới thường thức được hết.

*

* *

Cũng một hàng bánh làm bằng bột có men ấy, còn có một thứ đặc biệt nữa, mà người khách rao là "chê cà cô", và người mình gọi nôm là "bánh bò tàu" (lại Tàu). Phải, nó là thứ bánh bò tàu chứ không phải bò tây, hay bò ta. Và thế nó ngon hơn nhiều lắm.

Cái thứ bánh ấy, lúc hấp gần chín, thì chất men bốc hơi. Nhưng bong bóng rất nhỏ, và rất nhiều, từ dưới đáy đi vút lên, rồi vỡ ra ở trên mảng bột. Thành thử cái mặt bánh ấy có một hình thù kỳ lạ, lỗ chỗ như rỗ hoa; và thân bánh rất xốp, từng sợi ghép vào nhau, óng ánh như nhũ thạch trong một cái động đá hoa. Bánh vừa dẻo vừa ròn, trong cái ngọt lại thoảng cái vị hơi chua, nên ăn một miếng lại muốn ăn miếng nữa.

Tuy là thứ bánh của người Tàu, nhưng chừng như không phải bất cứ người Tàu nào cũng làm được. Thứ bánh đó, nghe đâu ở Hà Nội chỉ có một nhà chuyên môn làm, và bán cất cho những người đi bán rong. Tôi ước ao rằng, ở nhà đó, thứ bánh ấy sẽ do tay một thiếu nữ Tàu xinh đẹp nấu, bởi vì người đẹp mà lại làm bánh ngon, thì đến trời cũng không nhịn được ăn được.

*

* *

- Thế là gần hết các thứ quà của Hà Nội.

Tôi nói gần hết bởi vì cũng còn nhiều thứ hàng ngày chúng ta vẫn nghe rao, mà ở đây không nói đến. Phần thưởng, tôi chỉ chú ý đến những thức

quà vĩnh viễn, mà có chút gì đặc biệt, đáng yêu. Vì có nhiều thức quà, tựa như sao băng vút qua bầu trời mùa hạ, hiện ra rồi lại mất đi, không còn dấu vết gì để lại. Cái đời ngắn ngủi ấy, duyên có ở chỗ các thức đó chỉ hợp với cái thị hiếu một thời: không phải chỉ ở trong y phục, trong trang sức hay trong văn chương, mới có những cái "mốt", những cái đua đòi mà thôi. Cả đến trong việc ăn uống cũng vậy. Người ta theo nhau ăn thức quà này, cũng như người ta theo nhau mặc kiểu áo kia. Và chỉ có những thức quà nào có những hương vị chắc chắn và phong phú, mới có thể bền lâu được. Cũng như một cuốn tiểu thuyết, nếu không có cái hay tiềm tàng, mà mỗi ngày một tỏ ra mới lạ, thì chỉ được hoan nghênh nhất thời, hoặc dài hay ngắn. Sự bất tử ở văn chương và ở thực phẩm có giống nhau.

Xét những thức quà của ta, thật có nhiều thứ quà ngon, mùi vị rất dồi dào. Phần nhiều là những thức quà có từ xưa, đã có nền nếp, có quy củ hẳn hoi, và mang trong hương vị cái mùi ngon đậm thấm của đất nước nhà. Sản phẩm của đồng ruộng, của núi sông, những thức quà ấy là dấu hiệu sự thưởng thức của người mình, vừa tao nhã

lại vừa chân thật. Từ ông cụ đồ nho khề nhấp rượu để ngẫm nghĩ về cái vị ngon, đến bậc mệnh phụ nhà gia thế, từ trong buồng the kín đáo và nghiêm cẩn, truyền bảo cho cô gái tơ những bí mật của cách đồ bột, pha đường.

Đó là những vật quý mà sự mất đi, nếu xảy đến, sẽ khiến người sành ăn phải ngậm ngùi. Người mình ham thanh chuộng lạ, đã bắt đầu khinh rẻ những thứ đáng yêu ấy, có cái ngon mà họ đã gần quên mùi vị. Một đằng khác, không ai chịu để ý và hết sức làm cho mỗi ngày một hoàn hảo hơn lên, cải cách cho hợp với thời mới. Những cái gia truyền dần dần mất đi, những cái khéo léo không còn giữ được. Chúng ta đã khinh bỉ cái ăn, cái uống quá, tuy không tự thú rằng những cái đó là cần, rằng tự mình vẫn thích. Giờ đến lúc phải nên thẳng thắn, và thành thực: trọng cái mình yêu và công nhận cái mình thích.

*

* *

NHỮNG CHỖ ĂN CHƠI

Muốn biết rõ một thành phố, không cần phải biết những lâu đài mỹ thuật, những nhà bảo tàng, những tờ báo hay những nhà văn, nhưng cần phải biết những chốn mà dân thành phố ấy ăn chơi. Ăn và chơi, phải, đó là hai điều hành động mà trong ấy người ta tỏ rõ cái tâm tính, cái linh hồn mình một cách chân thực nhất.

Với lại đó không phải là hai cái hành động cốt yếu của đời ư? Trong sự ăn chơi, có cả dấu hiệu của dân thành thị, cả những tật xấu hay nét hay, những cái yếu hèn cũng như những cái kiêu ngạo.

Biết ăn và biết chơi, không phải là dễ dàng như người ta tưởng. Và chính bởi từ xưa đến nay, sự ăn chơi ở nước ta bị khinh miệt, bị dè bủ, nhưng

người ta vẫn cứ phải chịu theo luật lệ chặt chẽ, nên cách ăn, chơi của người mình mới luộm thuộm, và cảm thả, và tục tằn, rồi ngược lại, có một ảnh hưởng xấu xa đến tất cả cuộc đời, cả xã hội.

Ồ, nhưng mà từ nãy đến giờ tôi đã nói những gì nhỉ? Thôi, vứt bỏ quách những lời bàn phiếm, những tư tưởng khó khăn ấy đi. Chúng ta hãy để ý quan sát bọn người ngồi ăn trong hiệu kia, nhận xét những cử chỉ, những nét mặt, và những tiếng cười của họ. Một cách cầm đũa, một cách đưa thìa lên húp canh, bảo cho ta biết nhiều về một hạng người hơn là trăm pho sách. Và nhất là những thức mà họ ăn... *Bảo cho tôi biết anh ăn gì, tôi sẽ nói anh là người thế nào.*

Hà Nội là động tiên nga,

Sáu giờ tắt hết đèn xa đèn gần,

Vui nhất là chợ Đồng Xuân.

Trước khi nói đến những nơi ăn chơi của Hà Nội, tưởng cũng nên dạo qua chợ Đồng Xuân, - cái "bụng" của thành phố, - là nơi mà những vật liệu cần cho các cao lâu từ các vùng quê và ngoại ô dồn đến. Ở đây, chúng ta được thấy các thực phẩm còn giữ nguyên hình trước khi biến thành

những món xào nấu ngon lành dưới tay các đầu bếp nổi danh hay các bà nội trợ. Tất cả của ngon vật lạ các nơi đều đem đến đây, để hiến cho sự thưởng thức sành sỏi của người Hà Nội.

Có lẽ tìm được nhiều cái hay, nếu chịu khó tính xem dân Hà Nội một ngày tiêu thụ bao nhiêu mỗi thứ, bao nhiêu rau, bao nhiêu thịt. Nhưng ở đây không phải là một cuộc điều tra, cũng không phải là một bài phóng sự. Cho nên, nói đến chợ Đồng Xuân, tôi muốn trình bày cái hình thức khác, cái vẻ riêng tấp nập, cái không khí ồn ào, cái màu sắc đặc biệt, hơn là tính cách cùng xấu tốt của các thức ăn kia. Chợ Đồng Xuân là chợ của người Hà Nội, không giống các chợ nhà quê, mà cũng không giống các chợ Bến Thành Sài Gòn, hay Chợ Mới ở Chợ Lớn. Bạn hãy vào trong chợ một ngày phiên, và để mắt ngắm nhìn cùng nhận xét; từ người buôn kẻ bán, cho đến những người mua; từ bác bồi bếp, cậu nhỏ, cô sen, cho đến các bà sành sỏi hay các cô thiếu nữ rụt rè sợ hớ, tất cả chừng ấy người hoạt động trước mắt ta, hình dáng phức tạp và thu nhỏ lại của cái xã hội người Phường Phố. Không có bức tranh nào linh hoạt và thắm màu hơn.

CHỢ MÁT BAN ĐÊM

Ngày phiên chính thì chợ bắt đầu họp từ ba giờ khuya.

Không phải là họp ở trong, nhưng là họp ở ngoài cổng, ngay giữa đường, do những người, tuy có thức hàng bán, mà có lẽ không bước chân vào chợ ngày nào.

Hai ba giờ đêm, khi các đường phố của Hà Nội đã trở lại yên tĩnh và vắng lặng, sau khi cái hoạt động cuối cùng của những người đi xem hát hay đi coi chớp ảnh về, thì từ phía các ngoại ô, từng tốp một, các người trông hay bán "la ghim" bắt đầu đem hàng của họ vào. Những gánh hàng nặng trĩu và kéo kẹt trên vai theo cái đưa đẩy có nhịp của bước đi, những người ấy vội vàng và yên lặng, không nói một lời nào. Họ không có thì giờ. Có khi từ nơi cách xa Hà Nội bốn, năm cây số, họ phải rảo bước để đến kịp; và cứ trông cái thân người uốn cong dưới gánh nặng, chúng ta biết ngay là những người cần lao và chịu khó, quen đi với những công việc nhọc nhằn, và nhẫn nại, ít

nói trên mẫu đất. Thỉnh thoảng, vài nhà khá giả hơn - tương đối - mang hàng đi trên những chiếc xe tay bánh gỗ ngày xưa, cũ kỹ và toi tả, lộc cộc lạch cạch theo bước chân của một anh nhỏ kéo, gầy gò và áo rách vai.

Những mớ rau tươi mới hái, còn ướt sương sương đêm hay là nước mát, rỏ từng giọt xuống đường thành một vệt dài. Đủ các thứ rau và quả của những mảnh vườn phì nhiêu và chăm bón ở chung quanh Hà Nội; những củ su hào tròn lớn và màu như ngọc thạch, những củ cải đỏ thắm như máu tươi, những củ cà rốt vàng thắm như màu da cam, nằm cạnh những quả cà giải bóng và tím như men tàu, những quả su su xanh ngắt, những củ radis phớt hồng và xinh xắn, mà người ta đoán sẽ ròn tan dưới hàm răng và những thức rau, mà cái vẻ mặt tươi xanh tốt trông dịu mát và đỡ khát cho thân thể; những mớ tỏi tây xếp thành chồng cao, những bắp "sà lách" chắc chắn và quăn quít, những bông "cải hoa" mềm mại và ngon lành, bên các mớ cần hay muống muợt tươi, khiến ta nghĩ đến những ao xanh ròn như tấm thảm ở thôn quê.

Họ gánh hàng đến và bày ra ở trước chợ, ngay trên đường nhựa để đợi các người đến mua buôn.

Dưới ánh sáng đèn điện, và trong luồng gió thoảng đêm khuya, đây là một phiên chợ của cái mát mẻ, non tươi, "phiên chợ xanh" của cả Hà Nội họp mà người Hà Nội không biết. Những thức hàng mỏng manh ấy không thể đợi được cái ánh sáng gay gắt của ban ngày để mà héo úa, nên trước khi trời sáng, trước khi phiên chợ chính thức bắt đầu họp dưới mái tôn, thì phiên chợ xanh đã tàn. Những người bán lại quang gánh không, đi trở ra các ngoại ô, và những chiếc xe gỗ cũ kỹ lại lộc cộc dật về các đường đất quanh thành phố.

BÀ CỤ BÁN XÔI

Trong khi chợ xanh đang họp, tuy đêm khuya, mà quang cảnh cũng không thiếu phần tấp nập. Những người bán gọi thêm một số người mua, cả người bán lẫn người mua lại gọi thêm một số hàng quả. Gánh hàng phở nóng trước chợ Đồng Xuân lúc ba giờ đêm cũng là một gánh phở ngon, có lẽ trong không khí mát và lạnh ban đêm, mùi phở thơm quyến rũ người ta hơn. Rồi hàng xôi, hàng bánh cuốn nóng, hàng bánh tây chả, vân vân, cũng

tụ họp nhau vào để lập thành cho đầy đủ một dãy quà ngon, nhiều hương vị.

Nhưng các hàng quà đó chỉ có bán những buổi phiên chợ mà thôi. Người ra, có một hàng quà bán quanh đêm, dù phiên chợ xanh có họp hay không. Vì trước chợ Đồng Xuân bao giờ cũng lâm vào cảnh vắng lặng và tĩnh mịch. Bao giờ cũng có người: một vài thầy đội xếp đến "tua" đi tuần đêm, một vài người thích chơi khuya, hoặc ở các rạp hát hay nhà chớp bóng về, còn vui chân lang thang mãi trên các vỉa hè Hà Nội để nghe tiếng gót giày của mình vang động; hoặc ở cao lâu ra, muốn đi hóng mát cho tiêu, hoặc ở các tiệm thuốc phiên ra - cái này thì phần nhiều - đã có một vài điệu chênh choáng trong chân, muốn đi đây, đó, không mục đích, không cần nghĩ trở về, và thấy đời lúc ấy dung dị dễ chịu và tạm tạm sống được...

Muốn thức quà no, thì lại hàng xôi, cơm của bà cụ phố Hàng Khoai. Bà dọn hàng trước cửa chợ đã từ lâu lắm, không biết đã mấy năm rồi, và chỉ dọn từ lúc chín, mười giờ tối trở đi cho đến sáng. Bà bán đủ các thức xôi: xôi vò, ăn bùi và béo, xôi đỗ ăn đậm vị, xôi lạc ăn vui miệng, đôi khi cả xôi gấc đỏ tươi, lúc xôi ra, khói bốc thơm phức... Ăn

với những miếng đậu thái vuông to, rán phồng (tuy rất ít mỡ) và mắm muối sẵn sàng; hay những miếng chả trâu không ngon lành lắm - người nghèo có kỳ quần đâu! Đã lâu, bà có làm một thứ giò sỏ, mỡ ròn và mộc nhĩ, ăn cũng thú vị.

Khi nào đồ chừng khách hàng đã ngấy rồi, thì bà rán cả cơm, với cả giếc rán, với trứng gà "ôm lét" (mà tôi ngỡ là trứng vịt!) với vó bò hay giò lợn, và cả một nồi mọc đông quánh như keo sơn, béo ngậy như thịt đông.

Ở đây, không có gì đáng quyến rũ một người sành thưởng thức, quả vậy. Nhưng phải trông các bác xe, các người phu ngồi ăn, mới hiểu cái ngon lành có thể đến được bậc nào!

Nhấp một vài chén rượu, thong thả gặm một mảnh vó bò may còn dính nhiều thịt, vó tròn nắm xôi trong tay trước khi đưa lên miệng, họ có cái sung sướng của nhà nghệ sĩ thưởng thức áng văn hay, (có lẽ họ là những nghệ sĩ không biết). Mà nếu hôm ấy buổi xe lại có lãi, thừa được vài hào, thì cái thú của họ thực là vô cùng tận.

Cho nên quanh mẹt hàng của bà cụ phố Hàng Khoai, bao giờ cũng vây một hai vòng người. Thỉnh thoảng chúng ta được thấy một vài nhân

vật lạ; một vài người không biết ở đâu, và sống bằng cách gì, gầy gò và rách rưới, nhưng quần áo rách là những thứ áo sang trọng trước kia. Nhìn kỹ thì biết là những người nghiện; lắm - người nghèo có kỳ quần đâu! Đã lâu, bà có phải, mà chỉ có những người nghiện mới biết đưa tha nhường ấy, mới biết khà hớp rượu một cách ngon lành như vậy, mới biết đưa tay có móng đen véo đĩa xôi một cách chắc chắn thế kia; họ tính từng xu, thêm bớt từng tí mớ, và mặc cả từng khoanh giò; nhưng cái nhắm nhía, cái lơ dờ mắt ngẫm nghĩ đến vị miếng ăn, đủ tỏ một tâm hồn cảm giác không thường, cùng với một sự từng trải đã quá nhiều đau đớn.

Cái ngon ấy cũng dễ lây lắm. Cả đến chính bà hàng cũng theo được cái nên thưởng thức. Những lúc vắng khách, bà cũng rót một chén rượu to để cạnh, và thông thả tự nhắm những thức ăn chính tay mình làm ra. Có lẽ bà tự lấy làm bằng lòng: vì mắt bà lâu dần mờ say đi, tay bà dính thêm nhiều mớ, và bên thúng thêm một đồng xương con... Ít ra ở đâu mà được người bán cùng với người mua cùng là tri kỷ, hiểu các vị một cách thấu đáo như thế, và cùng bàn chuyện về xôi, giò chả với cái dễ dàng thân mật của những người

kính phục lẫn nhau. - Ở đâu, nếu không ở chốn Hà Nội 36 phố phường.

.....

"Giờ ăn đã no rồi, rượu đã làm cháy khô cuống họng. Còn gì bằng một chén nước chè nóng, một lá trầu tươi, một điếu thuốc Lào ở cái điếu rô kêu? Vậy xin mời các ông sang bên *"Hàng nước cô Dân"*.

HÀNG NƯỚC CÔ DÂN

Cô Dân là một thiếu nữ hãy còn trẻ, cứ nghe tên cô thì đủ biết (cái lỗi đặt tên của cổ nhân ta nghĩ cũng thẳng thắn và thực thà: mang cái tuổi trong tên mình, không cần giấu giếm). Tuy vậy cô là một thiếu nữ đảm đang lắm. Tất cả các cô hàng nước đều đảm đang. Một mình cô trông nom cái cửa hàng nước ở trước chợ Đồng Xuân, bên cạnh bà cô bán hàng xôi, và cũng như bà, cô bán hàng từ chín giờ tối, suốt đêm cho tới sáng.

Cửa hàng của cô cũng không có gì: một vài miếng trầu, một vài phong thuốc Lào, một bao thuốc lá bán lẻ, vài cái bát uống nước, như các bát uống nước ở tất cả các hàng nước Việt Nam, đập úp xuống mặt chõng. Nhưng hàng cô Dân có

một chút đặc biệt hơn: cô không bán nước vối hay nước chè tươi. Cô bán nước chè, tôi cũng không biết chè mạn hay chè hột, chỉ biết là một thứ chè cũng dễ uống. Và có lẽ bán cho người ở đất "văn minh", nên cô bán nước chè uống sôi, dù trời rét hay trời nóng, mùa đông hay mùa hạ. Ấm chè bọc một cái áo gai rất cẩn thận, dựng bên một cái hỏa lò than cũng hồng, mang một ấm nước bao giờ cũng reo sôi.

Ai uống nước đường thì đã có cốc thủy tinh, một xu một cốc. Cô múc vào cốc một thìa đường, - tuy đường đắt mà xem ra cô cũng múc nới tay lắm, - nghiêng bình chè rót đầy cốc, vừa đưa lên cho khách với cái nhìn của đôi mắt nhỏ, lanh lẹ, hai con ngươi đen bóng loáng, như hai con mắt của một con vật non nào.

Ăn cơm, uống rượu xong mà được một cốc nước chè đường rất nóng thì ai chẳng thích. Nên hàng cô Dấn đông khách lắm, có khi cô trở tay bán không kịp. Kẻ đứng, người ngồi xúm vòng quanh - nhưng ngồi xồm mà thôi, vì hàng nước ấy lại còn cái đặc biệt khác nữa là không có ghế ngồi. Những bác phu xe đặt nón, lần túi lấy một điều thuốc lão, vài thầy đội xếp uống chè từng ngụm nhỏ trên xe đạp gác ở hè với vài khách hàng áo

ngắn, còn trẻ tuổi, hay điểm thêm vào vị nước một vài câu bông đùa nhẹ nhàng đối với cô hàng. Thỉnh thoảng, một bác phu già, rụt rè thăm khế bên tai cô hàng nước, hoặc trả tạm một xu ở món nợ còn lại, hoặc năn nỉ xin chịu nữa. Cô hàng dúi đôi lông mày nhỏ lại một chút, nhưng cô dễ tính, rồi cũng bằng lòng.

*

* *

Một hàng nước dắt khách vì các thức quà bán đã đành, nhưng đôi khi cũng dắt khách vì cả cô hàng. Cô hàng nước Việt Nam - dù ở dưới bóng đa, bên ruộng lúa, hay ở dưới mái hiên của thành phố, ở đây cũng vậy, miệng cười tươi của cô hàng là dây liên lạc khắp cả mọi người. Cô hàng nước Việt Nam, từ xưa đến nay đã chiếm một địa vị quan hệ trong lịch sử, và trong văn chương: đã có nhiều tiểu thuyết bắt đầu ở một hàng nước và kết cục cũng ở đây.

Ồ, nhưng mà chúng ta hãy trở lại cô hàng nước của 36 phố phường. Cô nhũn nhặn lắm: cô mặc một cái áo tứ thân nâu cũ, giản dị và đảm đang như các cô gái Việt Nam. Trong mấy ngày tết, người ta mới thấy cô khoác cái áo mới hơn một

chút, vắn vành khăn tròn tròn và chặt chẽ hơn. Và dưới mái tóc đen, lúc đó mới lấp lánh mặt đá của đôi hoa vàng, bà cụ đánh cho cô năm vàng còn rẻ, làm cái vốn riêng, chắc thế.

Cô không đẹp, chỉ xinh thôi. Và tính cô, cũng như tuổi cô, còn trẻ con lắm. Thấy khách hàng nói một câu bông đùa, cô đã tưởng người ta chòng ghẹo mình, dúi đôi lông mày lại, và ngoe nguẩy cái nhìn. Khách trông thấy chỉ cười. Nhưng cô cũng không giận ai lâu: chỉ một lát cô lại vui tính ngay.

Một hai năm nữa, lớn lên đi lấy chồng, ai là người thay cô trông nom ngôi hàng nước của "Hà Nội là động tiên sa"? - Cô bé em cô, hẳn vậy, sẽ ngồi bán hàng thay chị, lại que diêm, điều thuốc, miếng trầu, - để kéo dài mãi mãi cái phong vị bình dân và mộc mạc của các cô hàng nước cùng với các cô hàng xén kiu kịt đi chợ Đông, chợ Đoài, là cái tinh hoa thuần túy của người Việt Nam từ xưa xưa đến giờ.

CÁC HIỆU CAO LÂU KHÁCH

Những chốn ăn chơi của Hà Nội là nhất Bắc Kỳ, nhất cả Đông Dương nữa, cái đó đã rành rành,

không ai chối cãi. Nhưng chúng ta phải buồn phiền mà nhận ra rằng những hiệu cao lâu có danh và bền vững đều là của người Tàu. Về cách tổ chức một chôn ăn, về danh vọng của một ngôi hàng cơm, thật quả chúng ta không có nền nếp, tục lệ và quy củ. Hồi Hà Nội còn là kinh đô của vua Lê, chúa Trịnh, chắc cũng có nhiều quán rượu thơm tất do người mình chủ trương. Nhưng giờ vết tích còn đâu? Cái quán rượu mà cụ Nguyễn Du, lúc còn trẻ tuổi đã bắt ba, bốn người bạn vào uống rượu và bàn chuyện về lũ kiêu binh, cái quán rượu ấy chẳng hạn mà còn đến bây giờ, còn cả bộ trường kỷ mà Nguyễn Du đã ngồi thì hẳn là một chôn đáng cho chúng ta trọng vọng dường nào.

Nhưng không có cái chúng ta muốn thì đành yêu mến cái mà chúng ta có. Mà những cái chúng ta - người của 36 phố phường - đang có thì cũng chẳng phải là không đáng yêu: bạn chắc đã nhiều lần thưởng thức cái món cánh gà rán, da giòn, thịt mềm vị thơm, của Đông Hưng Viên, - hoặc một buổi chiều buồn bã, mượn cái men say của rượu Mai Quế Lộ sánh trong chén, để nhắm nhía cái bùi béo của những miếng phỉ tẩm trong như thạch đen, lẫn với cái vị cay ướt của nhất gừng muối hoặc rót một chút Thanh Mai còn nồng cái hương

chua của những quả mơ ngát, lên trên chiếc bánh
dừa quánh nước; hoặc gọi một bát cơm lá sen để
ngửi mùi thơm ngát của mùa hạ trên hồ..
bạn chắc đã thưởng thức cái mềm béo - ô, tất cả
cái thú vị của thớ thịt và của xương ròn - của món
chim quay hiệu Quảng Sinh Long ⁽¹⁾ (hoặc màu
vàng óng ánh của đĩa "gà sì dầu"; bạn đã thưởng
thức cái món thịt bò của hiệu "nhà khách cháy"
Tự Lạc Hiên, có chú bếp béo quay và cô hàng nhí
nhảnh; tất cả các món bằng thịt bò, sào cải làn,
áp chảo, mì bò nước hay khô, mà bao giờ thịt cũng
mềm, cháy sém ngoài mà trong vẫn sùng nước
ngọt. Ấy là hồi năm ngoái, năm kia, chứ bây giờ
thì chủ với tớ ở hiệu đã chia rẽ nhau rồi: ông chủ
Tự Lạc vẫn ngồi gật gật cái đầu sau quầy hàng,

(1) Các chim quay của hiệu này bao giờ cũng mềm, cũng béo, và cũng ngon
như thế, bất cứ lúc nào và mùa nào. Ăn con chim quay hôm nay tưởng như
vẫn ăn con chim quay hôm qua. Cái "đều hàng" ấy là một trong những có
đất hàng của hiệu và cũng là bí quyết riêng của đầu bếp Tàu. Cái bí quyết
"quay chim" đó tôi vì các bà nội trợ Việt Nam muốn chiêu chồng mà bày
tỏ ra đây: một cái chảo to, sâu lòng, mỡ đầy đến miệng, (họ nói là mỡ nhưng
tôi chắc cũng có một phần dầu), đun cho rõ nóng sôi; con chim sữa soạn
đầu đầy, - một ú húng liu cho thơm chẳng? - chỉ còn việc đem dúng ngập
vào chảo mỡ, liệu vừa được, vàng da chín thịt, thì vớt ra. Cái lối này, nếu
làm một, hai con thì tốn mỡ nhưng mỡ đó có lẽ vẫn dùng được. Chim tất
nhiên phải chim non, nếu chim đã có cháu chắt, thì bí quyết giòn cũng chẳng
làm cho ngon được.

mà chú bếp béo thì đã nghiệm nhiên trở nên một ông chủ khác của hiệu Nam Viên, còn cô khách nhí nhảnh ngày trước thì đã đi lấy chồng...

Ở Hàng Buồm còn hiệu Mỹ Kinh, nhưng cái ngon về món ăn thì hình như không trú chân ở đó; Hàng Trống có hiệu cao lâu Tử Xuyên, Hàng Bông có Vân Nam tửu gia, Tự Hưng Lâu và Đại Á Tế Á, hiệu sang nhất Hà Thành; đó là những hiệu cao lâu, cũng như các phòng ngủ, thì nhau được mọc lên như nấm sau cái hồi dân Trung Quốc chạy loạn sang ta. Không có gì đáng kể, người Assia mà cái sang trọng lịch sự cũng được người ta coi trọng ngang với cái vị ngon, và chúng ta sẽ có dịp trở lại sau này.

Trở lên, đây là tất cả những cao lâu của người Tàu ở Hà Nội, của một giống người có lẽ hơn ai hết đã nâng việc ẩm thực lên mức một nghệ thuật hết sức phiền toái, tỷ mỉ và cầu kỳ. Ngủ giường phương Tây, lấy vợ Nhật Bản, ăn thức ăn Tàu... Có dân nào vừa thanh cao trong chén rượu hâm nóng trên tuyết, hay trong chén trà núi Vũ Di pha vào chén sứ men như ngọc thạch, lại vừa bẽ bộn thừa mứa trong những bữa tiệc đầy hàng chục món, cầu kỳ đến bắt một giống nhái ở Hồ Nam gẩy bụng lấy nguyên miếng mỡ để nấu nước dùng?

Thật đi từ đầu nọ đến đầu kia, dùng hết cả giác quan và tìm hết cả cảm giác của linh hồn và của thân thể.

Muốn thết bạn xa, hay đãi một người khách quý, hoặc trong một dịp long trọng hay đặc biệt nào đó, người của Hà Nội chỉ biết đưa nhau đến một trong những hiệu cao lâu ấy. Nhưng cũng chỉ ở những trường hợp ấy thôi; có lẽ vì ăn luôn những thức cầu kỳ và nhiều vị ấy chóng chán, hay cũng vì giá tiền có đôi chút hơi cao. Còn trong những lúc thường, lúc đi chơi mát vãn vợ, hay ở các rạp tuồng, rạp chiếu bóng đi ra, người Hà Nội ưa đến những chỗ khác hơn; những hiệu nem, hiệu phở, hiệu cháo lòng, nhỏ nhỏ rải rác khắp các phố, phần nhiều của người ta trông nom; ở đấy, với một vài hào, họ đã có thể có dăm ba món dễ ăn, một cút rượu Văn Điển hay cút rượu Con Hươu, vài lá rau thơm quen thuộc để khê khà nhắm nhía cái thú đi ăn hiệu. Ở đây, mới hội họp tất cả Hà Nội, sang cũng như hèn, đủ các hạng người, từ ông trưởng giả giàu có đến nhà văn sĩ nghèo nàn, trong cái hoạt động vui vẻ của cái không khí đặc biệt của Hà Nội.

HẾT

HÀ NỘI BĂM SÁU PHỐ PHƯỜNG

Truyện THẠCH LAM

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

VŨ AN CHUÔNG

Biên tập:

HỒ THU

Sửa bản in:

QUANG DƯƠNG

.Bìa:

SƠN HÀ

In 1000 cuốn, khổ 13x19 cm. In tại NXB NN.
Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản
89.CXB/260-VHTT.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2000

THẠCH LAM

Hà Nội

36 PHỐ PHƯỜNG



SÁCH PHÁT HÀNH TẠI
TẦNG 2 - SỐ 5 PHỐ ĐÌNH LỄ
HÀ NỘI
Điện thoại: 8261652

¥773 105

Giá: 18.000 đ